

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

====o0o====

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**  
**(CẤP BẰNG ĐẠI HỌC THỨ NHẤT - TẬP 2)**

HÀ NỘI, 2018

# NHÓM NGÀNH BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG

TT	Tên chương trình	Trang
<b>Ngành Báo chí, mã số 7320101</b>		
1	Báo in	1
2	Ảnh báo chí	31
3	Báo phát thanh	61
4	Báo truyền hình	91
5	Quay phim truyền hình	119
6	Báo mạng điện tử	147
<b>Ngành Truyền thông đa phương tiện, mã số 7320104</b>		
7	Phát triển và ứng dụng Truyền thông đa phương tiện	175
8	Sản phẩm Truyền thông đa phương tiện	208
<b>Ngành Truyền thông đại chúng, mã số 7320105</b>		
9	Sản phẩm Truyền thông đại chúng	241
10	Truyền thông đại chúng ứng dụng	272
11	<b>Ngành Truyền thông quốc tế, mã số 7320106</b>	303
<b>Ngành Quan hệ công chúng, mã số 7320108</b>		
12	Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	330
13	<b>Ngành Quảng cáo, mã số 7320110</b>	360
14	<b>Ngành Xuất bản, mã số 7320401</b>	388



Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4974-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo in

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo in;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

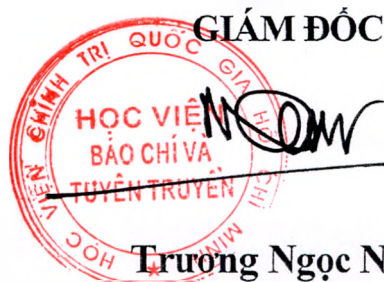
**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo in.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC  
  
Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4974-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:

Tên văn bằng : **Cử nhân Báo chí**

Tên chương trình : **Báo in**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Báo chí**

Mã số: **7320101**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo và công việc ở cơ quan báo chí; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Báo in;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;

- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo in;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

\* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo in: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin, sáng tạo tác phẩm báo chí, biên tập, theo dõi phản hồi...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí - truyền thông nói chung và loại hình báo in nói riêng: Tổ chức sản xuất báo ngày, báo tuần, tạp chí, chuyên đề, chuyên san...; thiết kế, tổ chức dự án sản phẩm báo chí - truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị...

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí - truyền thông.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà báo;

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các toà soạn báo, tạp chí, các hãng tin và các cơ quan báo chí khác (đài phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...) có nhu cầu nhân lực báo chí tích hợp chuyên ngành báo in;

- Cán bộ chuyên môn báo chí trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;

- Ngoài ra, có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### *1.5. Trình độ Tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## 2. Căn cứ xây dựng chương trình:

### 2.1. Căn cứ thực tiễn

#### 2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

##### Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2018.;

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018.

##### Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đại học Truyền thông Anh London College of Communication năm 2018.

- Chương trình cử nhân báo chí Đại học South Wales Prifysgol De Cymru năm 2018.

- Chương trình cử nhân báo chí Đại học Missouri - University of Missouri, Hoa Kỳ năm 2018

#### 2.1.2. Kết quả khảo sát

##### \* Khảo sát nhu cầu xã hội

- Thời điểm khảo sát: năm 2017

- Hình thức và đối tượng khảo sát:

+ Phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trên phạm vi cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh): Khảo sát được thực hiện với nhóm đối tượng làm việc liên quan đến lĩnh vực báo chí- truyền thông, như: biên tập viên, phóng viên, các nhà quản lý cơ quan báo chí- truyền thông, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực báo chí, các nhân viên, nhà lãnh đạo trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp báo chí- truyền thông.

+ Phỏng vấn sâu: chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 15 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo.

+ Tổ chức Hội thảo “*Nhu cầu và kinh nghiệm đào tạo Báo in hiện nay*”.

- Kết quả khảo sát:

Kết quả khảo sát an-kết cho thấy rằng hầu hết các vị trí trong các cơ quan báo chí, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp báo chí- truyền thông đều rất cần các nhân lực có trình độ cao về báo chí. Với 132 nhà tuyển dụng là lãnh đạo của các cơ quan báo chí, doanh nghiệp truyền thông, 128 nhà tuyển dụng là đơn vị quảng cáo/phát hành/dịch vụ truyền thông, 19 đơn vị quản lý truyền thông

và 9 đơn vị đào tạo, nghiên cứu truyền thông được khảo sát, kết quả cho thấy tỷ lệ cần các chuyên gia về chuyên ngành báo in tại mỗi vị trí đều đạt mức trên 60%. Trong đó, vị trí cần tuyển là: Phóng viên chiếm 70,2% và biên tập viên chiếm tỷ lệ 60,8%.

Kết quả phỏng vấn sâu và hội thảo cho chúng tôi những nhận định đồng nhất về sự cần thiết trong nhu cầu tuyển dụng, sự hợp lý về mục tiêu, thời lượng, cấu trúc, nội dung của chương trình đối với nguồn nhân lực chuyên ngành Báo in của các cơ quan báo chí, các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

Tất cả kết quả khảo sát đều khẳng định việc đào tạo chuyên ngành báo in là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2. Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## **3. Chuẩn đầu ra**

### **3.1. Về kiến thức**

*Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CDR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

*Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CDR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử báo chí, văn hóa báo chí - truyền thông, tâm lý báo chí - truyền thông, truyền thông xã hội và mạng xã hội.

**CDR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CDR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CDR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng báo chí và phương pháp nghiên cứu công chúng.

*Kiến thức ngành*

**CDR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

**CDR 10.** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

**CDR 11.** Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử.

**CDR 12.** Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CDR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

*Kiến thức chuyên ngành*

**CDR 14.** Phân tích được đặc điểm của loại hình Báo in, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CDR 15.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo in.



**CĐR 16.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí-truyền thông.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### **Kỹ năng chung**

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phân biệt thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### **Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Báo chí**

**CĐR 22.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

**CĐR 23.** Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

**CĐR 24.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CĐR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo chí.

**CĐR 26.** Kỹ năng tổ chức, phát triển và quản lý các dạng báo in, bao gồm tạp chí, nhật báo, tuần báo và các ấn phẩm báo chí chuyên biệt.

**CĐR 27.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CĐR 28.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

**CDR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

#### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

#### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành báo in nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

-Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày

18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	<b>TM01012</b>	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	<b>KT01011</b>	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	<b>CN01002</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	<b>LS01002</b>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	<b>TH01001</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá	2,0 (1,5:0,5)	

			độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0;1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5;0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5;0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5;0,5)	

Tự chọn					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>QT02552</b>	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15.	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối	2,0 (1,5:0,5)	

			tượng tiếp nhận.		
16.	TG01007	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong	4,0 (2,0:2,0)	

			các bài học tiếng Anh.		
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện... Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01023</b>	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24.	<b>NN01019</b>	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	<b>NN01020</b>	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở	4,0 (2,0:2,0)	



			mức độ tiên trung cấp.		
26.	<b>NN01021</b>	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	<b>NN01024</b>	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	<b>BC02801</b>	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29.	<b>PT02306</b>	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền	3,0 (1,5:1,5)	

			thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...		
30.	<b>BC02115</b>	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phân cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	<b>QQ02101</b>	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32.	<b>PT03801</b>	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo chí trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	<b>BC02307</b>	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (1,0:2,0)	
34.	<b>BC02803</b>	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phân biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm	3,0 (1,5:1,5)	

			báo chí.		
35.	<b>PT02805</b>	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...	3,0 (1,5:1,5)	
36.	<b>PT02807</b>	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
37.	<b>BC02109</b>	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
38.	<b>BC02110</b>	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	3,0 (1,5:1,5)	
39.	<b>BC03802</b>	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động	3,0 (1,5:1,5)	

			trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.		
40.	<b>BC03804</b>	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.	5,0 (2,0:3,0)	
41.	<b>PT03805</b>	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5,0 (2,0:3,0)	
42.	<b>PT03806</b>	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5,0 (2,0:3,0)	
43.	<b>PT03807</b>	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	5,0 (2,0:3,0)	
44.	<b>BC03840</b>	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị	2,0 (1,0:1,0)	

			các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại nơi thực địa.		
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				11	
<b>Bắt buộc</b>				5	
45.	<b>PT03848</b>	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.	5,0 (1,0;4,0)	
<b>Tự chọn</b>				6/24	
46.	<b>BC03813</b>	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội	3,0 (1,5;1,5)	
47.	<b>PT03814</b>	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phân biện, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5;1,5)	
48.	<b>BC03815</b>	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,5;1,5)	
49.	<b>PT03816</b>	Báo chí về an ninh quốc phòng	Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5;1,5)	

			Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh		
50.	<b>BC03817</b>	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
51.	<b>PT03818</b>	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu... Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra... Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu	3,0 (1,5:1,5)	
52.	<b>PT03819</b>	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành tự tìm kiếm thông tin và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
53.	<b>BC03640</b>	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>29</b>	
<i>Bắt buộc</i>				23	
54.	<b>BC03601</b>	Tác phẩm báo chí thông tấn	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết các thể loại tác phẩm	6,0 (2,0:4,0)	

			thuộc báo chí thông tấn cơ bản như: phỏng vấn, phóng sự, điều tra		
55.	<b>BC03602</b>	Tác phẩm báo chí chính luận	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, phương pháp viết các thể loại tác phẩm thuộc báo chí chính luận cơ bản như: bình luận, chuyên luận, xã luận	3,0 (1,0:2,0)	
56.	<b>BC03604</b>	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo chí để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí (tổ chức hoạt động cơ quan báo chí; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5:3,5)	
57.	<b>BC03605</b>	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm cuối cùng (thực tập tốt nghiệp). Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo chí để tham gia vào hoạt động tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí; thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí ở mức cao hơn đợt thực tập năm thứ ba về số lượng chỉ tiêu tác phẩm (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5:3,5)	
58.	<b>BC04801</b>	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khóa luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	6,0 (0,5: 5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
59.	<b>BC03606</b>	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	Những kiến thức cơ bản về lý thuyết của báo chí và truyền thông dữ liệu như khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm, hệ thống các loại hình báo chí – truyền thông dữ liệu mới; xu hướng và kỹ năng cơ bản trong ứng dụng báo chí - truyền thông dữ liệu trong sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí ở các cơ quan báo chí hiện	3,0 (1,0:2,0)	

			nay; các kĩ năng tìm kiếm và xử lí dữ liệu, phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp báo chí.		
60.	<b>BC03607</b>	Tác phẩm báo chí chuyên sâu	Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí chuyên sâu theo lĩnh vực nội dung (nội chính, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, môi trường...). Sinh viên phân tích được quá trình và phương pháp sáng tạo, thực hành kỹ năng sáng tạo các thể loại báo chí đòi hỏi kiến thức kỹ năng tổng hợp, nâng cao.	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
61.	<b>BC03808</b>	Ảnh báo chí	Những kiến thức cơ bản về kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh báo chí; cơ sở lý luận ảnh báo chí; kỹ năng sáng tạo ảnh đơn; kỹ năng sáng tạo ảnh bộ. sinh viên nghiên cứu, làm việc nhóm, phân tích, đánh giá ảnh báo chí; sáng tạo tác phẩm ảnh báo chí.	3,0 (1,0:2,0)	
62.	<b>BC03809</b>	Nhật báo và tuần báo	Những kiến thức cơ bản về Nhật báo và Tuần báo; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm của Nhật báo và Tuần báo; phân loại, mô hình tổ chức thông tin cho Nhật báo và Tuần báo; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Nhật báo và Tuần báo; quản trị và kinh doanh sản phẩm Nhật báo và Tuần báo; cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Nhật báo và 1 sản phẩm Tuần báo; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Nhật báo và 1 sản phẩm Tuần báo.	3,0 (1,0:2,0)	
63.	<b>BC03810</b>	Tạp chí	Những kiến thức cơ bản về Tạp chí; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm, phân loại Tạp chí; mô hình tổ chức thông tin cho Tạp chí; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Tạp chí; quản trị và kinh doanh sản phẩm Tạp chí. cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Tạp chí; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Tạp chí.	3,0 (1,0:2,0)	
64.	<b>BC03811</b>	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	Những kiến thức cơ bản về ấn phẩm báo chí chuyên biệt và tầm quan trọng của báo chí chuyên biệt trong đời sống xã hội; Thông tin về các ấn phẩm báo chí chuyên biệt và một số vấn đề đặt ra. Thực hành sản xuất tác phẩm báo chí cho ấn phẩm báo chí chuyên biệt; sản xuất chuyên đề báo chí cho ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3,0 (1,0:2,0)	
65.	<b>BC03812</b>	Dự án báo chí và	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế dự án báo chí và tổ	3,0	



		các sản phẩm truyền thông	chức sản xuất sản phẩm truyền thông như: những đặc trưng cơ bản về thiết kế dự án báo chí – truyền thông, khái niệm và đặc điểm của các sản phẩm truyền thông. Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; lập kế hoạch tổ chức sản xuất, cũng như sử dụng các công cụ, phần mềm ứng dụng trong thiết kế, sản xuất sản phẩm truyền thông.	(1,0:2,0)	
66.	BC03603	Thiết kế và trình bày báo	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế và trình bày một trang báo, một số báo; cách thức thiết kế như màu sắc, đường nét, mảng khối của mảng sét tờ báo, tiêu đề bài viết; cách thức trình bày chuyên trang, chuyên mục.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành báo in là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	Kiến thức															Kỹ năng												Năng lực tự chủ									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33				
1	TM01012	2															2	1	2																			
2	KT01011	2															2	1	2																			
3	CN01002	2															2	1	2																			
4	LS01002	2															2	1	2																			
5	TH01001	2															2	1	2																			
6	NP01001		2														2	1	2																			
7	CT01001		2														2	1	2																			
8	XD01001		2														2	1	2																			
9	TG01004			2													2	1	2																			
10	XH01001	2															2	1	2																			
11	QT 02552	2															2	1	2																			
12	ĐC 01001	2															2	1	2																			
13	KT 01006	2															2	1	2																			
14	TT 01002		2														2	1	2																			
15	ĐC 01006	2	1														2	1	2																			
16	TG 01007	2	1														2	1	2																			
17	QT01001	2	1														2	1	2																			
18	ĐC01004	2	1														2	1	2																			
19	ĐC01005																2	1	2																			
20	NN01015																2	1	2	2																2		
21	NN01016																2	1	2	2																	2	
22	NN01017																2	1	2	2																		2
23	NN01018																2	1	2	2																		2
24	NN01019																2	1	2	2																		2
25	NN01020																2	1	2	2																		2
26	NN01021																2	1	2	2																		2





## 10. Hướng dẫn thực hiện:

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, báo in nói riêng.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến báo in theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về báo in và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

Cụ thể:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1.	Triết học Mác – Lênin	3	X							
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X						
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			X					
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		X						
6.	Pháp luật đại cương	3	X							
7.	Chính trị học đại cương	2			X					
8.	Xây dựng Đảng	2						X		
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	X							
10.	Xã hội học đại cương	2		X						
11.	Địa chính trị thế giới	2		X						
12.	Tiếng Việt thực hành	2		X						
13.	Kinh tế học đại cương	2		X						
14.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		X						
15.	Ngôn ngữ học đại cương	2		X						
16.	Tâm lý học xã hội	2		X						
17.	Quan hệ quốc tế đại cương	2		X						
18.	Lý luận văn học	2		X						
19.	Tin học ứng dụng	3		X						
20.	Tiếng Anh học phần 1	3	X							
21.	Tiếng Anh học phần 2	4		X						
22.	Tiếng Anh học phần 3	3			X					
23.	Tiếng Anh học phần 4	5				X				

24.	Tiếng Trung học phần 1	3	X						
25.	Tiếng Trung học phần 2	4		X					
26.	Tiếng Trung học phần 3	3			X				
27.	Tiếng Trung học phần 4	5				X			
28.	Lý thuyết truyền thông	3	X						
29.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3			X				
30.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3					X		
31.	Công chúng báo chí – truyền thông	3						X	
32.	Ngôn ngữ báo chí	3			X				
33.	Biên tập văn bản báo chí	3			X				
34.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3			X				
35.	Lịch sử báo chí	3			X				
36.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3			X				
37.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3			X				
38.	Cơ sở lý luận báo chí	3		X					
39.	Lao động nhà báo	3			X				
40.	Tác phẩm báo in	5				X			
41.	Tác phẩm báo phát thanh	5				X			
42.	Tác phẩm báo truyền hình	5					X		
43.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5					X		
44.	Thực tế chính trị - xã hội	2					X		
45.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5				X			
46.	Báo chí về chính trị - xã hội	3							X
47.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3							X
48.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3							X
49.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3							X
50.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3							X
51.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3							X
52.	Báo chí về thể thao và giải trí	3							X
53.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3							X
54.	Tác phẩm báo chí thông tấn	3							X
55.	Tác phẩm báo chí chính luận	3							X
56.	Ảnh báo chí	3						X	

57.	Nhật báo và tuần báo	3						X	
58.	Tạp chí	3						X	
59.	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3						X	
60.	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	3						X	
61.	Thiết kế và trình bày báo	3						X	
62.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4						X	
63.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4							X
64.	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6							X
65.	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	3							X
66.	Sáng tạo tác phẩm báo chí chuyên sâu	3							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

### \* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với báo in cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành sản xuất báo in, phòng thực hành Báo chí trẻ... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Môn *Ấn phẩm báo chí chuyên biệt, Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông*: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ Học phần *Thực tập nghiệp vụ*: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là báo chí, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm báo chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

### \* Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Báo in của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 03 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 04 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 5 Thạc sỹ Báo chí học, cùng

một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành báo in được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### **\* Về thư viện**

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

#### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình**

- Thời gian điều chỉnh: 2 năm đánh giá chương trình 1 lần. 4 năm điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.



(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.


- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

GIÁM ĐỐC



Trương Ngọc Nam

\*  
Số 4975-QĐ/HVBCTT-ĐT

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học  
theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí**

-----  
- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



**Trương Ngọc Nam**

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4975-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : **Cử nhân Báo chí**  
Tên chương trình : **Ảnh Báo chí**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Báo chí** Mã số: **7320101**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo và công việc ở các toà soạn báo, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Báo in;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo ảnh;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

\* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo ảnh: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin,

sáng tạo tác phẩm báo chí, biên tập, theo dõi phản hồi...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông nói chung và loại hình báo ảnh nói riêng: Tổ chức sản xuất ảnh tin, ảnh phóng sự...; thiết kế, tổ chức dự án sản phẩm báo chí – truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị...

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà báo;

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các toà soạn báo, tạp chí, các hãng tin và các cơ quan báo chí khác (đài phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...) có nhu cầu nhân lực báo chí tích hợp chuyên ngành báo in;

- Cán bộ chuyên môn báo chí trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;

- Ngoài ra, có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### *1.5. Trình độ Tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## 2. Căn cứ xây dựng chương trình:

### 2.1. Căn cứ thực tiễn

#### 2.1.1. Chương trình đào tạo tham khảo:

##### Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2018;
- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018.

##### Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đại học Truyền thông Anh London College of Communication năm 2018.
- Chương trình cử nhân báo chí Đại học South Wales Prifysgol De Cymru năm 2018.
- Chương trình cử nhân báo chí Đại học Missouri - University of Missouri Hoa Kỳ năm 2018

#### 2.1.2. Kết quả khảo sát

##### \* Khảo sát nhu cầu xã hội

- Thời điểm khảo sát: năm 2017
- Hình thức và đối tượng khảo sát:
  - + Phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trên phạm vi cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh). Khảo sát được thực hiện với nhóm đối tượng làm việc liên quan đến lĩnh vực báo chí- truyền thông, như: biên tập viên, phóng viên, các nhà quản lý cơ quan báo chí- truyền thông, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực báo chí, các nhân viên, nhà lãnh đạo trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp báo chí- truyền thông.
  - + Phỏng vấn sâu: chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 15 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo.

##### + Tổ chức Hội thảo “Đào tạo báo ảnh- Cơ hội và thách thức”.

##### - Kết quả khảo sát:

Kết quả khảo sát an-kết cho thấy rằng hầu hết các vị trí trong các cơ quan báo chí, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp báo chí- truyền thông đều rất cần các nhân lực có trình độ cao về báo chí. Với 112 nhà tuyển dụng là lãnh đạo của các cơ quan báo chí, doanh nghiệp truyền thông, 136 nhà tuyển dụng là đơn vị quảng cáo/phát hành/dịch vụ truyền thông, 19 đơn vị quản lý truyền thông

và 6 đơn vị đào tạo, nghiên cứu truyền thông được khảo sát, kết quả cho thấy tỷ lệ cần các chuyên gia về chuyên ngành ảnh tại mỗi vị trí đều đạt mức trên dưới 60%. Trong đó, vị trí cần tuyển là: Phóng viên chiếm 68,3% và nhân viên đồ họa chiếm tỷ lệ 72,6%.

Kết quả phỏng vấn sâu và hội thảo cho chúng tôi những nhận định đồng nhất về sự cần thiết trong nhu cầu tuyển dụng, sự hợp lý về mục tiêu, thời lượng, cấu trúc, nội dung của chương trình đối với nguồn nhân lực chuyên ngành Báo ảnh của các cơ quan báo chí, các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

Tất cả kết quả khảo sát đều khẳng định việc đào tạo chuyên ngành báo ảnh là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2. Căn cứ pháp lí**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## **3. Chuẩn đầu ra**

### **3.1. Về kiến thức**

#### *Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

*Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử báo chí, văn hóa báo chí - truyền thông, tâm lý báo chí - truyền thông, truyền thông xã hội và mạng xã hội.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CĐR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng báo chí và phương pháp nghiên cứu công chúng.

*Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

**CĐR 10.** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử.

**CĐR 12.** Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

*Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Phân tích được đặc điểm của loại hình Báo ảnh, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 15.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo ảnh.

**CĐR 16.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí-truyền thông.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### **Kỹ năng chung**

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### **Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Báo chí**

**CĐR 22.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

**CĐR 23.** Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

**CĐR 24.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CĐR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo chí.

**CĐR 26.** Kỹ năng tổ chức, phát triển và quản lý các dạng báo ảnh, bao gồm ảnh tin tức, ảnh phóng sự, tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông.

**CĐR 27.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CĐR 28.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.



**CĐR30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

**CĐR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

#### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

#### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ

thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo	2,0 (1,5:0,5)	

			đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>Tự chọn</b>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức	2,0 (1,5:0,5)	

			năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.		
11.	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	KT01006	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15.	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	TG01007	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện	2,0 (1,5:0,5)	

			tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.		
17.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng	4,0 (2,0:2,0)	

			Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.		
22.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán...Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày.	4,0 (2,0:2,0)	

			Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.		
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	



30.	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phân cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32.	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo chí trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (1,0:2,0)	
34.	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phân biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	PT02805	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...	3,0 (1,5:1,5)	
36.	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới	3,0 (1,5:1,5)	

		hội	thiếu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.		
37.	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
38.	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	3,0 (1,5:1,5)	
39.	BC03802	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
40.	BC03804	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng	5,0 (2,0:3,0)	

			và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.		
41.	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5,0 (2,0:3,0)	
42.	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5,0 (2,0:3,0)	
43.	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	5,0 (2,0:3,0)	
44.	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí - truyền thông tại nơi thực địa.	2,0 (1,0:1,0)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				11	
<b>Bắt buộc</b>				5	
45.	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ	5,0 (1,0:4,0)	

		thông số	thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.		
<i>Tự chọn</i>				6/24	
46.	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội	3,0 (1,5:1,5)	
47.	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phản biện, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
48.	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,5:1,5)	
49.	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông. Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh	3,0 (1,5:1,5)	
50.	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
51.	PT03818	Báo chí về môi trường và biến	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến	3,0 (1,5:1,5)	

		đổi khí hậu	thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu... Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra... Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu		
52.	<b>PT03819</b>	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành tự tìm kiếm thông tin và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
53.	<b>BC03640</b>	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>29</b>	
<i>Bắt buộc</i>				23	
54.	<b>BC03825</b>	Kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh	Những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh gồm: các khái niệm cơ bản; sơ lược lịch sử phát triển của kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh; vai trò và đặc điểm của kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh; kỹ thuật nhiếp ảnh cơ; kỹ thuật nhiếp ảnh số; bố cục ảnh; các yếu tố tạo hình nhiếp ảnh: ánh sáng, đường nét, khối, sắc độ, màu sắc, không gian, chất liệu...; thực hành kỹ thuật nhiếp ảnh kỹ thuật số; thực hành bố cục và tạo hình nhiếp ảnh..	3,0 (1,0:2,0)	
55.	<b>BC03826</b>	Ảnh tin tức	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thể loại Ảnh tin gồm: khái niệm ảnh tin; lịch sử của tin tức báo chí và Ảnh tin tức; vai trò và đặc điểm của Ảnh tin tức; các yếu tố nội dung của Ảnh tin tức; các yếu tố hình thức và kỹ thuật của Ảnh tin tức; các dạng Ảnh tin tức; chú thích Ảnh tin tức; nguyên tắc và quy trình sáng tạo tác phẩm Ảnh tin tức; đánh giá	3,0 (1,0:2,0)	

			tác phẩm Ảnh tin tức; thực hành sáng tạo tác phẩm Ảnh tin tức...		
56.	BC03823	Ảnh phóng sự	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản, hệ thống về thể loại Ảnh phóng sự gồm: các khái niệm cơ bản; lịch sử phát triển của Ảnh phóng sự; vai trò và đặc điểm của Ảnh phóng sự; các yếu tố nội dung của Ảnh phóng sự; các yếu tố hình thức và kỹ thuật của Ảnh phóng sự; nguyên tắc và phương thức sáng tạo tác phẩm Ảnh phóng sự; thực hành sáng tạo tác phẩm Ảnh phóng sự...	3,0 (1,0;2,0)	
57.	BC03613	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm cuối cùng (thực tập tốt nghiệp). Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo chí để tham gia vào hoạt động tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí; thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí ở mức cao hơn đợt thực tập năm thứ ba về số lượng chỉ tiêu tác phẩm (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5;3,5)	
58.	BC03614	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm cuối cùng (thực tập tốt nghiệp). Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo chí để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí (tổ chức hoạt động cơ quan báo chí; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí ở mức cao hơn đợt thực tập năm thứ ba về số lượng chỉ tiêu tác phẩm (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5;3,5)	
59.	BC03836	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng..	6,0 (0,5; 5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
60.	BC03611	Ảnh thời sự	Những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hệ thống về ảnh báo chí – vai trò	3,0	

		chính trị	của ảnh báo chí trong quá trình truyền thông chính sách và các nghị quyết, quyết sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam; Những yêu cầu cơ bản đối với phóng viên chụp ảnh thời sự chính trị; Quy trình sáng tạo tác phẩm ảnh thời sự chính trị.	(1,0:2,0)	
61.	<b>BC 03612</b>	Ảnh chuyên đề	Những kiến thức và kỹ năng sáng tạo ảnh chuyên đề: Khái niệm ảnh chuyên đề, đặc điểm của ảnh chuyên đề, phương pháp sáng tạo ảnh chuyên đề, quy trình sáng tạo ảnh chuyên đề.	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
62.	<b>BC03608</b>	Biên tập ảnh	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên tập ảnh, gồm: Chỉnh sửa một bức ảnh, chỉnh sửa tổng thể nhiều bức ảnh trong một tác phẩm ảnh hoàn chỉnh, chỉnh sửa chi tiết hình ảnh; kỹ năng lưu trữ, quản lý, phân loại và tìm kiếm hình ảnh với công cụ Adobe Bridge/Lightroom; kỹ năng xuất file với các định dạng khác nhau	3,0 (1,0:2,0)	
63.	<b>BC03609</b>	Ảnh sáng trong studio	Những kiến thức và kỹ năng sử dụng ánh sáng trong studio, gồm: Vai trò của ánh sáng trong tạo hình nhiếp ảnh, mục đích của việc sử dụng ánh sáng đối với từng sản phẩm ảnh; Kỹ năng sử dụng các thiết bị ánh sáng trong studio	3,0 (1,0:2,0)	
64.	<b>BC03838</b>	Ảnh chân dung	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản sáng tạo tác phẩm ảnh chân dung, gồm: Đặc điểm của các nhóm đối tượng; nguyên tắc sáng tạo ảnh chân dung, kỹ năng sáng tạo ảnh chân dung, quy trình sáng tạo ảnh chân dung.	3,0 (1,0:2,0)	
65.	<b>BC03839</b>	Ảnh đường phố	Những kiến thức và kỹ năng sáng tạo ảnh đường phố, gồm: Đặc trưng của sáng tạo ảnh đường phố, nguyên tắc sáng tạo ảnh đường phố, quy trình sáng tạo ảnh đường phố	3,0 (1,0:2,0)	
66.	<b>BC03828</b>	Tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về vấn đề tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông gồm các khái niệm cơ bản; nhận diện các sản phẩm truyền thông; vai trò và đặc điểm của tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông; nguyên tắc tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông; phương pháp tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông; thực hành tổ chức ảnh trên sản phẩm sách (sách in, sách điện tử); thực hành tổ chức ảnh trên các sản phẩm báo chí (báo in, truyền hình, báo mạng điện tử);	3,0 (1,0:2,0)	

			thực hành tổ chức ảnh trên các sản phẩm quảng cáo; thực hành tổ chức ảnh trên các sản phẩm quan hệ công chúng (PR)...		
67.	BC03610	Dự án ảnh	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện dự án ảnh, gồm: Nhận diện về dự án ảnh, mục đích và quy trình sáng tạo dự án ảnh; Những nguyên tắc thực hiện dự án ảnh; Những yêu cầu và kỹ năng cơ bản để hình thành dự án ảnh.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Ảnh báo chí là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.



TT	Mã học phần	Kiến thức																Kỹ năng												Năng lực tự chủ								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33				
1	TM0101	2															2	1	2																			
2	KT01011	2															2	1	2																			
3	CN01002	2															2	1	2																			
4	LS01001	2															2	1	2																			
5	LS01002	2															2	1	2																			
6	NP01001		2														2	1	2																			
7	CT01001		2														2	1	2																			
8	XD01001		2														2	1	2																			
9	TG01004			2													2	1	2																			
10	XH01001	2															2	1	2																			
11	QT 02552	2															2	1	2																			
12	ĐC01001	2															2	1	2																			
13	KT 01006	2															2	1	2																			
14	TT 01002																2	1	2																			
15	ĐC01006	2															2	1	2																			
16	TG 01007	2															2	1	2																			
17	QT01001	2															2	1	2																			
18	ĐC01004	2															2	1	2																			
19	ĐC01005																2	1	2	2																		
20	NN01015																2	1	2	2									2									
21	NN01016																2	1	2	2									2									
22	NN01017																2	1	2	2									2									
23	NN01018																2	1	2	2									2									
24	NN01019																2	1	2	2									2									
25	NN01020																2	1	2	2									2									
26	NN01021																2	1	2	2									2									
27	NN01022																2	1	2	2									2									
28	BC02801			2													2	1	2																	1		1





## 10. Hướng dẫn thực hiện:

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, báo in nói riêng.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến báo in theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về báo in và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

Cụ thể:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
67.	Triết học Mác – Lênin	3	X							
68.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X						
69.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
70.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			X					
71.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		X						
72.	Pháp luật đại cương	3	X							
73.	Chính trị học đại cương	2			X					
74.	Xây dựng Đảng	2						X		
75.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	X							
76.	Xã hội học đại cương	2		X						
77.	Địa chính trị thế giới	2		X						
78.	Tiếng Việt thực hành	2		X						
79.	Kinh tế học đại cương	2		X						
80.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		X						
81.	Ngôn ngữ học đại cương	2		X						
82.	Tâm lý học xã hội	2		X						
83.	Quan hệ quốc tế đại cương	2		X						
84.	Lý luận văn học	2		X						
85.	Tin học ứng dụng	3		X						
86.	Tiếng Anh học phần 1	3	X							
87.	Tiếng Anh học phần 2	4		X						

88.	Tiếng Anh học phần 3	3			X				
89.	Tiếng Anh học phần 4	5				X			
90.	Tiếng Trung học phần 1	3	X						
91.	Tiếng Trung học phần 2	4		X					
92.	Tiếng Trung học phần 3	3			X				
93.	Tiếng Trung học phần 4	5				X			
94.	Lý thuyết truyền thông	3	X						
95.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3			X				
96.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3					X		
97.	Công chúng báo chí – truyền thông	3						X	
98.	Ngôn ngữ báo chí	3			X				
99.	Biên tập văn bản báo chí	3			X				
100.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3			X				
101.	Lịch sử báo chí	3			X				
102.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3			X				
103.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3			X				
104.	Cơ sở lý luận báo chí	3		X					
105.	Lao động nhà báo	3			X				
106.	Tác phẩm báo in	5				X			
107.	Tác phẩm báo phát thanh	5				X			
108.	Tác phẩm báo truyền hình	5					X		
109.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5					X		
110.	Thực tế chính trị - xã hội	2					X		
111.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5				X			
112.	Báo chí về chính trị - xã hội	3							X
113.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3							X
114.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3							X
115.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3							X
116.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3							X
117.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3							X
118.	Báo chí về thể thao và giải trí	3							X
119.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3							X
120.	Kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh	3							X
121.	Ảnh Tin tức	3							X

122.	Ảnh phóng sự	3							X
123.	Biên tập ảnh	3						X	
124.	Tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông	3						X	
125.	Ảnh sáng trong studio	3						X	
126.	Dự án ảnh	3						X	
127.	Ảnh chân dung	3						X	
128.	Ảnh đường phố	3						X	
129.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4						X	
130.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4							X
131.	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6							X
132.	Ảnh thời sự chính trị	3							X
133.	Ảnh chuyên đề	3							X

### 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

#### \* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với báo in cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành sản xuất báo in, phòng thực hành Báo chí trẻ... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Môn *Ấn phẩm báo chí chuyên biệt, Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông*: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ *Học phần Thực tập nghiệp vụ*: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là báo chí, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm báo chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

#### \* Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Báo in của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sĩ, 04 Tiến sĩ, 04 Nghiên cứu sinh, 5 Thạc sĩ Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành báo in được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### **\* Về thư viện**

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

#### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình**

- Thời gian điều chỉnh: 2 năm đánh giá chương trình 1 lần. 4 năm điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và

Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**



Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

\*  
Số 4977-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh

-----  
- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

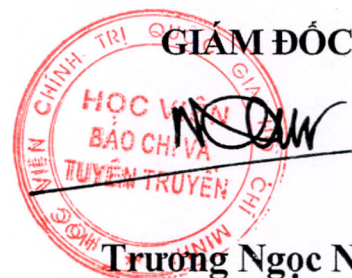
**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Phát thanh - truyền hình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

  
**Trương Ngọc Nam**

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4977-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của  
Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : **Cử nhân Báo chí**  
Tên chương trình : **Báo phát thanh**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Báo chí** Mã số: **7320101**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo và công việc ở các toà soạn báo, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Báo phát thanh;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo phát thanh;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

###### \* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo phát thanh: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin,

sáng tạo tác phẩm, biên tập, theo dõi phản hồi, xử lý các tình huống trong hoạt động tác nghiệp...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh: các chương trình tin tức – thời sự, chương trình chuyên đề, chương trình giải trí... Kỹ năng thu và sử dụng tiếng động và âm nhạc trong các sản phẩm phát thanh; Kỹ năng thể hiện bằng lời nói trên sóng phát thanh...

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo phát thanh, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông nói chung và chương trình phát thanh nói riêng.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà báo;

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các đài phát thanh, các hãng tin và các cơ quan báo chí khác (toà soạn báo, tạp chí, đài truyền hình, báo mạng điện tử...) có nhu cầu nhân lực báo chí tích hợp chuyên ngành báo phát thanh;

- Cán bộ chuyên môn báo chí trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;

- Ngoài ra, có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### *1.5. Trình độ tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình:**

### **2.1. Căn cứ thực tiễn**

#### *2.1.1. Các chương trình tham khảo:*

*Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (Ban hành năm 2017)

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành năm 2017)

*Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông thông số và truyền thông (ĐH Westminster) (Ban hành năm 2017)

#### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

##### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Khoa Phát thanh - Truyền hình đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành phát thanh vào tháng 5/2016. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các đài phát thanh – truyền hình, cơ quan báo chí, công ty truyền thông; Giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí, số lượng: 30 người, hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

- *Về nhu cầu nhân lực ngành phát thanh:* 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành phát thanh hàng năm. Không chỉ ở các đài phát thanh, một số cơ quan báo chí (báo mạng điện tử) cũng có nhu cầu nhân lực phát thanh (sản xuất các audio cho báo mạng điện tử, chương trình phát thanh trên web...). Các công ty truyền thông kinh doanh nội dung số cũng cần số lượng lớn nhân lực phát thanh (tuyển trên 5 người mỗi năm). 30% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển trên 5 phóng viên/biên tập viên/người dẫn chương trình phát thanh mỗi năm. 70% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển 1-5 phóng viên/biên tập viên/người dẫn chương trình phát thanh mỗi năm.

- *Về sự cần thiết đào tạo báo chí tích hợp:* 86% người được khảo sát cho rằng: phóng viên/biên tập viên phát thanh ngày nay cần có thêm các kỹ năng đa phương tiện khác (chụp ảnh, làm video...) để đáp ứng được yêu cầu của nhà báo phát thanh hiện đại. 100% người được khảo sát cho rằng việc đào tạo báo chí tích hợp là cần thiết và rất cần thiết.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2. Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## **3. Chuẩn đầu ra**

### **3.1. Về kiến thức**

#### *Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong nghiên cứu.

#### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử, văn hóa, tâm lý, và mạng xã hội.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CĐR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng báo chí và phương pháp nghiên cứu công chúng.

#### *Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

**CĐR 10.** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử.

**CĐR 12.** Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Phân tích được vấn đề lý luận chung về báo phát thanh, thể loại, chương trình phát thanh, phương thức sản xuất...

**CĐR 15.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo phát thanh, tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.

**CĐR 16.** Phân tích được vai trò, yêu cầu và các dạng của lời nói, tiếng động, âm nhạc trên sóng phát thanh

### **3.2. Về kỹ năng**

#### **Kỹ năng chung**

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### **Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Báo chí – chuyên ngành Báo phát thanh**

**CĐR 22.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

**CĐR 23.** Kỹ năng thực hiện các tác phẩm báo chí phát thanh; kỹ năng tổ chức sản xuất, thực hiện chương trình phát thanh; kỹ năng biên tập văn bản, lựa chọn và biên tập tác phẩm và chương trình phát thanh;

**CĐR 24:** Kỹ năng sử dụng âm nhạc và tiếng động trong sản phẩm phát thanh; Kỹ năng thể hiện bằng lời nói trên sóng phát thanh

**CĐR 25.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện dự án báo chí- truyền thông.

**CĐR 26.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo phát thanh.

**CCĐR 27.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CĐR 28.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CĐR 30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông nói chung, chuyên ngành báo phát thanh nói riêng.

**CĐR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

### 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### 9. Nội dung chương trình

#### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24



- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo	2,0 (1,5:0,5)	

			đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>Tự chọn</b>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức	2,0 (1,5:0,5)	

			năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.		
11.	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	KT01006	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15.	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	TG01007	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện	2,0 (1,5:0,5)	

			tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.		
17.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiên trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiên trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói.	4,0 (2,0:2,0)	

			Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.		
22.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện... Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi	4,0 (2,0:2,0)	

			thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.		
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phân ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30.	BC02115	Công chúng báo	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền	3,0	

		chí – truyền thông	thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	(1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32.	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (1,0:2,0)	
34.	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	PT02805	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...	3,0 (1,5:1,5)	
36.	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền	3,0 (1,5:1,5)	



			thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.		
37.	<b>BC02109</b>	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
38.	<b>BC02110</b>	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	3,0 (1,5:1,5)	
39.	<b>BC03802</b>	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
40.	<b>BC03804</b>	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học	5,0 (2,0:3,0)	

			sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.		
41.	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5,0 (2,0:3,0)	
42.	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5,0 (2,0:3,0)	
43.	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	5,0 (2,0:3,0)	
44.	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí - truyền thông tại nơi thực địa.	2,0 (0,5,1,5)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				11	
<i>Bắt buộc</i>				5	
45.	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình,	5,0 (1,0:4,0)	

			báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.		
<i>Tự chọn</i>				6/24	
46.	<b>BC03813</b>	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội	3,0 (1,5:1,5)	
47.	<b>PT03814</b>	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phản biện, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
48.	<b>BC03815</b>	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,5:1,5)	
49.	<b>PT03816</b>	Báo chí về an ninh quốc phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông. Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh	3,0 (1,5:1,5)	
50.	<b>BC03817</b>	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
51.	<b>PT03818</b>	Báo chí về môi trường và biến	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi	3,0 (1,5:1,5)	

		đổi khí hậu	trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu... Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra... Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu		
52.	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành tự tìm kiếm thông tin và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
53.	BC03640	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>32</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>26</b>	
54.	PT03843	Dẫn chương trình phát thanh	Những kiến thức và kỹ năng về hoạt động dẫn chương trình phát thanh: những vấn đề chung về dẫn chương trình phát thanh (các khái niệm, lịch sử của hoạt động dẫn chương trình, phân loại các dạng dẫn chương trình phát thanh, vai trò của hoạt động dẫn chương trình phát thanh); yêu cầu về năng lực và phẩm chất của người dẫn chương trình phát thanh; các kỹ năng thể hiện lời nói; kỹ năng dẫn chương trình tin tức; kỹ năng dẫn chương trình trao đổi; kỹ năng dẫn chương trình giải trí; kỹ năng dẫn chương trình phát thanh trực tiếp.	3,0 (1,5:1,5)	
55.	PT03844	Phát thanh trực tiếp	Những kiến thức cơ bản về phát thanh trực tiếp – một phương thức phát thanh hiện đại, như: khái niệm, đặc điểm của phát thanh trực tiếp, sự hình thành và phát triển của phát thanh trực tiếp, các dạng chương trình phát thanh trực tiếp, quy trình sản xuất chương trình phát thanh trực tiếp, các phương tiện kỹ thuật và đội ngũ sản xuất chương trình phát	3,0 (1,0:2,0)	

			thanh trực tiếp, kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh trực tiếp.		
56.	PT03846	Tổ chức sản xuất chương trình phát thanh	Những lý thuyết cơ bản về chương trình phát thanh; kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh như: tổ chức nội dung, hình thành đề cương kịch bản, ê kíp sản xuất; quy trình tổ chức sản xuất các chương trình phát thanh trong studio, chương trình ngoài hiện trường, chương trình kết hợp giữa studio với hiện trường...	3,0 (1,0:2,0)	
57.	PT03849	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận đài phát thanh để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của đài (tổ chức hoạt động cơ quan; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm phát thanh); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo phát thanh; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập.	4,0 (0,5:3,5)	
58.	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm cuối cùng (thực tập tốt nghiệp). Cụ thể: tiếp cận đài phát thanh để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của đài (tổ chức hoạt động cơ quan; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm phát thanh); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm phát thanh ở mức cao hơn đợt thực tập năm thứ ba về số lượng chỉ tiêu tác phẩm; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5:3,5)	
59.	PT04803	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận /Dự án tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khóa luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn và thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng.	6,0 (0,5: 5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
60.	PT04816	Phát thanh chuyên biệt	Những kiến thức cơ bản về Phát thanh chuyên biệt: Lịch sử hình thành và phát triển của phát thanh chuyên biệt trên thế giới và ở Việt Nam, một số kênh phát thanh chuyên biệt tiêu biểu ở Việt Nam hiện nay;	3,0 (1,0:2,0)	

			Những đặc điểm và yêu cầu, và các dạng kênh phát thanh chuyên biệt; những yêu cầu đối với người làm phát thanh chuyên biệt... kỹ năng xây dựng kênh và tổ chức sản xuất chương trình phát thanh chuyên biệt		
61.	PT04817	Chương trình phát thanh tư vấn, giải đáp	Những kiến thức lý thuyết chung về phát thanh tư vấn giải đáp, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, phân dạng chương trình, điều kiện sản xuất. Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức xây dựng nội dung, xây dựng đề cương kịch bản, hình thành ê kíp sản xuất và thực hiện chương trình...	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
62.	PT03845	Tác phẩm phát thanh nâng cao	Những kiến thức cơ bản về thể loại Tường thuật phát thanh và Toạ đàm phát thanh: Sự ra đời, phát triển đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, phân dạng... Kỹ năng thực hiện tường thuật phát thanh và toạ đàm phát thanh, kết hợp với sử dụng các yếu tố lời nói, tiếng động, âm nhạc.	3,0 (1,5:1,5)	
63.	PT03847	Âm nhạc, tiếng động phát thanh	Những kiến thức lý thuyết về vai trò, đặc điểm, yêu cầu của âm nhạc, tiếng động trên sóng phát thanh; các dạng tiếng động và âm nhạc trên sóng phát thanh; kỹ năng thu và sử dụng tiếng động và âm nhạc trong các tác phẩm và chương trình phát thanh.	3,0 (1,5:1,5)	
64.	PT03855	Báo chí di động	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí di động, những ảnh hưởng của thiết bị di động đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của báo chí di động, nguyên tắc viết cho báo chí di động và có thể thành thạo tác nghiệp bằng thiết bị di động.	3,0 (1,0:2,0)	
65.	PT03851	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về chương trình truyền hình, tổ chức sản xuất một chương trình truyền hình: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, qui trình, công nghệ sản xuất một chương trình truyền hình. Sau khi học môn này sinh viên tham gia tổ chức thực hiện sản xuất một chương trình truyền hình hoàn chỉnh.	3,0 (1,0:2,0)	
66.	PT03872	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm BMDT, bao gồm đặc trưng cơ bản của sản phẩm đa phương tiện và có thể tác nghiệp, sản xuất sản phẩm báo chí trong môi trường báo chí hiện đại.	3,0 (1,0:2,0)	

67.	PT04820	Kỹ năng điều tra	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng điều tra, gồm các khái niệm trong báo chí điều tra (thể loại, tác phẩm điều tra, phương pháp, kỹ năng điều tra), vai trò của kỹ năng điều tra trong tác nghiệp của nhà báo, các yếu tố cấu thành kỹ năng điều tra của nhà báo. Phân tích kỹ năng điều tra qua các tình huống, sự kiện, vấn đề cụ thể trên báo chí, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều tra qua các bài tập thực hành liên quan đến thực tiễn hoạt động của báo chí.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Báo phát thanh là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	Kiến thức																Kỹ năng												Năng lực tự chủ					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
1	TM01012	2															2	1	2	2															
2	KT01011	2															2	1	2	2															
3	CN01002	2															2	1	2	2															
4	LS01002	2															2	1	2	2															
5	TH01001	2															2	1	2	2															
6	NP01001		2														2	1	2	2															
7	CT01001		2														2	1	2	2															
8	XD01001		2														2	1	2	2															









## 10. Hướng dẫn thực hiện:

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, báo phát thanh nói riêng.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến báo phát thanh theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về báo phát thanh và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

Cụ thể:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
134.	Triết học Mác – Lênin	3	X							
135.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X						
136.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
137.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				X				
138.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X					
139.	Pháp luật đại cương	3	X							
140.	Chính trị học	2					X			
141.	Xây dựng Đảng	2						X		
142.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	X							
143.	Xã hội học đại cương	2		X						
144.	Địa chính trị thế giới	2		X						
145.	Tiếng Việt thực hành	2		X						
146.	Kinh tế học đại cương	2		X						
147.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		X						
148.	Ngôn ngữ học đại cương	2		X						
149.	Tâm lý học xã hội	2		X						
150.	Quan hệ quốc tế	2		X						
151.	Lý luận văn học	2		X						
152.	Tin học ứng dụng	3		X						
153.	Tiếng Anh học phần 1	4	X							
154.	Tiếng Anh học phần 2	4		X						
155.	Tiếng Anh học phần 3	4			X					
156.	Tiếng Anh học phần 4	3				X				

157.	Tiếng Trung học phần 1	4	X						
158.	Tiếng Trung học phần 2	4		X					
159.	Tiếng Trung học phần 3	4			X				
160.	Tiếng Trung học phần 4	3				X			
161.	Lý thuyết truyền thông	3	X						
162.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3			X				
163.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3						X	
164.	Công chúng báo chí – truyền thông	3						X	
165.	Ngôn ngữ báo chí	3			X				
166.	Biên tập văn bản báo chí	3			X				
167.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3			X				
168.	Lịch sử báo chí	3			X				
169.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3			X				
170.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3			X				
171.	Cơ sở lý luận báo chí	3		X					
172.	Lao động nhà báo	3			X				
173.	Tác phẩm báo in	5					X		
174.	Tác phẩm báo phát thanh	5				X			
175.	Tác phẩm báo truyền hình	5					X		
176.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5					X		
177.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5				X			
178.	Báo chí về chính trị - xã hội	3							X
179.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3							X
180.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3							X
181.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3							X
182.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3							X
183.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3							X
184.	Báo chí về thể thao và giải trí	3							X
185.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3							X
186.	Dẫn chương trình phát thanh	3						X	
187.	Phát thanh trực tiếp	3							X
188.	Tổ chức sản xuất chương trình phát thanh	3							X
189.	Tác phẩm phát thanh nâng cao	3							X
190.	Âm nhạc, tiếng động phát thanh	3							X
191.	Báo chí di động	3							X

192.	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3							X	
193.	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	3							X	
194.	Kỹ năng điều tra	3							X	
195.	Thực tế chính trị - xã hội	2				X				
196.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4						X		
197.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4								X
198.	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6								X
199.	Phát thanh chuyên biệt	3								X
200.	Chương trình phát thanh tư vấn, giải đáp	3								X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

### \* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với báo phát thanh cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, studio phát thanh... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Học phần Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là báo chí, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở ở các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm báo chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

### \* Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Báo phát thanh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 03 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 05 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 8 Thạc sỹ, 1 cử nhân Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành báo phát thanh được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến

thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### *\* Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

#### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:**

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:*

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

GIÁM ĐỐC



Trương Ngọc Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4976-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Phát thanh - truyền hình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



**Trương Ngọc Nam**



\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4976-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:		
Tên văn bằng	: Cử nhân báo chí	
Tên chương trình	: Báo truyền hình	
Trình độ đào tạo	: Đại học	
Ngành đào tạo	: Báo chí	Mã số: 7320101

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Báo chí nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo tại các tòa soạn báo, tạp chí, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Quay phim truyền hình;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;

- Có kiến thức chuyên sâu về tư duy hình ảnh, quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo truyền hình;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

###### \* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo in. Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin, sáng tạo tác phẩm báo chí, biên tập, theo dõi phản hồi...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí - truyền thông nói chung và loại hình báo in nói riêng.

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí - truyền thông.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà báo;

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên quay phim, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình;

- Cán bộ truyền thông trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;

- Ngoài ra, người được đào tạo còn có khả năng thích ứng rộng để có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### *1.5. Trình độ tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

### *2.1. Căn cứ thực tiễn*

#### *2.1.1. Các chương trình tham khảo*

*Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (Ban hành năm 2017)

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành năm 2017)

*Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông thông số và truyền thông (ĐH Westminster) (Ban hành năm 2017)

### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

#### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Khoa Phát thanh - Truyền hình đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành truyền hình vào tháng 5/2016. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các đài phát thanh - truyền hình, cơ quan báo chí, công ty truyền thông; Giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí, số lượng: 30 người theo hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phòng vấn.

- *Về nhu cầu nhân lực ngành truyền hình:* 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành truyền hình hàng năm. Không chỉ ở các đài truyền hình, một số cơ quan báo chí (báo mạng điện tử) cũng có nhu cầu nhân lực truyền hình (sản xuất các video cho web...). Các công ty truyền thông kinh doanh nội dung số cũng cần số lượng lớn nhân lực truyền hình (tuyển trên 5 người mỗi năm). 37% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển trên 5 phóng viên/biên tập viên/người dẫn chương trình phát thanh mỗi năm. 63% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển 1-5 phóng viên/biên tập viên/người dẫn chương trình truyền hình mỗi năm.

- *Về sự cần thiết của đào tạo báo chí tích hợp:* 85% người được khảo sát cho rằng: phóng viên/biên tập viên truyền hình ngày nay cần có thêm các kỹ năng đa phương tiện khác (chụp ảnh, làm đồ họa, âm thanh...) để đáp ứng được yêu cầu của nhà báo phát thanh hiện đại. 100% người được khảo sát cho rằng việc đào tạo báo chí tích hợp là cần thiết và rất cần thiết.

*\* Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

### **2.2. Căn cứ pháp lí**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CDR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CDR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử, văn hóa, tâm lý, và mạng xã hội.

**CDR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CDR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CDR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng báo chí và phương pháp nghiên cứu công chúng.

##### *Kiến thức ngành*

**CDR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

**CĐR 10.** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử.

**CĐR 12.** Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14:** Nắm được những vấn đề lý luận chung về báo truyền hình, thể loại, chương trình truyền hình, biết được phương thức sản xuất và xu hướng làm truyền hình hiện đại.

**CĐR 15:** Phân tích được đặc điểm của loại hình Báo truyền hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 16.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo truyền hình; vận dụng để tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền hình

### **3.2. Về kỹ năng**

#### **Kỹ năng chung**

**CĐR17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và hình ảnh một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### **Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Báo chí truyền hình**

**CĐR23.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

**CĐR24.** Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

**CĐR25** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong sản xuất tác phẩm báo chí.

**CDR26.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

**CDR 27:** Kỹ năng phân tích và giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề của báo chí theo chuyên ngành; Hiểu, phân tích được các khái niệm và đặc điểm của một số thể loại cơ bản và chương trình truyền hình.

**CDR 28:** Có kỹ năng thực hiện các tác phẩm báo chí truyền hình, kỹ năng tổ chức sản xuất, thực hiện chương trình truyền hình; kỹ năng biên tập văn bản, lựa chọn và biên tập tác phẩm và chương trình truyền hình.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CDR29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí.

**CDR31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

### **6. Đối tượng tuyển sinh**

Công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế... đều có thể dự thi vào ngành Báo chí, chuyên ngành Báo Truyền hình nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học

chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

## 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề	2,0 (1,5:0,5)	



			dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu;	2,0 (1,5:0,5)	

			một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.		
<i>Tự chọn</i>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>QT02552</b>	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15.	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ	2,0 (1,5:0,5)	

			năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.		
16.	<b>TG01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	<b>ĐC01004</b>	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ	4,0 (2,0:2,0)	

			tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.		
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01023</b>	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24.	<b>NN01019</b>	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán...Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	<b>NN01020</b>	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày	4,0 (2,0:2,0)	

			về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.		
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí- truyền	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về	3,0 (1,5:1,5)	

		thông	lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí ví và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...		
30.	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phân cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32.	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo chí trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (1,0:2,0)	

34.	<b>BC02803</b>	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	<b>PT02805</b>	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...	3,0 (1,5:1,5)	
36.	<b>PT02807</b>	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
37.	<b>BC02109</b>	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
38.	<b>BC02110</b>	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	3,0 (1,5:1,5)	

39.	BC03802	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
40.	BC03804	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.	5,0 (2,0:3,0)	
41.	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5,0 (2,0:3,0)	
42.	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5,0 (2,0:3,0)	
43.	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	5,0 (2,0:3,0)	
44.	BC03840	Thực tế chính trị -	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã	2,0	



		xã hội	hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại nơi thực địa.	(0,5;1,5)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				11	
<i>Bắt buộc</i>				5	
45.	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.	5,0 (1,0;4,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/24	
46.	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội	3,0 (1,5;1,5)	
47.	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phân biện, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5;1,5)	
48.	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,5;1,5)	
49.	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc	3,0 (1,5;1,5)	

			phòng- an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông. Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng -an ninh.		
50.	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. Các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5;1,5)	
51.	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu... Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra... Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu	3,0 (1,5;1,5)	
52.	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành tự tìm kiếm thông tin và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5;1,5)	
53.	BC03640	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3,0 (1,5;1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>32</b>	
<i>Bắt buộc</i>				26	
54.	PT03851	Tổ chức sản xuất	Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về chương	3,0	

		chương trình truyền hình	trình truyền hình, tổ chức sản xuất một chương trình truyền hình: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, qui trình, công nghệ sản xuất một chương trình truyền hình. Sau khi học môn này sinh viên tham gia tổ chức thực hiện sản xuất một chương trình truyền hình hoàn chỉnh.	(1,0:2,0)	
55.	PT03852	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời phát triển; vị trí, vai trò, đặc điểm của chương trình trò chơi truyền hình; nhận biết được điểm tương đồng và khác biệt giữa trò chơi truyền hình và cuộc thi trên truyền hình; nắm được kỹ năng cơ bản để sản xuất một chương trình trò chơi truyền hình nói chung, các dạng chương trình trò chơi truyền hình nói riêng; có khả năng phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học những chương trình trò chơi truyền hình đã phát sóng; có được kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.	3,0 (1,0:2,0)	
56.	PT03853	Dựng phim truyền hình	Môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật dựng phim và các thủ pháp dựng phim; các kỹ thuật xử lý video, âm thanh, text; Sinh viên biết sử dụng bộ hiệu ứng của phần mềm. Kết thúc môn, sinh viên có thể áp dụng kiến thức để dựng một số thể loại tác phẩm: tin, phóng sự... lựa chọn cảnh quay để chuyển cảnh, tạo tiết tấu cho các đoạn phim	3,0 (1,0:2,0)	
57.	PT03857	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Đợt thực tập này được xây dựng cho sinh viên nghiên cứu thực tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; sinh viên tham gia sáng tạo tác phẩm theo yêu cầu của cơ quan báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí.	4,0 (0,5:3,5)	
58.	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	Đợt thực tập được xây dựng cho sinh viên nghiên cứu thực tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; sinh viên tham gia sáng tạo tác phẩm theo yêu cầu của cơ quan báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào	4,0 (0,5:3,5)	

			toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí.		
59.	<b>PT04804</b>	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khóa luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn và thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng.	6,0 (0,5:5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
60.	<b>PT04818</b>	Phim tài liệu truyền hình	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về thể loại phim tài liệu truyền hình: lịch sử phát triển, những đặc trưng cơ bản, kỹ năng viết kịch bản, quy trình sáng tạo tác phẩm. Thực hành làm phim tài liệu.	3,0 (1,0:2,0)	
61.	<b>PT04819</b>	Đạo diễn truyền hình	Môn học đạo diễn truyền hình sẽ tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về tổ chức sản xuất chương trình trên hiện trường, cách điều tiết các công việc và nhiệm vụ của từng thành viên tham gia nhóm làm tác phẩm. Sinh viên hình thành các kỹ năng của đạo diễn truyền hình ở một số thể loại cơ bản...	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
62.	<b>PT03854</b>	Dẫn chương trình truyền hình	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động dẫn chương trình truyền hình, cụ thể khái niệm, vị trí, vai trò, đặc trưng của hoạt động dẫn chương trình truyền hình và của người dẫn chương trình truyền hình; giúp người học nắm được kỹ năng cơ bản để dẫn chương trình truyền hình nói chung và kỹ năng dẫn một số dạng chương trình truyền hình cụ thể như cách biên tập nội dung lời dẫn, cách biểu đạt ngôn ngữ cơ thể, cách xử lý sự cố khi dẫn chương trình truyền hình; có khả năng phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học hoạt động dẫn chương trình truyền hình của đội ngũ người dẫn chương trình truyền hình hiện nay.	3,0 (1,0:2,0)	
63.	<b>PT03855</b>	Báo chí di động	Học phân cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí di động như những ảnh hưởng của thiết bị di động đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của báo chí di động, nguyên tắc viết cho báo chí di	3,0 (1,0:2,0)	

			động và có thể thành thạo tác nghiệp bằng thiết bị di động.		
64.	<b>PT03846</b>	Tổ chức sản xuất chương trình phát thanh	Những lý thuyết cơ bản về chương trình phát thanh; kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh như: tổ chức nội dung, hình thành đề cương kịch bản, ê kíp sản xuất; quy trình tổ chức sản xuất các chương trình phát thanh trong studio, chương trình ngoài hiện trường, chương trình kết hợp giữa studio với hiện trường...	3,0 (1,0:2,0)	
65.	<b>PT03874</b>	Thiết kế và quản trị báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống các kỹ năng thiết kế và quản trị báo mạng điện tử, các đặc trưng cơ bản của việc thiết kế và quản trị báo mạng điện tử, kỹ năng xây dựng, thiết kế và quản trị các trang báo mạng điện tử thực tế.	3,0 (1,0:2,0)	
66.	<b>PT03872</b>	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm BMĐT, bao gồm đặc trưng cơ bản của sản phẩm đa phương tiện và có thể thành thạo tác nghiệp, sản xuất sản phẩm báo chí trong môi trường báo chí hiện đại.	3,0 (1,0:2,0)	
67.	<b>PT03861</b>	Kỹ thuật quay phim	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ thuật quay phim; Giới thiệu một số loại camera hiện đang dùng trong ngành truyền hình, quy trình khai thác và sử dụng camera, xử lý những sự cố đơn giản thường gặp màu cho hình ảnh theo ý đồ.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình

TT	Mã học phần	Kiến thức															Kỹ năng												Năng lực tự chủ							
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33		
1	TM01012	2															2	1	2	2																
2	KT01001	2															2	1	2	2																
3	CN01002	2															2	1	2	2																
4	LS01002	2															2	1	2	2																
5	TH01001	2															2	1	2	2																
6	NP01001		2														2	1	2	2																
7	CT01001		2														2	1	2	2																
8	XD01001		2														2	1	2	2																
9	TG01004			2													2	1	2	2																
10	XH01001	2															2	1	2	2																
11	QT02552	2															2	1	2	2																
12	ĐC01001	2															2	1	2	2																
13	KT01006	2															2	1	2	2																
14	TT 01002																2	1	2	2																
15	ĐC01006	2															2	1	2	2																
16	TG01007	2															2	1	2	2																
17	QT01001	2															2	1	2	2																
18	ĐC01004	2															2	1	2	2																
19	ĐC01005																2	1	2	2																
20	NN01015																2	1	2		2															
21	NN01016																2	1	2		2															
22	NN01017																2	1	2		2															
23	NN01023																2	1	2		2															
24	NN01019																2	1	2		2															
25	NN01020																2	1	2		2															
26	NN01021																2	1	2		2															
27	NN01024																2	1	2		2															

28	BC02801			2										2	1	2		2												1			1	
29	PT02306				2									2	1	1		1												1				
30	QQ02101			2										2																				
31	BC02115							2						2				1												1				
32	PT03801						2							2				1														1		
33	BC02307					2			1	1						2				2										1			1	
34	PT02805				2									2				1																
35	BC02803				2									2																1	1	1		
36	PT02807				2									2																		1	1	
37	BC02109				2									2				1														1		
38	BC02110							2						2				1														1		
39	BC03802							2						2				1		1									1		1	1		
40	BC03804								2	2	2	2		2			2	2		2														
41	PT03805								2	2	2			2			2	2		2									1	1		1		
42	PT03806								2	2	2			2			2	2		2									1	1		1		
43	PT03807								2	2	2			2			2	2		2									1	1		1		
44	BC03840				1	1	1		1	2	1	2	1	2	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	
45	PT03848													2				2		2														
46	BC03813								2	2				2																		1	1	
47	PT03814								2	2				2																		1	1	
48	BC03815								2	2				2																		1	1	
49	PT03816								2	2				2																		1	1	
50	BC03817								2	2				2																		1	1	
51	PT03818								2	2				2																		1	1	
52	PT03819								2	2				2																		1	1	
53	BC03640								2	2				2																		1	1	
54	PT03851								1	1		1	1	1	2	2	2	2		2		2	2					1	1	1	1	1		
55	PT03852								1	1		1		2	2	2	2		2		2	2					2	1	1	1	1	1		
56	PT03853								1	1				2	2	2	2		2		2	2					2	1	1	1	1	1		
57	PT03854													2	2	2		2		2	2						2	1	1	1	1	1		

58	PT03855				1			1						2	1					2	2	2		2		2	2			2	1	1	1	1				
59	PT03846														1	1	2			1	1	1		1	2	2	1	1	2	1		1	1	1				
60	PT03874																			2				2									1	1	1			
61	PT03872													2	2	2	2	2	2							2	2	2	2	2	2	2		1				
62	PT03861									1				2	2	2					2				2	2	2	2		1	1	1						
63	PT03850				1	1	1			1	1	1	2	2	1	2			2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
64	PT03858				1	1	1			1	2	1	2	1	1	2			2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
65	PT04804																	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
66	PT04818					1	1							2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1		1	1
67	PT04819					1	1							2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1



10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
201.	Triết học Mác – Lênin	3.0	X							
202.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0		X						
203.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	X							
204.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2.0				X				
205.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0			X					
206.	Pháp luật đại cương	3.0	X							
207.	Chính trị học	2.0					X			
208.	Xây dựng Đảng	2.0						X		
209.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	X							
210.	Xã hội học đại cương	2.0		X						
211.	Địa chính trị thế giới	2.0		X						
212.	Tiếng Việt thực hành	2.0		X						
213.	Kinh tế học đại cương	2.0		X						
214.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0		X						
215.	Ngôn ngữ học đại cương	2.0		X						
216.	Tâm lý học xã hội	2.0		X						
217.	Quan hệ quốc tế	2.0		X						
218.	Lý luận văn học	2.0		X						
219.	Tin học ứng dụng	3.0		X						
220.	Tiếng Anh học phần 1	4.0	X							
221.	Tiếng Anh học phần 2	4.0		X						
222.	Tiếng Anh học phần 3	4.0			X					
223.	Tiếng Anh học phần 4	3.0				X				
224.	Tiếng Trung học phần 1	4.0	X							
225.	Tiếng Trung học phần 2	4.0		X						
226.	Tiếng Trung học phần 3	3.0			X					
227.	Tiếng Trung học phần 4	3.0				X				
228.	Lý thuyết truyền thông	3.0	X							
229.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3.0			X					
230.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3.0					X			
231.	Công chúng Báo chí – Truyền thông	3.0					X			
232.	Ngôn ngữ báo chí	3.0			X					
233.	Biên tập văn bản báo chí	3.0			X					
234.	Lịch sử báo chí	3.0			X					
235.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3.0			X					
236.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3.0			X					
237.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3.0			X					
238.	Cơ sở lý luận báo chí	3.0		X						

239.	Lao động nhà báo	3.0			X				
240.	Tác phẩm báo in	5.0				X			
241.	Tác phẩm báo phát thanh	5.0				X			
242.	Tác phẩm báo truyền hình	5.0			X				
243.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5.0				X			
244.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5.0			X				
245.	Báo chí về chính trị - xã hội	3.0						X	
246.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3.0						X	
247.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3.0						X	
248.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3.0						X	
249.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3.0						X	
250.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3.0						X	
251.	Báo chí về thể thao và giải trí	3.0						X	
252.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3.0						X	
253.	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3.0					X		
254.	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình	3.0						X	
255.	Dựng phim truyền hình	3.0					X		
256.	Dẫn chương trình truyền hình	3.0						X	
257.	Báo chí di động	3.0						X	
258.	Tổ chức sản xuất chương trình phát thanh	3.0						X	
259.	Thiết kế và quản trị báo mạng điện tử	3.0						X	
260.	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	3.0						X	
261.	Kỹ thuật quay phim	3.0						X	
262.	Thực tế chính trị - xã hội	2.0			X				
263.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4.0					X		
264.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4.0							X
265.	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp	6.0							X
266.	Phim tài liệu truyền hình	3.0							X
267.	Đạo diễn truyền hình	3.0							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

\* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với báo phát thanh cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, studio phát thanh... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ *Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...*

+ *Học phần Thực tập nghiệp vụ:* để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là báo chí, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm báo chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

*\* Về đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Báo phát thanh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 03 Phó giáo sư - Tiến sĩ, 05 Tiến sĩ, 04 Nghiên cứu sinh, 8 Thạc sĩ, 1 cử nhân Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành báo phát thanh được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

*\* Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học;

249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:**

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:*

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.



**Trương Ngọc Nam**

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4979-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Phát thanh - truyền hình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



Trương Ngọc Nam

\*

### CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4979-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : Học viện Báo chí và Tuyên truyền  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : Cử nhân Báo chí  
Tên chương trình : Quay phim Truyền hình  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành đào tạo : Báo chí Mã số: 7320101

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Báo chí nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo tại các tòa soạn báo, tạp chí, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

###### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Quay phim truyền hình;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;

- Có kiến thức chuyên sâu về tư duy hình ảnh, quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo truyền hình;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

###### 1.2.2. Về kỹ năng

\* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo in: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin, sáng tạo tác phẩm báo chí, biên tập, theo dõi phản hồi...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông nói chung và loại hình báo in nói riêng.

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân - nhà báo;

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên quay phim, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các đài truyền hình, đài phát thanh – truyền hình;

- Cán bộ truyền thông trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;

- Ngoài ra, người được đào tạo còn có khả năng thích ứng rộng để có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### *1.5. Trình độ tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình:**

### *2.1. Căn cứ thực tiễn*

#### *2.1.1. Các chương trình tham khảo:*

*Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (Ban hành năm 2017)

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành năm 2017)

*Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông thông số và truyền thông (ĐH Westminster) (Ban hành năm 2017)

*2.1.2. Kết quả khảo sát*

*\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Khoa Phát thanh - Truyền hình đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành Quay phim truyền hình vào tháng 5/2016. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các đài phát thanh – truyền hình, cơ quan báo chí, công ty truyền thông; Giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí. Số lượng: 30 người, hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

- *Về nhu cầu nhân lực chuyên ngành Quay phim truyền hình:* 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành Quay phim truyền hình hàng năm. Không chỉ ở các đài phát thanh, một số cơ quan báo chí (báo mạng điện tử) cũng có nhu cầu nhân lực Quay phim truyền hình (sản xuất các video cho báo mạng điện tử, chương trình truyền hình trên web...). Các công ty truyền thông kinh doanh nội dung số cũng cần số lượng lớn nhân lực quay phim truyền hình (tuyển trên 5 người mỗi năm). 30% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển trên 5 quay phim truyền hình viên mỗi năm. 70% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển 1-5 quay phim truyền hình viên mỗi năm.

- *Về sự cần thiết của đào tạo báo chí tích hợp:* 87% người được khảo sát cho rằng người quay phim truyền hình ngày nay cần có thêm các kỹ năng đa phương tiện khác (chụp ảnh, làm audio, viết...) để đáp ứng được yêu cầu của nhà báo hiện đại. 100% người được khảo sát cho rằng việc đào tạo báo chí tích hợp là cần thiết và rất cần thiết.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

*2.2. Căn cứ pháp lý*

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;



- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử, văn hóa, tâm lý, và mạng xã hội.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CĐR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng báo chí và phương pháp nghiên cứu công chúng.

### *Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

**CĐR 10.** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử.

**CĐR 12.** Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

### *Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14:** Nắm được những vấn đề lý luận chung về ngôn ngữ hình ảnh, có kiến thức tạo hình cơ bản trong quay phim

**CĐR 15:** Phân tích được đặc điểm của loại hình Báo truyền hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 16.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo truyền hình.

**CĐR 17.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí-truyền thông.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### *Kỹ năng chung*

**CĐR 18.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 19.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và hình ảnh một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR21.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 22.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### *Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Quay phim truyền hình*

**CĐR 23.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

**CDR 24.** Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

**CDR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong sản xuất tác phẩm báo chí.

**CDR 26.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

**CDR 27.** Có các kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động quay phim; biết sử dụng các loại máy quay phim cơ bản, ống kính và thiết bị phụ trợ;

**CDR 28:** Có kỹ năng thực hiện các tác phẩm báo chí truyền hình, kỹ năng tổ chức sản xuất, thực hiện tác phẩm và chương trình truyền hình

### 3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

**CDR29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí.

**CDR31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

## 4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

## 6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ

Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### **9. Nội dung chương trình**

#### **9.1. Cấu trúc chương trình**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>41</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	12/24
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	32
<i>Bắt buộc:</i>	26
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>41</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình	2,0 (1,5:0,5)	

			hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương	2,0 (1,5:0,5)	

			<p>ngiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.</p>		
<i>Tự chọn</i>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	<p>Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>QT02552</b>	Địa chính trị thế giới	<p>Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	<p>Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	<p>Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn</p>	2,0 (1,5:0,5)	

			hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...		
15.	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>TG01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	<b>ĐC01004</b>	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>12/24</b>	



20.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01019</b>	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán...Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
24.	<b>NN01020</b>	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	

25.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gắn gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gắn gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>89</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
26.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
27.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí ví và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
28.	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận	3,0 (1,5:1,5)	

			công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.		
29.	<b>QQ02101</b>	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
30.	<b>PT03801</b>	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo chí trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	<b>BC02307</b>	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (1,0:2,0)	
32.	<b>BC02803</b>	Tâm lý học báo chí – truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	<b>PT02805</b>	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...	3,0 (1,5:1,5)	
34.	<b>PT02807</b>	Truyền thông xã hội và mạng xã	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam,	3,0 (1,5:1,5)	

		hội	giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội; các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.		
35.	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
36.	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	3,0 (1,5:1,5)	
37.	BC03802	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
38.	BC03804	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó	5,0	

			tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.	(2,0:3,0)	
39.	<b>PT03805</b>	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5,0 (2,0:3,0)	
40.	<b>PT03806</b>	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5,0 (2,0:3,0)	
41.	<b>PT03807</b>	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	5,0 (2,0:3,0)	
42.	<b>BC03840</b>	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại nơi thực địa.	2,0 (0,5,1,5)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>11</b>	

<i>Bắt buộc</i>			5		
43.	<b>PT03848</b>	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.	5,0 (1,0:4,0)	
<i>Tự chọn</i>			6/24		
44.	<b>BC03813</b>	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội	3,0 (1,5:1,5)	
45.	<b>PT03814</b>	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phân biệt, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
46.	<b>BC03815</b>	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,5:1,5)	
47.	<b>PT03816</b>	Báo chí về an ninh quốc phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông. Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh	3,0 (1,5:1,5)	
48.	<b>BC03817</b>	Báo chí về văn	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-	3,0	

		hóa và nghệ thuật	nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	(1,5:1,5)	
49.	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	Học phân cung cấp những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu... Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra... Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu	3,0 (1,5:1,5)	
50.	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành tự tìm kiếm thông tin và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí một cách chính xác, hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
51.	BC03640	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>32</b>	
<i>Bắt buộc</i>				26	
52.	PT03880	Kỹ thuật quay phim	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ thuật quay phim; giới thiệu một số loại camera hiện đang dùng trong ngành truyền hình, quy trình khai thác và xử dụng camera, xử lý những sự cố đơn giản thường tông màu cho hình ảnh theo ý đồ.	4,0 (1,5:2,5)	

53.	PT03862	Nghệ thuật quay phim	Môn học này nhằm trang bị những kiến thức có hệ thống về quay phim chuyên nghiệp: lý luận chung về quay phim, kỹ năng quay phim cơ bản, ý thức nghề, ý thức và phẩm chất của người quay phim... để áp dụng khi tham gia sản xuất chương trình truyền hình. Phần thực hành rèn cho sinh viên tư duy hình ảnh cũng như các thao tác kỹ thuật của quay phim chuyên nghiệp.	5,0 (2,0:3,0)	
54.	PT03881	Nghệ thuật nhiếp ảnh	Học phần này trang bị những kiến thức có hệ thống về nghệ thuật nhiếp ảnh và các kỹ năng cơ bản của nhiếp ảnh chuyên nghiệp; giới thiệu cho sinh viên về quy trình và các kỹ năng tác nghiệp trong nhiếp ảnh và theo đuổi mục tiêu; xử lý các cách kể chuyện bằng bố cục, cỡ cảnh trong nhiếp ảnh; lựa chọn và sử dụng các phương tiện, thiết bị hỗ trợ phù hợp.	3,0 (1,0:2,0)	
55.	PT03870	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Đợt thực tập này được xây dựng cho sinh viên nghiên cứu thực tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; sinh viên tham gia sáng tạo tác phẩm theo yêu cầu của cơ quan báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí	4,0 (0,5:3,5)	
56.	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	Đợt thực tập này được xây dựng cho sinh viên nghiên cứu thực tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; sinh viên tham gia sáng tạo tác phẩm theo yêu cầu của cơ quan báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí	4,0 (0,5:3,5)	
57.	PT04805	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt	Sinh viên lựa chọn làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khóa luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn và thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng.	6,0 (0,5:5,5)	



		ngành/Dự án tốt nghiệp			
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
58.	<b>PT04818</b>	Phim tài liệu truyền hình	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về thể loại phim tài liệu truyền hình: lịch sử phát triển, những đặc trưng cơ bản, kỹ năng viết kịch bản, quy trình sáng tạo tác phẩm. Cùng với phần nghiên cứu lý thuyết, sinh viên sẽ được thực hành làm phim tài liệu.	3,0 (1,0,2,0)	
59.	<b>PT04819</b>	Đạo diễn truyền hình	Môn học đạo diễn truyền hình sẽ tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về tổ chức sản xuất chương trình trên hiện trường, cách điều tiết các công việc và nhiệm vụ của từng thành viên tham gia đoàn làm tác phẩm. Sinh viên hình thành những kỹ năng của đạo diễn ở một số thể loại cơ bản..	3,0 (1,0,2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
60.	<b>PT03853</b>	Dựng phim truyền hình	Học phân này trang bị những kiến thức cơ bản về dựng phim, bao gồm: kỹ thuật dựng phim và các thủ pháp dựng phim. Phần kỹ thuật sinh viên làm quen với một số phần mềm dựng phim phổ biến; giới thiệu cách sử dụng các công cụ để cắt – ghép hình ảnh tạo nên câu hình, đoạn hình ảnh. Môn học cũng giới thiệu các thủ pháp dựng phim; các nguyên tắc xử lý audio trong quá trình dựng phim; xử lý mối quan hệ giữa lời bình, tiếng động và âm nhạc trong tác phẩm truyền hình.	3,0 (1,0;2,0)	
61.	<b>PT03851</b>	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về chương trình truyền hình, tổ chức sản xuất một chương trình truyền hình: khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, qui trình, công nghệ sản xuất một chương trình truyền hình. Sau khi học môn này sinh viên tham gia tổ chức thực hiện sản xuất một chương trình truyền hình hoàn chỉnh.	3,0 (1,0;2,0)	
62.	<b>PT03872</b>	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm BMDT, bao gồm đặc trưng cơ bản của sản phẩm đa phương tiện và có thể thành thạo tác nghiệp, sản xuất sản phẩm báo chí trong	3,0 (1,0;2,0)	

			môi trường báo chí hiện đại.		
63.	PT04820	Kỹ năng điều tra	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng điều tra, gồm các khái niệm trong báo chí điều tra (thể loại, tác phẩm điều tra, phương pháp, kỹ năng điều tra), vai trò của kỹ năng điều tra trong tác nghiệp của nhà báo, các yếu tố cấu thành kỹ năng điều tra của nhà báo. Phân tích kỹ năng điều tra qua các tình huống, sự kiện, vấn đề cụ thể trên báo chí, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều tra qua các bài tập thực hành liên quan đến thực tiễn hoạt động của báo chí.	3,0 (1,0:2,0)	
64.	PT03855	Báo chí di động	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí di động như những ảnh hưởng của thiết bị di động đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của báo chí di động, nguyên tắc viết cho báo chí di động và có thể thành thạo tác nghiệp bằng thiết bị di động.	3,0 (1,0:2,0)	
65.	PT03852	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời phát triển; vị trí, vai trò, đặc điểm của chương trình trò chơi truyền hình; nhận biết được điểm tương đồng và khác biệt giữa trò chơi truyền hình và cuộc thi trên truyền hình; nắm được kỹ năng cơ bản để sản xuất một chương trình trò chơi truyền hình nói chung, các dạng chương trình trò chơi truyền hình nói riêng; có khả năng phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học những chương trình trò chơi truyền hình đã phát sóng; có được kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA		
		Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực tự chủ

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
1	TM01012	2															2	1	2	2														
2	KT01011	2															2	1	2	2														
3	CN01002	2															2	1	2	2														
4	LS01002	2															2	1	2	2														
5	TH01001	2															2	1	2	2														
6	NP01001		2														2	1	2	2														
7	CT01001		2														2	1	2	2														
8	XD01001		2														2	1	2	2														
9	TG01004			2													2	1	2	2														
10	XH01001	2															2	1	2	2														
11	QT02552	2															2	1	2	2														
12	DC01001	2															2	1	2	2														
13	KT01006	2															2	1	2	2														
14	TT 01002																2	1	2	2														
15	DC01006	2															2	1	2	2														
16	TG01007	2															2	1	2	2														
17	QT01001	2															2	1	2	2														
18	DC01004	2															2	1	2	2														
19	DC01005																2	1	2	2														
20	NN01015																2	1	2		2													
21	NN01016																2	1	2		2													
22	NN01017																2	1	2		2													
23	NN01019																2	1	2		2													
24	NN01020																2	1	2		2													
25	NN01021																2	1	2		2													
26	BC02801				2												2	1	2		2										1			1
27	PT02306						2										2	1	1			1									1			





## 10. Hướng dẫn thực hiện:

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
268.	Triết học Mác – Lênin	3.0	X							
269.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0		X						
270.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	X							
271.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2.0				X				
272.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0			X					
273.	Pháp luật đại cương	3.0	X							
274.	Chính trị học	2.0				X				
275.	Xây dựng Đảng	2.0					X			
276.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	X							
277.	Xã hội học đại cương	2.0		X						
278.	Địa chính trị thế giới	2.0		X						
279.	Tiếng Việt thực hành	2.0		X						
280.	Kinh tế học đại cương	2.0		X						
281.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0		X						
282.	Ngôn ngữ học đại cương	2.0		X						
283.	Tâm lý học xã hội	2.0		X						
284.	Quan hệ quốc tế	2.0		X						
285.	Lý luận văn học	2.0		X						
286.	Tin học ứng dụng	3.0		X						
287.	Tiếng Anh học phần 1	4.0	X							
288.	Tiếng Anh học phần 2	4.0		X						
289.	Tiếng Anh học phần 3	4.0			X					
290.	Tiếng Trung học phần 1	4.0	X							
291.	Tiếng Trung học phần 2	4.0		X						
292.	Tiếng Trung học phần 3	4.0			X					
293.	Lý thuyết truyền thông	3.0	X							
294.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3.0			X					
295.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3.0					X			
296.	Công chúng Báo chí – Truyền thông	3.0						X		
297.	Ngôn ngữ báo chí	3.0			X					
298.	Biên tập văn bản báo chí	3.0			X					
299.	Lịch sử báo chí	3.0			X					
300.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3.0			X					
301.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3.0			X					
302.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3.0			X					
303.	Cơ sở lý luận báo chí	3.0		X						

304.	Lao động nhà báo	3.0			X				
305.	Tác phẩm báo in	5.0					X		
306.	Tác phẩm báo phát thanh	5.0				X			
307.	Tác phẩm báo truyền hình	5.0				X			
308.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5.0					X		
309.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5.0			X				
310.	Báo chí về chính trị - xã hội	3.0						X	
311.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3.0						X	
312.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3.0						X	
313.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3.0						X	
314.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3.0						X	
315.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3.0						X	
316.	Báo chí về thể thao và giải trí	3.0						X	
317.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3.0						X	
318.	Kỹ thuật quay phim	3.0			X				
319.	Nghệ thuật quay phim	5.0				X			
320.	Nghệ thuật nhiếp ảnh	4.0			X				
321.	Dựng phim truyền hình	3.0						X	
322.	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3.0						X	
323.	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	3.0						X	
324.	Kỹ năng điều tra	3.0						X	
325.	Báo chí di động	3.0						X	
326.	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình	3.0						X	
327.	Thực tế chính trị - xã hội	2.0			X				
328.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4.0					X		
329.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4.0							X
330.	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp	6.0							X
331.	Phim tài liệu truyền hình	3.0							X
332.	Đạo diễn truyền hình	3.0							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

\* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với báo in cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành sản xuất báo in, phòng thực hành Báo chí trẻ... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ *Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...*

+ *Môn Ấn phẩm báo chí chuyên biệt, Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông...:* đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ *Học phần Thực tập nghiệp vụ:* để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là báo chí, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm báo chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

*\* Về đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Báo in của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 04 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 5 Thạc sỹ Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành báo in được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

*\* Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp,



phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:**

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**

\*  
Số 4978-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Phát thanh - truyền hình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4978-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 16 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:		
Tên văn bằng	: Cử nhân Báo chí	
Tên chương trình	: Báo mạng điện tử	
Trình độ đào tạo	: Đại học	
Ngành đào tạo	: Báo chí	Mã số: 7320101

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo và công việc ở các toà soạn báo, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Báo Mạng điện tử;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo phát thanh;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

\* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo mạng điện tử: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin, sáng tạo tác phẩm, biên tập, theo dõi phản hồi, xử lý các tình huống trong hoạt

động tác nghiệp...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử: các sản phẩm báo chí đa phương tiện, các chương trình tương tác, sản xuất audio và video và đồ họa cho báo mạng, thiết kế web, các kỹ năng làm báo dữ liệu, báo chí di động...

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo mạng điện tử, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông nói chung và sản phẩm, chương trình trực tuyến nói riêng.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

Người học có trình độ giác ngộ chính trị và lập trường, tư tưởng vững vàng; có ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước sâu sắc; có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, thái độ dũng cảm trong bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đấu tranh chống lại những âm mưu và hành động phá hoại chế độ, cổ vũ và hướng dẫn quần chúng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao, say mê nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị trên cơ sở nhận thức đúng đắn, đầy đủ và tự giác về vai trò, vị thế xã hội của báo chí - truyền thông.

Người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo; phát triển thể chất và các phẩm chất về tâm lý, phù hợp với các yêu cầu, đòi hỏi của hoạt động nghề nghiệp báo chí - truyền thông.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các cơ quan báo chí, trong các toà soạn báo mạng điện tử;

- Cán bộ chuyên môn báo chí trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;

- Ngoài ra, người được đào tạo còn có khả năng thích ứng rộng để có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### *1.5. Trình độ tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

### **2.1. Căn cứ thực tiễn**

#### *2.1.1. Các chương trình tham khảo*

*Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (Ban hành năm 2017)

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành năm 2017)

*Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ) (Ban hành năm 2017)

- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông thông số và truyền thông (ĐH Westminster) (Ban hành năm 2017)

#### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

*\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Khoa Phát thanh - Truyền hình đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành báo mạng điện tử vào tháng 5/2016. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các cơ quan báo mạng điện tử, công ty truyền thông; giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí. Số lượng: 30 người, hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

*Về nhu cầu nhân lực chuyên ngành báo mạng điện tử cao:* 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành báo mạng điện tử hàng năm. Không chỉ ở các cơ quan báo mạng điện tử, các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình cũng có nhu cầu nhân lực báo mạng điện tử. Các công ty truyền thông kinh doanh nội dung số cũng cần số lượng lớn nhân lực báo mạng điện tử (tuyển trên 5 người mỗi năm). 30% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển trên 5 phóng viên/biên tập viên báo mạng điện tử mỗi năm. 70% người được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển 1-5 phóng viên/biên tập viên báo mạng điện tử mỗi năm.

*Về đào tạo báo chí tích hợp:* 87% người được khảo sát cho rằng: phóng viên/biên tập viên báo mạng điện tử ngày nay cần có thêm các kỹ năng của các loại hình báo chí khác để đáp ứng được yêu cầu của nhà báo báo mạng điện tử hiện đại. 100% người được khảo sát cho rằng việc đào tạo báo chí tích hợp là cần thiết và rất cần thiết.

*\* Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

### **2.2. Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử, văn hóa, tâm lý, và mạng xã hội.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CĐR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng báo chí và phương pháp nghiên cứu công chúng.

### *Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

**CĐR 10.** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử.

**CĐR 12.** Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

### *Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Phân tích được đặc điểm của loại hình Báo mạng điện tử, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

**CĐR 15.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo mạng điện tử

**CĐR 16.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí-truyền thông.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### *Kỹ năng chung*

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### *Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Báo chí – Chuyên ngành Báo mạng điện tử*

**CĐR 22.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

**CĐR 23.** Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

**CDR 24.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CDR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo chí đa phương tiện. Kỹ năng sản xuất sản phẩm báo chí truyền thông trên điện thoại di động.

**CDR 26.** Kỹ năng tổ chức, phát triển và quản lý báo mạng điện tử

**CDR 27.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

**CDR 28.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CDR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR 30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông nói chung, chuyên ngành báo phát thanh nói riêng.

**CDR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ



Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

## 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH)	Học phần tiên quyết
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1	TM01012	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,0:1,0)	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,0:1,0)	
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	2,0 (1,0:1,0)	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,0:1,0)	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá	2,0 (1,5:0,5)	

			độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				15	
<b>Bắt buộc</b>				9	
6	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
7	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định	2,0 (1,5:0,5)	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phân gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phân gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	

Tự chọn			6/18		
10	XH01001	Xã hội học đại cương	Môn học làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; Các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn – đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; địa - chính trị Việt Nam; địa - chính trị của biển và địa - chính trị Biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13	KT01006	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Những kiến thức cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí – truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp	2,0 (1,5:0,5)	

			nhận.		
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	Những kiến thức cơ bản nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai; kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5;0,5)	
17	QT01001	Quan hệ quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5;0,5)	
18	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5;0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				3	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (2,0;1,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (tự chọn Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)</b>				15/30	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0;2,0)	

21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiên trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe – Nói - Đọc -Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiên trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	

26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức	3,0 (1,5:1,5)	

			nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...		
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Học phân làm rõ quan hệ đối nội và quan hệ đối ngoại trong một tổ chức, các nhóm công chúng liên quan mà nhân viên PR cần xây dựng và duy trì mối quan hệ, tầm quan trọng của báo chí, những điều không nên làm và nên làm của một nhân viên PR khi làm việc với nhà báo, sự khác nhau giữa PR, Marketing và Quảng cáo. Ứng dụng kỹ thuật truyền thông, công nghệ số vào hoạt động PR...	3,0 (1,5:1,5)	
31	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phân cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; hoạt động tiếp nhận của công chúng; phương pháp tiếp cận công chúng; chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (1,5:1,5)	
33	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (1,0:2,0)	
34	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí.	3,0 (1,5:1,5)	
35	PT02805	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí	3,0 (1,5:1,5)	



			nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...		
36	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
37	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: Khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>					
<b>Bắt buộc</b>				28	
38	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	3,0 (1,5:1,5)	
39	BC03802	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo	3,0 (1,5:1,5)	

			chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.		
40	BC03804	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.	5,0 (2,0:3,0)	
41	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5,0 (2,0:3,0)	
42	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5,0 (2,0:3,0)	
43	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	5,0 (2,0:3,0)	
44	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại nơi thực địa.	2,0 (0,5:1,5)	

<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>11</b>	
<i>Bắt buộc</i>				5	
45	<b>PT03848</b>	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ năng sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.	5,0 (1,0:4,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/24	
46	<b>BC03813</b>	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
47	<b>PT03814</b>	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức, kỹ năng cơ bản thực hiện tác phẩm báo chí về kinh tế và an sinh xã hội. Cụ thể, môn học giúp sinh viên có được: khái niệm công cụ về kinh tế và an sinh xã hội; hiểu được vị trí, vai trò, kỹ năng cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này; tự thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
48	<b>BC03815</b>	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,5:1,5)	
49	<b>PT03816</b>	Báo chí về an ninh quốc phòng	Những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền và những lưu ý khi viết về quốc phòng-an ninh	3,0 (1,5:1,5)	
50	<b>BC03817</b>	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	

51	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	Những kiến thức và kỹ năng truyền thông về đề tài môi trường và biến đổi khí hậu, các vấn đề cơ bản và cập nhật về môi trường và biến đổi khí hậu, hiểu được vai trò của truyền thông và báo chí trong vấn đề bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; kỹ năng tìm kiếm thông tin, sáng tạo các sản phẩm truyền thông về chủ đề này một cách chính xác, hiệu quả và chuyên nghiệp.	3,0 (1,5:1,5)	
52	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này; tự thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí.	3,0 (1,5:1,5)	
53	BC03640	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>29</b>	
<i>Bắt buộc</i>				23	
54	PT03872	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tổ chức sản xuất sản phẩm BMĐT, bao gồm đặc trưng cơ bản của sản phẩm đa phương tiện; kỹ năng tác nghiệp, sản xuất sản phẩm báo chí trong môi trường báo chí hiện đại.	3,0 (1,0:2,0)	
55	PT03873	Các chương trình tương tác trên báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về các chương trình tương tác trên báo mạng điện tử, đặc trưng của các chương trình tương tác (cụ thể là chuyên mục Diễn đàn, Bạn đọc viết, Giao lưu trực tuyến, Thăm dò dư luận...) và có thể tổ chức được các chương trình như vậy trong môi trường báo chí hiện đại.	3,0 (1,0:2,0)	
56	PT03874	Thiết kế và quản trị báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống các kỹ năng thiết kế và quản trị báo mạng điện tử, các đặc trưng cơ bản của việc thiết kế và quản trị báo mạng điện tử, kỹ năng xây dựng, thiết kế và quản trị các trang	3,0 (1,0:2,0)	

			báo mạng điện tử thực tế.		
57	PT03878	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo mạng điện tử để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của báo (tổ chức hoạt động cơ quan; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo mạng điện tử; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5:3,5)	
58	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm thứ tư)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí. Tiếp cận cơ quan báo chí để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí (tổ chức hoạt động cơ quan báo chí; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí ở mức cao hơn đợt thực tập năm thứ ba về số lượng chỉ tiêu tác phẩm (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;....	4,0 (0,5:3,5)	
59	PT04806	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn và thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng.	6,0 (0,5:5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận/sản phẩm tốt nghiệp</i>					
60	PT04820	Kỹ năng điều tra	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng điều tra, gồm các khái niệm trong báo chí điều tra (thể loại, tác phẩm điều tra, phương pháp, kỹ năng điều tra), vai trò của kỹ năng điều tra trong tác nghiệp của nhà báo, các yếu tố cấu thành kỹ năng điều tra của nhà báo. Phân tích kỹ năng điều tra qua các tình huống, sự kiện, vấn đề cụ thể trên báo chí, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều tra qua các bài tập thực hành liên quan đến thực tiễn hoạt động của báo chí.	3,0 (1,0:2,0)	
61	PT04821	Thiết kế thông tin đồ	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế	3,0	

		họa	thông tin đồ họa, những xu thế, đặc trưng cơ bản của việc thiết kế đồ họa trên BMDT, các kỹ năng để sinh viên có thể tự xây dựng, thiết kế các sản phẩm thông tin đồ họa phục vụ cho các tờ BMDT	(1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	
62	<b>PT03855</b>	Báo chí di động	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí di động, những ảnh hưởng của thiết bị di động đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của báo chí di động, nguyên tắc viết cho báo chí di động và kỹ năng tác nghiệp bằng thiết bị di động.	3,0 (1,0:2,0)	
63	<b>PT03876</b>	Báo chí dữ liệu	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí dữ liệu, bao gồm những khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm của loại hình của báo chí dữ liệu, rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và xử lý dữ liệu, phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp báo chí và sáng tạo tác phẩm báo chí.	3,0 (1,0:2,0)	
64	<b>PT03851</b>	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về chương trình truyền hình, tổ chức sản xuất một chương trình truyền hình: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, qui trình, công nghệ sản xuất một chương trình truyền hình. Sau khi học môn này sinh viên tham gia tổ chức thực hiện sản xuất một chương trình truyền hình hoàn chỉnh.	3,0 (1,0:2,0)	
65	<b>PT03846</b>	Tổ chức sản xuất chương trình phát thanh	Những lý thuyết cơ bản về chương trình phát thanh; kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh như: tổ chức nội dung, hình thành đề cương kịch bản, ê kíp sản xuất; quy trình tổ chức sản xuất các chương trình phát thanh trong studio, chương trình ngoài hiện trường, chương trình kết hợp giữa studio với hiện trường...	3,0 (1,0:2,0)	
66	<b>PT03853</b>	Dựng phim truyền hình	Những kỹ thuật dựng phim và các thủ pháp dựng phim; các kỹ thuật xử lý video, âm thanh, text; sử dụng bộ hiệu ứng của phần mềm. Kỹ năng dựng một số thể loại tác phẩm: tin, phóng sự... lựa chọn cảnh quay để chuyển cảnh, tạo tiết tấu cho các đoạn phim	3,0 (1,0:2,0)	
67	<b>PT03861</b>	Kỹ thuật quay phim	Những kiến thức về kỹ thuật quay phim; một số loại camera hiện đang dùng trong ngành truyền hình, quy trình khai thác và sử dụng camera, kỹ năng xử lý những sự cố đơn giản thường tông màu cho hình ảnh theo mục tiêu sáng tạo.	3,0 (1,0:2,0)	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Bảo mạng điện tử là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	Kiến thức																Kỹ năng												Năng lực tự chủ					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
1	TM01012	2															2	1	2	2															
2	KT01011	2															2	1	2	2															
3	CN01012	2															2	1	2	2															
4	LS01002	2															2	1	2	2															
5	TH01001	2															2	1	2	2															
6	NP01001		2														2	1	2	2															
7	CT01001		2														2	1	2	2															
8	XD01001		2														2	1	2	2															
9	TG01004			2													2	1	2	2															
10	XH01001	2															2	1	2	2															
11	QT 02552	2															2	1	2	2															
12	ĐC 01001	2															2	1	2	2															
13	KT 01004	2															2	1	2	2															
14	TT 01002																2	1	2	2															
15	ĐC 01006	2															2	1	2	2															
16	TG 01007	2															2	1	2	2															
17	QT01001	2															2	1	2	2															
18	ĐC01004	2															2	1	2	2															







## 10. Hướng dẫn thực hiện:

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, báo phát thanh nói riêng.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến báo phát thanh theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về báo phát thanh và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	Triết học Mác – Lênin	3	X							
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X						
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				X				
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X					
6.	Pháp luật đại cương	3	X							
7.	Chính trị học	2					X			
8.	Xây dựng Đảng	2						X		
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	X							
10.	Xã hội học đại cương	2		X						
11.	Địa chính trị thế giới	2		X						
12.	Tiếng Việt thực hành	2		X						
13.	Kinh tế học đại cương	2		X						
14.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		X						
15.	Ngôn ngữ học đại cương	2		X						
16.	Tâm lý học xã hội	2		X						
17.	Quan hệ quốc tế	2		X						
18.	Lý luận văn học	2		X						
19.	Tin học ứng dụng	3		X						
20.	Tiếng Anh học phần 1	4	X							

21.	Tiếng Anh học phần 2	4		X					
22.	Tiếng Anh học phần 3	4			X				
23.	Tiếng Anh học phần 4	3				X			
24.	Tiếng Trung học phần 1	4	X						
25.	Tiếng Trung học phần 2	4		X					
26.	Tiếng Trung học phần 3	4			X				
27.	Tiếng Trung học phần 4	3				X			
28.	Lý thuyết truyền thông	3	X						
29.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3			X				
30.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3						X	
31.	Công chúng báo chí – truyền thông	3						X	
32.	Ngôn ngữ báo chí	3			X				
33.	Biên tập văn bản báo chí	3			X				
34.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3			X				
35.	Lịch sử báo chí	3			X				
36.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3			X				
37.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3			X				
38.	Cơ sở lý luận báo chí	3		X					
39.	Lao động nhà báo	3			X				
40.	Tác phẩm báo in	5						X	
41.	Tác phẩm báo phát thanh	5						X	
42.	Tác phẩm báo truyền hình	5						X	
43.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5				X			
44.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5				X			
45.	Báo chí về chính trị - xã hội	3							X
46.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3							X
47.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3							X
48.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3							X
49.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3							X
50.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3							X
51.	Báo chí về thể thao và giải trí	3							X
52.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3							X
53.	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	3						X	

54.	Các chương trình tương tác trên báo mạng điện tử	3							X
55.	Thiết kế và quản trị báo mạng điện tử	3						X	
56.	Báo chí di động	3							X
57.	Báo chí dữ liệu	3							X
58.	Tổ chức sản xuất chương trình phát thanh	3							X
59.	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3							X
60.	Dựng phim truyền hình	3							X
61.	Kỹ thuật quay phim	3							X
62.	Thực tế chính trị - xã hội	2				X			
63.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4						X	
64.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4							X
65.	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6							X
66.	Kỹ năng điều tra	3							X
67.	Thiết kế thông tin đồ họa	3							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

*\* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo*

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với báo phát thanh cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, studio phát thanh... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Học phân Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là báo chí, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm báo chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

*\* Về đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Báo phát thanh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 03 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 05 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 8 Thạc sỹ, 1 cử nhân Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành báo phát thanh được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### *\* Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sỹ; 1982 luận văn thạc sỹ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

#### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:**

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:*

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu

liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.



GIÁM ĐỐC

*Trương Ngọc Nam*  
Trương Ngọc Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4982-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện; chuyên ngành Phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC  
  
Trương Ngọc Nam

\*

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Ban hành theo Quyết định số 4982-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : Học viện Báo chí và Tuyên truyền  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : Cử nhân Truyền thông đa phương tiện  
Tên chương trình : Phát triển và ứng dụng Truyền thông đa phương tiện  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành đào tạo : Truyền thông đa phương tiện Mã số : 7 32 01 04

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong các cơ quan, tổ chức báo chí, truyền thông.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về kiến thức**

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;

- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm và phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

**1.2.2. Về kỹ năng**

\* Kỹ năng cứng



- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...

- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như trò chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ liệu, báo chí truyền thông đa nền tảng và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;  
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Tại các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và các địa phương;

- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình, viễn thông, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin- truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng

truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, công nghệ, giáo dục, giải trí...

- Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tập huấn liên quan đến truyền thông đa phương tiện.

*\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

- Các vị trí chuyên môn trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện (giám đốc sản xuất, giám đốc sáng tạo, đạo diễn, biên kịch, biên tập viên, dẫn chương trình, sản xuất và kinh doanh bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing tại các công ty kinh doanh sản phẩm truyền thông số...).

- Chuyên viên quảng cáo, chuyên viên marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên truyền thông xã hội, chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền thông trong khủng hoảng, quản lý hình ảnh;

- Nhà tư vấn tổ chức sản xuất sản phẩm và quản lý hoạt động truyền thông đa phương tiện;

- Chuyên viên quản trị Công thông tin điện tử, quản trị website của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Chuyên viên quản lý chương trình, chiến dịch truyền thông, quản lý và phát triển dự án truyền thông đa phương tiện...

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện như trò chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ liệu, báo chí truyền thông đa nền tảng;

- Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

**1.4. Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

**1.5. Trình độ Tin học**

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

**2. Căn cứ xây dựng chương trình**

**2.1. Căn cứ thực tiễn**

### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

#### *\* Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ truyền thông, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông năm 2018.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Truyền thông đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông năm 2018.

#### *\* Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân truyền thông đa phương tiện, đại học Korea, Hàn Quốc, năm 2018.

- Chương trình cử nhân truyền thông đa phương tiện, đại học California, Mỹ năm 2018.

### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

#### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Để khảo sát về nhu cầu và quy hoạch nguồn lực ngành Truyền thông đa phương tiện, chúng tôi sử dụng hai phương pháp: phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trong cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh) phối hợp với phỏng vấn sâu các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến nhận xét về chương trình của các nhà tuyển dụng, từ đó điều chỉnh chương trình khung cũng như toàn bộ đề án xin mã ngành Truyền thông đa phương tiện. Về cơ bản, có sự đồng nhất giữa kết quả khảo sát của phương pháp phỏng vấn an-kết và phỏng vấn sâu các nhà tuyển dụng tiêu biểu.

Về phương pháp phỏng vấn sâu và Hội thảo khoa học. Chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 18 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo, tổ chức Hội thảo “Nhu cầu và kinh nghiệm đào tạo truyền thông đa phương tiện hiện nay”. Sau Hội thảo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quyết định điều chỉnh khung chương trình đào tạo cho phù hợp với kết quả khảo sát thực tiễn đã nêu. Kết quả phỏng vấn sâu cho chúng tôi những nhận định đồng nhất về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực truyền thông đa phương tiện ở các khu vực như: cơ quan báo chí, cổng thông tin điện tử, bộ phận truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, hiệp hội nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp truyền thông.

Trên cơ sở các kết quả khảo sát, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các vị trí trong các đơn vị, tổ chức liên quan đến báo chí truyền thông đều rất cần các nhân lực có trình độ cao về truyền thông đa phương tiện. Tỷ lệ cần các chuyên gia về truyền thông đa

phương tiện tại mỗi vị trí đều đạt mức trên 85%. Có thể thấy rằng, việc đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2. Căn cứ pháp lí**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## **3. Chuẩn đầu ra**

### **3.1. Về kiến thức**

\* *Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Hiểu được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

\* *Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đa phương tiện; đặc điểm, xu hướng truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện, bao gồm quản trị truyền thông, xã hội học truyền thông, truyền thông sáng tạo, truyền thông tiếp thị tích hợp.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

**CĐR 7.** Xác định được các đặc điểm, chủ thể, khách thể, nguyên tắc của quản trị truyền thông.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng trong phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

*\* Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Xác định được các đối tượng cơ bản của truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 10.** Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn nghệ thuật, đồ họa, web ứng dụng trong thiết kế, sản xuất và phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 11.** Vận dụng được quy trình và phương pháp thiết kế, xây dựng phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 12.** Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

*\* Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Phân tích được đặc điểm của việc phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong các sản phẩm trò chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ liệu, báo chí truyền thông đa nền tảng trong đó tập trung vào nghiên cứu phân tích đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp sáng tạo.

**CĐR 15.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như trò chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ liệu, báo chí truyền thông đa nền tảng.

### **3.2. Về kỹ năng**

*\* Kỹ năng chung*

**CĐR 16.** Sáng tạo trong phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 17.** Vận dụng các kỹ năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 18.** Vận dụng kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 19.** Vận dụng kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 20.** Vận dụng kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*\* Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Truyền thông đa phương tiện*

**CĐR 21.** Vận dụng kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình hoạt động tại các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 22.** Sáng tạo trong tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông, ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện phù hợp với thị trường.

**CĐR 23.** Vận dụng kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong ứng dụng và phát triển truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 24.** Vận dụng kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện

**CĐR 25.** Vận dụng kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 26.** Vận dụng năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CĐR 27.** Vận dụng năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông; ngành phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 28.** Vận dụng năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 29.** Vận dụng năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 30.** Vận dụng năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

## **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại

học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Phát triển ứng dụng đa phương tiện nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### **9. Nội dung chương trình**

#### **9.1. Cấu trúc chương trình**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11

- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khôi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
<i>Bắt buộc:</i>	25
<i>Tự chọn:</i>	3/12
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
<i>Tự chọn:</i>	6/18



## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
	TM01012	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương	2,0	

		Minh	pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	(1,5:0,5)	
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề	2,0 (1,5:0,5)	

		và nhân văn	tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.		
<i>Tự chọn</i>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>QT02552</b>	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	

14.	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15.	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	TG01007	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử	3,0 (1,0:2,0)	

			dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.		
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01023</b>	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các	3,0 (1,5:1,5)	

			dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.		
24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ đề thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	

28.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30.	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	

Tự chọn			6/18		
32.	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	Học phần bao gồm những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông thông đối nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phân biện và vận dụng tâm lý giao tiếp, tâm lý học sáng tạo và tâm lý tiếp nhận các sản phẩm báo chí truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
34.	BC02905	Truyền thông sáng tạo	Trên cơ sở lý thuyết về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo, học phần này đề cập tới vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Học phần giới thiệu cho sinh viên các loại hình báo chí (truyền thông và hiện đại), cách thức và phương pháp ứng dụng các loại hình báo chí như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử... trong thực tiễn; xu hướng phát triển của các loại hình báo chí; tổ chức và quản lý hoạt động của các loại hình báo chí...	3,0 (1,0:2,0)	
36.	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần trang bị để vận dụng trong hoạt động truyền thông tiếp thị sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
37.	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của	3,0 (1,5:1,5)	



		thông quốc tế	các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế.		
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>28</b>	
<i>Bắt buộc</i>				25	
38.	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	Trang bị các kiến thức tổng quan đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
39.	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết kế web và các vấn đề liên quan đến nội dung và quản trị nội dung trên nền tảng web. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc quản trị triển khai các ứng dụng trên nền tảng web. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế web và ứng dụng, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như tác nghiệp truyền thông sau khi tốt nghiệp.	4,0 (1,5:2,5)	
40.	BC02602	Mỹ thuật	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật tạo hình; các nguyên tắc cơ bản về hình họa; các nguyên tắc cơ bản về trang trí; các nguyên tắc cơ bản về bố cục, đường nét, mảng khối và màu sắc; vận dụng kiến thức mỹ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc trang bị để vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
41.	BC02603	Thiết kế đồ họa	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về thiết kế đồ họa, các phần mềm ứng dụng trong sáng tạo sản phẩm đồ họa. Kết thúc học phần, sinh viên có thể tự sáng tạo các tác phẩm đồ họa	3,0 (1,0:2,0)	

			phục vụ sản xuất các sản phẩm truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế đồ họa, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp.		
42.	PT02601	Sản xuất Audio	Học phần có 3 chương, trang bị các kiến thức về vai trò của audio trong môi trường truyền thông số, đặc điểm, xu hướng sử dụng audio, một số phần mềm biên tập âm thanh để sản xuất audio; thực hành kỹ năng sản xuất audio, trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức về audio tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	3,0 (1,0:2,0)	
43.	PT02602	Sản xuất Video	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và cách quay, dựng hình ảnh để sản xuất được những sản phẩm video; Những kỹ năng trong sản xuất video từ viết các dạng kịch bản đến kỹ năng quay phim, dựng phim... Thông qua những kiến thức lý thuyết để đạt được hiệu quả thực hành: Sản xuất một videoclip theo chủ đề; vận dụng trong tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	3,0 (1,0:2,0)	
44.	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương tiện	Trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông đa phương tiện; các yêu cầu và nguyên tắc viết cho sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo các nhóm sản phẩm khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	3,0 (1,0:2,0)	
45.	BC02952	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí - truyền thông tại thực địa.	2,0 (1,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				3/12	
46.	BC02605	Truyền thông chính	Học phần bao gồm những nội dung và phương pháp cơ bản, hệ thống	3,0	

		sách	và khái quát về truyền thông chính sách, chủ yếu dựa trên thực tiễn Việt Nam. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng nhận diện, phân tích, phản biện chính sách, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông chính sách và phương pháp đánh giá truyền thông chính sách.	(1,0:2,0)	
47.	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	Học phân cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về truyền thông doanh nghiệp, không chỉ là truyền thông bên trong doanh nghiệp mà còn là giữa doanh nghiệp với các nhân tố bên ngoài và giữa các doanh nghiệp với nhau. Các lý thuyết về truyền thông doanh nghiệp, truyền thông trong khủng hoảng cùng các ví dụ cũng được giới thiệu và phân tích.	3,0 (1,0:2,0)	
48.	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	Những kiến thức cơ bản về truyền thông khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về truyền thông khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm truyền thông về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,0:2,0)	
49.	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>11</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>8</b>	
50.	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	5,0 (2,0:3,0)	
51.	BC02611	Quản trị - kinh doanh sản phẩm	Học phân cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các dòng sản phẩm truyền thông số và nghiệp vụ kinh doanh truyền thông số,	3,0 (1,0:2,0)	

		truyền thông số	phương thức kinh doanh sản phẩm truyền thông số, từ đó hướng dẫn ứng dụng và đề xuất ý tưởng, kế hoạch kinh doanh ở các cơ quan báo chí, các doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số sau khi tốt nghiệp ngành học.		
<i>Tự chọn</i>				3/12	
52.	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	Học phần này giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Qui trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Tổ chức và an toàn thông tin sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0;2,0)	
53.	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về xây dựng thương hiệu và hình ảnh cũng như các phương thức, kỹ thuật liên quan. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Xây dựng thương hiệu và hình ảnh sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5;1,5)	
54.	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	Học phần nhằm xây dựng cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, kỹ năng quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, có tâm thế chủ động phòng ngừa khủng hoảng truyền thông và sẵn sàng xử lý khủng hoảng trong trường hợp khẩn cấp theo đúng nguyên tắc của quản trị truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan quản trị truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5;1,5)	

55.	<b>BC02610</b>	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	Học phân trang bị những nội dung cơ bản, chuyên sâu về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Vận dụng các kiến thức này trong hoạt động báo chí – truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan công việc truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>30</b>	
<i>Bắt buộc</i>				24	
56.	<b>PT03927</b>	Kịch bản và format trò chơi trực tuyến	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản về trò chơi và trò chơi trực tuyến; yêu cầu và nguyên tắc xây dựng kịch bản và format trò chơi trực tuyến. Sinh viên được thực hành một số kỹ năng thực hiện hay phân biện, phân tích kịch bản và format các chương trình trò chơi trực tuyến mới hoặc mua bản quyền format trò chơi trực tuyến để phát triển, ứng dụng trong hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
57.	<b>BC03918</b>	Báo chí - truyền thông đa nền tảng	Học phân trang bị lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và thực hành kỹ năng xây dựng, triển khai và phát triển sản phẩm Báo chí – truyền thông đa nền tảng, ứng dụng lý thuyết báo chí – truyền thông đa nền tảng trong sáng tạo nội dung và phát triển và ứng dụng trong tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí truyền thông, mô hình tổ chức, quản lý tòa soạn hội tụ, các chương trình, dự án báo chí truyền thông trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.	4,0 (1,5:2,5)	
58.	<b>BC04812</b>	Báo chí và truyền thông dữ liệu	Học phân cung cấp cho sinh viên các vấn đề cơ bản của báo chí và truyền thông dữ liệu như khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm, hệ thống các loại hình báo chí – truyền thông dữ liệu mới; ứng dụng báo chí – truyền thông dữ liệu trong sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí – truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp,	3,0 (1,0:2,0)	

			đặc biệt là các cơ quan báo chí và các doanh nghiệp truyền thông Việt Nam hiện nay. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kĩ năng tìm kiếm và xử lí dữ liệu, phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp báo chí – truyền thông.		
59.	BC03643	Thực tập nghiệp vụ	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đa phương tiện); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5:3,5)	
60.	BC03644	Thực tập tốt nghiệp	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.	4,0 (0,5:3,5)	
61.	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.	6,0 (0,5: 5,5)	

<i>Học phân thay thế khóa luận</i>			6,0		
62.	<b>BC03704</b>	Nghiên cứu thị trường truyền thông	Học phân hệ thống cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.	3,0 (1,0:2,0)	
63.	<b>BC03705</b>	Biên tập sản phẩm đa phương tiện	Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm đa phương tiện, sản phẩm truyền thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>			6/18		
64.	<b>BC03619</b>	Thực tại ảo và thực tại tăng cường	Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức chung nhất và cơ bản về thực tại ảo và thực tại tăng cường, lý thuyết và kỹ năng ứng dụng thực tại ảo và thực tại tăng cường trong sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện	3,0 (1,0:2,0)	
65.	<b>BC03709</b>	Quản trị hệ thống CMS	viên những kiến thức chuyên ngành về hệ thống CMS của website và báo mạng điện tử. Thực hành sử dụng và vận hành, quản lý hệ thống CMS trong thực tiễn.	3,0 (1,0:2,0)	
66.	<b>PT03928</b>	Chương trình thực tế	Học phân nhằm xây dựng cho sinh viên kiến thức và kỹ năng làm chương trình truyền thông thực tế (trong môi trường internet). Sinh viên sẽ nắm bắt được các khái niệm, lịch sử ra đời, đặc điểm, qui trình sản xuất chương trình thực tế. Bên cạnh đó sinh viên được rèn luyện các kỹ năng thông qua thực hành sản xuất chương trình thực tế. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
67.	<b>BC03710</b>	Nhiếp ảnh	Học phân bao gồm những nội dung cơ bản lịch sử ra đời của nhiếp ảnh; các phương pháp tạo hình và lý thuyết về các thể loại nhiếp ảnh.	3,0 (1,5:1,5)	

			Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm ảnh, bao gồm cả ảnh nghệ thuật và ảnh báo chí.		
68.	<b>XB03929</b>	Xuất bản điện tử	Học phần nhằm xây dựng cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về xuất bản điện tử trong lĩnh vực xuất bản; các kỹ năng biên tập sách điện tử: lựa chọn đề tài, tổ chức bản thảo, biên tập bản thảo; thực hành tổ chức và sản xuất sách điện tử. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5:1,5)	
69.	<b>BC03708</b>	Kỹ xảo và hiệu ứng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kỹ xảo và hiệu ứng trong sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Thực hành kỹ xảo và hiệu ứng trong tổ chức sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện có.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành sản phẩm truyền thông đa phương tiện là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																		
		Kiến thức															Kỹ năng										Năng lực tự chủ									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30					
1	<b>TM01012</b>	2														2	2	2																		
2	<b>KT01011</b>	2														2	2	2																		
3	<b>CN01002</b>	2														2	2	2																		
4	<b>LS01002</b>	2														2	2	2																		







63	<b>XB03929</b>													2	2				2			2	2		2	1	1	1	1	
64	<b>BC03708</b>													2	2				2			2	2		2	1	1	1	1	
65	<b>BC03643</b>													1	2		1	1	1			2	2	2	1	1	1			
66	<b>BC03644</b>													1	2		1	1	1			2	2	2	1	1	1	1	1	1
67	<b>BC04943</b>																2	2	1			2	2	1	2	1	1	1	1	1
68	<b>BC03704</b>													1	1		1	1				1	2	1	2		1	1	1	1
69	<b>BC03705</b>													1	1		1	1	1			1	2	1	2	1	1	1	1	1

10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1	TM01012	Triết học Mác – Lênin	3.0		X								
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0					X					
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0				X						
4	LS01002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0				X						
5	TH01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0				X						
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3.0	X									
7	CT01001	Chính trị học	2.0				X						
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2.0					X					
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0				X						
10	XH01001	Xã hội học đại cương	2.0	X									
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	2.0	X									
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	2.0	X									
13	KT01004	Kinh tế học đại cương	2.0	X									
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	X									
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	2.0	X									
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	2.0	X									
17	QT01001	Quan hệ quốc tế	2.0	X									
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2.0	X									
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3.0	X									
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4.0	X									
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4.0	X									
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4.0		X								
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3.0		X								
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4.0	X									
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4.0	X									
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4.0		X								
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3.0		X								
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3.0		X								
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3.0		X								
30	QQ02101	Công chúng báo chí – truyền thông	3.0		X								
31	BC02115	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3.0			X							

32	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3.0					X		
33	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3.0					X		
34	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3.0					X		
35	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3.0					X		
36	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3.0					X		
37	QT02637	Thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	3.0					X		
38	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	3.0				X			
39	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng	3.0				X			
40	BC02602	Mỹ thuật	3.0					X		
41	BC02603	Thiết kế đồ họa	3.0					X		
42	PT02601	Sản xuất Audio	3.0					X		
43	PT02602	Sản xuất Video	3.0							X
44	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương tiện	3.0							X
45	BC02952	Thực tế chính trị xã hội					X			
46	BC02605	Truyền thông chính sách	3.0							X
47	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	3.0							X
48	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	3.0							X
49	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	3.0							X
50	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	5.0				X			
51	BC02611	Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số	3.0							X
52	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3.0				X			
53	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	3.0				X			
54	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3.0				X			
55	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3.0				X			
56	PT03927	Kịch bản và format trò chơi trực tuyến	3.0						X	
57	BC03918	Báo chí - truyền thông đa nền tảng	4.0							
58	BC04812	Báo chí và truyền thông dữ liệu	3.0						X	
59	BC03619	Thực tại ảo và thực tại tăng cường	3.0						X	
60	BC03709	Quản trị hệ thống CMS	3.0						X	

61	<b>PT03928</b>	Chương trình thực tế	3.0						X	
62	<b>BC03710</b>	Nhiếp ảnh	3.0						X	
63	<b>XB03929</b>	Xuất bản điện tử	3.0						X	
64	<b>BC03708</b>	Kỹ xảo và hiệu ứng	3.0						X	
65	<b>BC03643</b>	Thực tập nghiệp vụ	4.0						X	
66	<b>BC03644</b>	Thực tập tốt nghiệp	4.0							X
67	<b>BC04943</b>	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6.0							X
68	<b>BC03704</b>	Nghiên cứu thị trường truyền thông số	3.0							X
69	<b>BC03705</b>	Biên tập sản phẩm đa phương tiện	3.0							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

### \* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với ứng dụng và phát triển truyền thông đa phương tiện cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện, studio đa phương tiện,... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Một số môn như Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông, Nhập môn truyền thông đa phương tiện...: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ Một số môn học như Trò chơi, Chương trình thực tế, Xuất bản điện tử, Báo chí và truyền thông dữ liệu, Báo chí truyền thông đa nền tảng,...: đối với các môn học này, sinh viên có thể được tiếp cận với các cơ quan, tổ chức báo chí – truyền thông và các doanh nghiệp báo chí – truyền thông có uy tín trong phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện, và (hoặc) thực tế, thực tập nghiệp vụ ở nước ngoài.

+ Học phần Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là sản phẩm truyền thông đa phương tiện, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh

nghiệp truyền thông. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm truyền thông chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

#### **\* Về đội ngũ giảng viên**

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông đa phương tiện của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 05 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 7 Thạc sỹ Báo chí học, truyền thông số, truyền thông đa phương tiện cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành truyền thông đa phương tiện được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà truyền thông giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### **\* Về thư viện**

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sỹ; 1982 luận văn thạc sỹ; 899

sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình**

- *Thời gian điều chỉnh*: 2 năm đánh giá chương trình 1 lần. 4 năm điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước*:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc*:

(1) Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**



Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4983-QĐ/HVBCTT-ĐT

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện**

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện; chuyên ngành Phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### **GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

  
**Trương Ngọc Nam**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Ban hành theo Quyết định số 4983-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : Học viện Báo chí và Tuyên truyền  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : Cử nhân Truyền thông đa phương tiện  
Tên chương trình : Sản phẩm Truyền thông đa phương tiện  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành đào tạo : Truyền thông đa phương tiện Mã số:7320104

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về kiến thức**

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;

- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

**1.2.2. Về kỹ năng**

**\* Kỹ năng cứng**

- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện

trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...

- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền thông mới như megastory, đồ họa 2D, 3D, animations và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;  
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Tại các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và các địa phương

- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, viễn thông, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin- truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, công nghệ, giáo dục, giải trí...

- Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tập huấn liên quan đến truyền thông đa phương tiện.

*\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

- Các vị trí chuyên môn trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện (giám đốc sản xuất, giám đốc sáng tạo, đạo diễn, biên kịch, biên tập viên, dẫn chương trình, sản xuất và kinh doanh bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing tại các công ty kinh doanh sản phẩm truyền thông số...).

- Chuyên viên quảng cáo, chuyên viên marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên truyền thông xã hội, chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền thông trong khủng hoảng, quản lý hình ảnh;

- Nhà tư vấn tổ chức sản xuất sản phẩm và quản lý hoạt động truyền thông đa phương tiện;

- Chuyên viên quản trị Cổng thông tin điện tử, quản trị website của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Chuyên viên quản lý chương trình, chiến dịch truyền thông, quản lý và phát triển dự án truyền thông đa phương tiện...

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện;

- Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

#### **1.4. Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### **1.5. Trình độ Tin học**

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

### **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

#### **2.1. Căn cứ thực tiễn:**

##### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

*\* Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ truyền thông, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông năm 2018.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Truyền thông đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông năm 2018.

*\* Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân truyền thông đa phương tiện, đại học Korea, Hàn Quốc, năm 2018.

- Chương trình cử nhân truyền thông đa phương tiện, đại học California, Mỹ năm 2018.

### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

*\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Để khảo sát về nhu cầu và quy hoạch nguồn lực ngành Truyền thông đa phương tiện, chúng tôi sử dụng hai phương pháp: phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trong cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh) phối hợp với phỏng vấn sâu các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến nhận xét về chương trình của các nhà tuyển dụng, từ đó điều chỉnh chương trình khung cũng như toàn bộ đề án xin mã ngành Truyền thông đa phương tiện. Về cơ bản, có sự đồng nhất giữa kết quả khảo sát của phương pháp phỏng vấn an-kết và phỏng vấn sâu các nhà tuyển dụng tiêu biểu.

Về phương pháp phỏng vấn sâu và Hội thảo khoa học. Chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 18 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo, tổ chức Hội thảo “Nhu cầu và kinh nghiệm đào tạo truyền thông đa phương tiện hiện nay”. Sau Hội thảo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quyết định điều chỉnh khung chương trình đào tạo cho phù hợp với kết quả khảo sát thực tiễn đã nêu. Kết quả phỏng vấn sâu cho chúng tôi những nhận định đồng nhất về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực truyền thông đa phương tiện ở các khu vực như: cơ quan báo chí, công thông tin điện tử, bộ phận truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, hiệp hội nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp truyền thông.

Trên cơ sở các kết quả khảo sát, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các vị trí trong các đơn vị, tổ chức liên quan đến báo chí truyền thông đều rất cần các nhân lực có trình độ cao về truyền thông đa phương tiện. Tỷ lệ cần các chuyên gia về truyền thông đa phương tiện tại mỗi vị trí đều đạt mức trên 85%. Có thể thấy rằng, việc đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

*\* Khảo sát chất lượng đào tạo với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).*

### *2.2. Căn cứ pháp lý*

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *\* Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Hiểu được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CDR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *\* Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đa phương tiện; đặc điểm, xu hướng truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CDR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện, bao gồm quản trị truyền thông, xã hội học truyền thông, truyền thông sáng tạo, truyền thông tiếp thị tích hợp.

**CDR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

**CDR 7.** Xác định được các đặc điểm, chủ thể, khách thể, nguyên tắc của quản trị truyền thông.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng trong phát triển sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

*\* Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Xác định được các đối tượng cơ bản của truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 10.** Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn nghệ thuật, đồ họa, web ứng dụng trong thiết kế, sản xuất và phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 11.** Vận dụng được quy trình và phương pháp thiết kế, xây dựng phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**CĐR 12.** Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

*\* Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Phân tích được đặc điểm của nhiếp ảnh, phim ngắn, các sản phẩm truyền thông mới như megastory, video, 2D, 3D,.. trong đó tập trung vào nghiên cứu phân tích đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp sáng tạo.

**CĐR 15.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như nhiếp ảnh, phim ngắn, megastory, 2D, 3D và animation.

### **3.2. Về kỹ năng**

*\* Kỹ năng chung*

**CĐR 16.** Sáng tạo trong phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 17.** Vận dụng các kỹ năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 18.** Vận dụng kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 19.** Vận dụng kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 20.** Vận dụng kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*\* Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Truyền thông đa phương tiện*

**CĐR 21.** Sáng tạo trong thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình hoạt động tại các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông.

**CDR 22.** Sáng tạo trong tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông phù hợp với thị trường.

**CDR 23.** Sáng tạo trong sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**CDR 24.** Vận dụng các kiến thức đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**CDR 25.** Vận dụng các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CDR 26.** Vận dụng năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR 27.** Vận dụng năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông; ngành phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

**CDR 28.** Vận dụng năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR 29.** Vận dụng năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 30.** Vận dụng năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ



Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

## 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	15 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
- Toán và khoa học tự nhiên	3 tín chỉ
- Ngoại ngữ	15 tín chỉ
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành	28 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>23 tín chỉ</i>
<i>Thực tế chính trị - xã hội</i>	<i>2 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>3 tín chỉ</i>
- Kiến thức bổ trợ	<b>11 tín chỉ</b>
<i>Bắt buộc:</i>	<i>8 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>3 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành	<b>29 tín chỉ</b>
<i>Bắt buộc:</i>	<i>23 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>130 tín chỉ</b>

9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình	2,0 (1,5:0,5)	

			hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng	2,0 (1,5:0,5)	

		nhân văn	cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.		
<i>Tự chọn</i>					
10.	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11.	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	KT01006	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	TT01002	Cơ sở văn hóa	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam	2,0	

		Việt Nam	trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	(1,5:0,5)	
15.	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>TG01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	<b>ĐC01004</b>	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lý giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính	3,0 (1,0:2,0)	

			(Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.		
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01023</b>	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	

24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	BC02801	Lý thuyết truyền	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông	3,0	

		thông	liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	(1,5:1,5)	
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30.	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	



Tu chọn			6/18		
32.	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	Học phần bao gồm những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông thông đôi nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý giao tiếp, tâm lý học sáng tạo và tâm lý tiếp nhận các sản phẩm báo chí truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
34.	BC02905	Truyền thông sáng tạo	Trên cơ sở lý thuyết về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo, học phần này đề cập tới vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Học phần giới thiệu cho sinh viên các loại hình báo chí (truyền thông và hiện đại), cách thức và phương pháp ứng dụng các loại hình báo chí như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử... trong thực tiễn; xu hướng phát triển của các loại hình báo chí; tổ chức và quản lý hoạt động của các loại hình báo chí...	3,0 (1,0:2,0)	
36.	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần trang bị để vận dụng trong hoạt động truyền thông tiếp thị sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
37.	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của	3,0 (1,5:1,5)	

		truyền thông quốc tế	các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế.		
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
38.	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	Trang bị các kiến thức tổng quan đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0;2,0)	
39.	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết kế web và các vấn đề liên quan đến nội dung và quản trị nội dung trên nền tảng web. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc quản trị triển khai các ứng dụng trên nền tảng web. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế web và ứng dụng, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như tác nghiệp truyền thông sau khi tốt nghiệp.	4,0 (1,5;2,5)	
40.	BC02602	Mỹ thuật	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật tạo hình; các nguyên tắc cơ bản về hình họa; các nguyên tắc cơ bản về trang trí; các nguyên tắc cơ bản về bố cục, đường nét, mảng khối và màu sắc; vận dụng kiến thức mỹ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc trang bị để vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0;2,0)	
41.	BC02603	Thiết kế đồ họa	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về thiết kế đồ họa, các phần mềm ứng dụng trong sáng tạo sản phẩm đồ họa. Kết thúc học phần, sinh viên có thể tự sáng tạo các tác phẩm đồ họa phục vụ sản xuất các sản phẩm truyền thông. Sau khi học xong học	3,0 (1,0;2,0)	

			phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế đồ họa, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp.		
42.	PT02601	Sản xuất Audio	Học phần có 3 chương, trang bị các kiến thức về vai trò của audio trong môi trường truyền thông số, đặc điểm, xu hướng sử dụng audio, một số phần mềm biên tập âm thanh để sản xuất audio; thực hành kỹ năng sản xuất audio, trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức về audio tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	3,0 (1,0:2,0)	
43.	PT02602	Sản xuất Video	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và cách quay, dựng hình ảnh để sản xuất được những sản phẩm video; Những kỹ năng trong sản xuất video từ viết các dạng kịch bản đến kỹ năng quay phim, dựng phim... Thông qua những kiến thức lý thuyết để đạt được hiệu quả thực hành: Sản xuất một videoclip theo chủ đề; vận dụng trong tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	3,0 (1,0:2,0)	
44.	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương tiện	Trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông đa phương tiện; các yêu cầu và nguyên tắc viết cho sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ thực hành viết các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo các nhóm sản phẩm khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	3,0 (1,0:2,0)	
45.	BC02952	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại thực địa.	2,0 (1,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				3/12	
46.	BC02605	Truyền thông chính sách	Học phần bao gồm những nội dung và phương pháp cơ bản, hệ thống và khái quát về truyền thông chính sách, chủ yếu dựa trên thực tiễn	3,0 (1,0:2,0)	

			Việt Nam. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng nhận diện, phân tích, phản biện chính sách, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông chính sách và phương pháp đánh giá truyền thông chính sách.		
47.	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về truyền thông doanh nghiệp, không chỉ là truyền thông bên trong doanh nghiệp mà còn là giữa doanh nghiệp với các nhân tố bên ngoài và giữa các doanh nghiệp với nhau. Các lý thuyết về truyền thông doanh nghiệp, truyền thông trong khủng hoảng cùng các ví dụ cũng được giới thiệu và phân tích.	3,0 (1,0:2,0)	
48.	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	Những kiến thức cơ bản về truyền thông khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về truyền thông khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm truyền thông về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,0:2,0)	
49.	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>11</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>8</b>	
50.	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	5,0 (2,0:3,0)	
51.	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	Học phần trang bị những nội dung cơ bản, chuyên sâu về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Vận dụng các kiến thức này trong hoạt động báo chí - truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh	3,0 (1,0:2,0)	

			viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan công việc truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.		
<i>Tự chọn</i>				3/12	
52.	BC02611	Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các dòng sản phẩm truyền thông số và nghiệp vụ kinh doanh truyền thông số, phương thức kinh doanh sản phẩm truyền thông số, từ đó hướng dẫn ứng dụng và đề xuất ý tưởng, kế hoạch kinh doanh ở các cơ quan báo chí, các doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
53.	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	Học phần này giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Qui trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Tổ chức và an toàn thông tin sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
54.	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về xây dựng thương hiệu và hình ảnh cũng như các phương thức, kỹ thuật liên quan. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Xây dựng thương hiệu và hình ảnh sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5:1,5)	
55.	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	Học phần nhằm xây dựng cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, kỹ năng quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, có tâm thế chủ động phòng ngừa khủng hoảng truyền thông và	3,0 (1,5:1,5)	

			sẵn sàng xử lý khủng hoảng trong trường hợp khẩn cấp theo đúng nguyên tắc của quản trị truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan quản trị truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.		
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>30</b>	
<i>Bắt buộc</i>				24	
56.	<b>BC03701</b>	Animation (Hoạt hình)	Học phần trang bị nội dung cơ bản, khái quát về sản phẩm hoạt hình; những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm và vận dụng kiến thức về hoạt hình trong quản lý và ứng dụng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành học.	4,0 (1,5:2,5)	
57.	<b>BC03702</b>	Siêu phẩm số (mega-story)	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm và vận dụng kiến thức về mega-story trong quản lý và ứng dụng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành học	3,0 (1,5:1,5)	
58.	<b>BC03703</b>	Video âm nhạc (MV)	Học phần trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về video âm nhạc: sáng tạo và tổ chức sản xuất video âm nhạc. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm, video âm nhạc trên các bình diện khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
59.	<b>BC03643</b>	Thực tập nghiệp vụ	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đa phương tiện); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông	4,0 (0,5:3,5)	

			đa phương tiện; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...		
60.	BC03644	Thực tập tốt nghiệp	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.	4,0 (0,5:3,5)	
61.	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.	6,0 (0,5: 5,5)	
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>				6,0	
62.	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	Học phần hệ thống cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.	3,0 (1,0:2,0)	
63.	BC03705	Biên tập sản phẩm đa phương tiện	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm đa phương tiện, sản phẩm truyền thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	

Tự chọn			6/18		
64.	<b>BC03706</b>	Phim ngắn	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về thể loại và quy trình sản xuất phim ngắn. Đồng thời sinh viên hiểu được quy trình sản xuất một tác phẩm phim ngắn và có kỹ năng phân tích phim cũng như hoàn thiện thực tế được một bộ phim với trọn vẹn các giai đoạn. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
65.	<b>BC03707</b>	Báo chí - truyền thông dữ liệu	Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề cơ bản của báo chí và truyền thông dữ liệu như khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm, hệ thống các loại hình báo chí – truyền thông dữ liệu mới; ứng dụng báo chí – truyền thông dữ liệu trong sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí – truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là các cơ quan báo chí và các doanh nghiệp truyền thông Việt Nam hiện nay. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng tìm kiếm và xử lý dữ liệu, phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp báo chí – truyền thông.	3,0 (1,0:2,0)	
66.	<b>BC03708</b>	Kỹ xảo và hiệu ứng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kỹ xảo và hiệu ứng trong sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Thực hành kỹ xảo và hiệu ứng trong tổ chức sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện có.	3,0 (1,0:2,0)	
67.	<b>BC03709</b>	Quản trị hệ thống CMS	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về hệ thống CMS của website và báo mạng điện tử. Thực hành sử dụng và vận hành, quản lý hệ thống CMS trong thực tiễn.	3,0 (1,0:2,0)	
68.	<b>BC03710</b>	Nhiếp ảnh	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản lịch sử ra đời của nhiếp ảnh; các phương pháp tạo hình và lý thuyết về các thể loại nhiếp ảnh. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm ảnh, bao gồm cả ảnh nghệ thuật và ảnh báo chí.	3,0 (1,5:2,5)	



69.	PT03925	Dẫn chương trình	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động dẫn chương trình: Hiểu được vị trí, vai trò, đặc trưng của hoạt động dẫn chương trình và của người dẫn chương trình; Nắm được kỹ năng cơ bản để dẫn chương trình nói chung và kỹ năng dẫn một số dạng chương trình cụ thể; Hiểu được các dạng sự cố và cách xử lý khi dẫn chương trình... Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CDR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CDR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CDR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CDR.

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																	
		Kiến thức															Kỹ năng										Năng lực tự chủ								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				
1	TM01012	2														2	2	2																	
2	KT01011	2														2	2	2																	
3	CN01002	2														2	2	2																	
4	TH01001	2														2	2	2																	
5	LS01002	2														2	2	2																	
6	NP01001		2													2	2	2																	
7	CT01001		2													2	2	2																	
8	XD01001		2													2	2	2																	





67	BC04943															2	2	1				2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1
68	BC03704												1	1		1	1					1	2	1	2		1	1	1	1	1	1
69	BC03705												1	1		1	1	1				1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1

10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1	TM01012	Triết học Mác – Lênin	3.0		X								
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0					X					
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0				X						
4	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0				X						
5	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0				X						
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3.0	X									
7	CT01001	Chính trị học	2.0				X						
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2.0					X					
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0				X						
10	XH 01001	Xã hội học đại cương	2.0	X									
11	QT 02552	Địa chính trị thế giới	2.0	X									
12	ĐC 01001	Tiếng Việt thực hành	2.0	X									
13	KT 01004	Kinh tế học đại cương	2.0	X									
14	TT 01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	X									
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	2.0	X									
16	TG 01007	Tâm lý học xã hội	2.0	X									
17	QT01001	Quan hệ quốc tế	2.0	X									
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2.0	X									
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3.0	X									
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4.0	X									
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4.0	X									
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4.0		X								
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3.0		X								
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4.0	X									
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4.0	X									
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4.0		X								
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3.0		X								

28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3.0		X					
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3.0		X					
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3.0		X					
31	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	3.0			X				
32	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3.0					X		
33	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3.0					X		
34	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3.0					X		
35	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3.0					X		
36	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3.0					X		
37	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	3.0					X		
38	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	3.0				X			
39	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng	3.0				X			
40	BC02602	Mỹ thuật	3.0					X		
41	BC02603	Thiết kế đồ họa	3.0					X		
42	PT02601	Sản xuất Audio	3.0					X		
43	PT02602	Sản xuất Video	3.0							X
44	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương tiện	3.0							X
45	BC02952	Thực tế chính trị xã hội					X			
46	BC02605	Truyền thông chính sách	3.0							X
47	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	3.0							X
48	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	3.0							X
49	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	3.0							X
50	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đại chúng	5.0				X			
51	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3.0							X
52	BC02611	Quản trị - kinh doanh	3.0			X				

		sản phẩm truyền thông số								
53	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3.0			X				
54	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	3.0			X				
55	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3.0			X				
56	BC03701	Animation (Hoạt hình)	3.0					X		
57	BC03702	Siêu phẩm số (mega-story)	4.0							
58	BC03703	Video âm nhạc (MV)	3.0					X		
59	BC03706	Phim ngắn	3.0					X		
60	BC03707	Báo chí - truyền thông dữ liệu	3.0					X		
61	BC03708	Kỹ xảo và hiệu ứng	3.0					X		
62	BC03709	Quản trị hệ thống CMS	3.0					X		
63	BC03710	Nhiếp ảnh	3.0					X		
64	PT03925	Dẫn chương trình	3.0					X		
65	BC03643	Thực tập nghiệp vụ	4.0					X		
66	BC03644	Thực tập tốt nghiệp	4.0							X
67	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6.0							X
68	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông số	3.0							X
69	BC03705	Biên tập sản phẩm đa phương tiện	3.0							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

\* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với sản phẩm truyền thông đa phương tiện cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện, studio đa phương tiện,... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Một số môn như Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông; Nhập môn truyền thông đa phương tiện...: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ Một số môn như Nhiếp ảnh; 2D, 3D và animations; siêu phẩm số (megastory); phim ngắn; video âm nhạc,...: đối với các môn học này, sinh viên có thể được tiếp cận với các cơ quan, tổ chức báo chí – truyền thông và các doanh nghiệp báo chí – truyền thông có uy tín trong phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện, và (hoặc) thực tế, thực tập nghiệp vụ ở nước ngoài.

+ Học phần Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là sản phẩm truyền thông đa phương tiện, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm truyền thông chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

#### \* Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông đa phương tiện của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sĩ, 05 Tiến sĩ, 04 Nghiên cứu sinh, 7 Thạc sĩ Báo chí học, , truyền thông số, truyền thông đa phương tiện cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành truyền thông đa phương tiện được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà truyền thông giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### \* Về thư viện

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học



trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### ***10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình***

- *Thời gian điều chỉnh*: 2 năm đánh giá chương trình 1 lần. 4 năm điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước*:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc*:

(1) Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**



Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

\*  
Số 4981-QĐ/HVBC TT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đại chúng, chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đại chúng, chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

## GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đại chúng, chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4981-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:	
Tên văn bằng	: Cử nhân Truyền thông đại chúng
Tên chương trình	: Sản phẩm Truyền thông đại chúng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Truyền thông đại chúng Mã số : 7 320105

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có kiến thức về các loại hình, kênh truyền thông đại chúng; có phẩm chất nghề nghiệp, có năng lực sáng tạo, xây dựng ý tưởng, nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng tại các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đại chúng.

### 1.2.2. Về kỹ năng

#### \* Kỹ năng cứng

- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đại chúng trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đại chúng: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đại chúng...

- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn, truyền thông nghe nhìn, truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

#### \* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;  
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### 1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- *Các doanh nghiệp truyền thông*: có thể làm ở tất cả các bộ phận sáng tạo nội dung, sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng. Người được đào tạo ngành truyền thông đại chúng có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong ngành truyền thông.

- *Các cơ quan ứng dụng, cơ quan quản lý và tổ chức truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của doanh nghiệp truyền thông*: bộ phận xây dựng kế hoạch, thiết kế, quảng cáo, tiếp thị, kinh doanh, phát hành...

\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm

+ *Chuyên viên sáng tạo nội dung truyền thông*: copywriter, viết kịch bản truyền thông, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, thiết kế các loại hình sản phẩm truyền thông đại chúng như: gói nhận diện thương hiệu, các sản phẩm truyền thông nội bộ và quảng bá, video, quảng bá phim và sản phẩm hàng hoá, văn hoá, nghệ thuật, thời trang...

+ *Chuyên viên tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông*: tổ chức sản xuất các dòng sản phẩm truyền thông đại chúng, bao gồm cả các dòng sản phẩm truyền thông truyền thống và sản phẩm truyền thông đa nền tảng như: gói nhận diện thương hiệu, các sản phẩm truyền thông nội bộ và quảng bá, video, làm tại studio, quảng bá phim và sản phẩm thời trang...

#### **1.4. Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### **1.5. Trình độ Tin học**

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

### **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

#### **2.1. Căn cứ thực tiễn:**

##### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

##### *\* Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ truyền thông, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông năm 2018.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Truyền thông doanh nghiệp, Đại học Hà Nội năm 2018.

##### *\* Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân Báo chí và Truyền thông đại chúng, đại học Korea, Hàn Quốc, năm 2018.

- Chương trình cử nhân Truyền thông, Đại học Deakin (Úc) năm 2018.

##### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

##### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

- Thời điểm khảo sát: năm 2017

- Hình thức và đối tượng khảo sát:

+ Phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trên phạm vi cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh). Khảo sát được thực hiện với nhóm đối tượng làm việc liên quan đến lĩnh vực truyền thông, như: chuyên viên truyền thông, các

nhà quản lý doanh nghiệp truyền thông, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực truyền thông, các nhân viên, nhà lãnh đạo trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

+ Phòng vấn sâu: chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 17 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo.

+ Tổ chức Hội thảo “*Nhu cầu và kinh nghiệm đào tạo Truyền thông đại chúng hiện nay*”.

- Kết quả khảo sát:

Kết quả khảo sát an-két cho thấy rằng hầu hết các vị trí trong các doanh nghiệp truyền thông, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông đều rất cần các nhân lực có trình độ cao về Truyền thông đại chúng. Với 141 nhà tuyển dụng là doanh nghiệp truyền thông, 122 nhà tuyển dụng là đơn vị quảng cáo/phát hành/dịch vụ truyền thông, 16 đơn vị quản lý truyền thông và 9 đơn vị đào tạo, nghiên cứu truyền thông được khảo sát, kết quả cho thấy tỷ lệ cần các chuyên gia về chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng tại mỗi vị trí đều đạt mức trên 60%. Trong đó, vị trí cần tuyển là: chuyên viên sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng chiếm tỷ lệ 68,7%; chuyên viên tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng chiếm tỷ lệ 71,3%.

Kết quả phỏng vấn sâu và hội thảo cho chúng tôi những nhận định đồng nhất về sự cần thiết trong nhu cầu tuyển dụng, sự hợp lý về mục tiêu, thời lượng, cấu trúc, nội dung của chương trình đối với nguồn nhân lực chuyên ngành Sản phẩm Truyền thông đại chúng của các doanh nghiệp truyền thông, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

Tất cả kết quả khảo sát đều khẳng định việc đào tạo chuyên ngành Sản phẩm Truyền thông đại chúng là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2. Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *\* Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *\* Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng, bao gồm quản trị, xã hội học, truyền thông sáng tạo, tiếp thị tích hợp.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

**CĐR 7.** Xác định được các đặc điểm, chủ thể, khách thể, nguyên tắc của quản trị truyền thông.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng.

##### *\* Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Xác định được các đối tượng cơ bản của truyền thông đại chúng, bao gồm truyền thông in ấn, nghe nhìn, truyền thông số.



**CĐR 10.** Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn nghệ thuật, đồ họa, web ứng dụng trong thiết kế, sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng.

**CĐR 11.** Vận dụng được quy trình và phương pháp thiết kế, xây dựng nội dung thông điệp truyền thông, gói nhận diện thương hiệu.

**CĐR 12.** Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng theo từng lĩnh vực.

*\* Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Phân tích được đặc điểm của nhiếp ảnh, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp sáng tạo.

**CĐR 15.** Xác định được các đặc điểm, nguyên tắc, tiêu chí đánh giá các sản phẩm truyền thông in ấn, nghe nhìn và truyền thông số.

**CĐR 16.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông in ấn, nghe nhìn và truyền thông số.

### **3.2. Về kỹ năng**

*\* Kỹ năng chung*

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*\* Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành*

**CĐR 22.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình hoạt động tại các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 23.** Kỹ năng sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông phù hợp với thị trường truyền thông.

**CDR 24.** Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông phù hợp với thị trường truyền thông.

**CDR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng.

**CDR 26.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng.

**CDR 27.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CDR 28.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR 29.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

**CDR 30.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR 31.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 32.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Truyền thông đại chúng chuyên ngành Sản phẩm Truyền thông đại chúng nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

## 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
<i>Bắt buộc:</i>	25
<i>Tự chọn:</i>	3/12
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

## 9.2. Khung chương trình cụ thể

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách	2,0 (1,5:0,5)	

			mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				9	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp	2,0 (1,5:0,5)	

			và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.		
<i>Tự chọn</i>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>QT02552</b>	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khóa, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam;	2,0 (1,5:0,5)	

			mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...		
15.	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>TG01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	<b>ĐC01004</b>	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	

20.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện... Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu	4,0 (2,0:2,0)	



			được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.		
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gắn gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gắn gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và	3,0 (1,5:1,5)	

			nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.		
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí vi và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30.	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32.	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	Học phần bao gồm những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông	3,0 (1,5:1,5)	

			như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông thông đối nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.		
33.	<b>XH03107</b>	Xã hội học truyền thông	Học phần cung cấp những kiến thức về hệ thống các khái niệm (Xã hội học, truyền thông, các phương tiện truyền thông, công chúng, thông điệp...), đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các mô hình, lý thuyết truyền thông và xã hội học truyền thông, những nội dung nghiên cứu của xã hội học truyền thông.	3,0 (1,0:2,0)	
34.	<b>BC02905</b>	Truyền thông sáng tạo	Trên cơ sở lý thuyết về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo, học phần này đề cập tới vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	<b>BC02125</b>	Các loại hình báo chí	Học phần giới thiệu cho sinh viên các loại hình báo chí (truyền thông và hiện đại), cách thức và phương pháp ứng dụng các loại hình báo chí như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử... trong thực tiễn; xu hướng phát triển của các loại hình báo chí; tổ chức và quản lý hoạt động của các loại hình báo chí...	3,0 (1,0:2,0)	
36.	<b>QQ02607</b>	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần trang bị để vận dụng trong hoạt động truyền thông tiếp thị sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
37.	<b>QT03629</b>	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế.	3,0 (1,5:1,5)	

<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			28		
<b>Bắt buộc</b>			25		
38.	<b>BC02701</b>	Nhập môn Truyền thông đại chúng	Môn học này giới thiệu tổng quát với sinh viên về khái niệm, phân loại các kênh, các loại hình truyền thông đại chúng, vai trò, cơ chế tác động của truyền thông đại chúng với các nhóm công chúng và xã hội; yêu cầu về phẩm chất, năng lực của nhà truyền thông; những vấn đề, xu hướng phát triển truyền thông đại chúng, vấn đề pháp luật và đạo đức trong truyền thông đại chúng; vấn đề sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng; vấn đề phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng...	3,0 (1,0;2,0)	
39.	<b>BC02615</b>	Tìm hiểu nghệ thuật	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật; vận dụng kiến thức nghệ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5;1,5)	
40.	<b>BC02616</b>	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng như hệ thống khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, các yếu tố kỹ thuật, các phần mềm, các hình thức công nghệ trong sản xuất, phát triển, ứng dụng truyền thông đại chúng. Cụ thể như: quay phim, chụp ảnh, các phần mềm biên tập, dựng phim, công nghệ truyền thông số...	5,0 (2,0;3,0)	
41.	<b>BC02617</b>	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nội dung và các vấn đề cơ bản của sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đại chúng phục vụ các ngành truyền thông đại chúng trong thực tiễn. Sinh viên được thực hành phân tích, phản biện và sáng tạo nội dung các sản phẩm truyền thông cụ thể.	3,0 (1,0;2,0)	
42.	<b>BC02618</b>	Tổ chức sản xuất sản phẩm	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng với 3 loại	3,0 (1,0;2,0)	

		truyền thông đại chúng	hình sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn, sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn, sản xuất sản phẩm truyền thông số.		
43.	QQ02805	Sản xuất sản phẩm quảng cáo	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các sản phẩm quảng cáo và các kỹ năng tổ chức sản xuất. Sinh viên được thực hành phân tích, phản biện và sản xuất các sản phẩm quảng cáo cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
44.	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thiết kế gói nhận diện thương hiệu và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên được thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và thiết kế gói nhận diện thương hiệu cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
45.	BC02620	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại thực địa.	2,0 (1,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				3/12	
46.	BC02605	Truyền thông chính sách	Học phân bao gồm những nội dung và phương pháp cơ bản, hệ thống và khái quát về truyền thông chính sách, chủ yếu dựa trên thực tiễn Việt Nam. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng nhận diện, phân tích, phản biện chính sách, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông chính sách và phương pháp đánh giá truyền thông chính sách.	3,0 (1,0:2,0)	
47.	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	Học phân cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về truyền thông doanh nghiệp, không chỉ là truyền thông bên trong doanh nghiệp mà còn là giữa doanh nghiệp với các nhân tố bên ngoài và giữa các doanh nghiệp với nhau. Các lý thuyết về truyền thông doanh nghiệp, truyền thông trong khủng hoảng cùng các ví dụ cũng được giới thiệu và phân tích.	3,0 (1,0:2,0)	
48.	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	Những kiến thức cơ bản về truyền thông khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về truyền thông khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm truyền	3,0 (1,0:2,0)	

		nghệ	thông về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.		
49.	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0;2,0)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>11</b>	
<i>Bắt buộc</i>				8	
50.	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đại chúng	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đại chúng. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	5,0 (2,0;3,0)	
51.	BC02622	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông như khái niệm, đặc điểm, cơ chế hoạt động, mô hình hoạt động, các loại hình và phương thức hoạt động cụ thể của các doanh nghiệp truyền thông tại Việt Nam hiện nay.	3,0 (1,0;2,0)	
<i>Tự chọn</i>				3/12	
52.	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản quyền và sở hữu trí tuệ và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ được nghiên cứu trường hợp tiêu biểu, phân tích, đánh giá và đưa ra hệ thống giải pháp về vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ của các sản phẩm truyền thông đại chúng.	3,0 (1,0;2,0)	
53.	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	Học phân này giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Qui trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính.	3,0 (1,5;1,5)	

54.	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về xây dựng thương hiệu và hình ảnh cũng như các phương thức, kỹ thuật liên quan. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Xây dựng thương hiệu và hình ảnh sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5:1,5)	
55.	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	Học phân cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, kỹ năng quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, có tâm thế chủ động phòng ngừa khủng hoảng truyền thông và sẵn sàng xử lý khủng hoảng trong trường hợp khẩn cấp theo đúng nguyên tắc của quản trị truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>29</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>23</b>	
56.	BC03731	Sản phẩm truyền thông in ấn	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sản phẩm truyền thông in ấn và các phương thức, kỹ thuật liên quan đến tổ chức sản phẩm in ấn. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm in ấn trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0:2,0)	
57.	BC03703	Video âm nhạc (MV)	Học phân bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về video âm nhạc, sáng tạo và tổ chức sản xuất video âm nhạc. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, video âm nhạc trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0:2,0)	
58.	BC03732	Sản phẩm truyền thông số	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sản phẩm truyền thông số và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm truyền thông trên nền tảng công nghệ hiện đại.	3,0 (1,0:2,0)	
59.	BC03733	Thực tập nghiệp vụ	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đại chúng trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ	4,0 (0,5:3,5)	

			quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đại chúng); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...		
60.	BC03734	Thực tập tốt nghiệp	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đại chúng trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.	4,0 (0,5:3,5)	
61.	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.	6,0 (0,5: 5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
62.	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	Học phân hệ thống cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.	3,0 (1,0:2,0)	
63.	BC03735	Biên tập sản	Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng biên tập	3,0	



		phẩm truyền thông đại chúng	sản phẩm truyền thông đại chúng: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm in ấn, sản phẩm nghe nhìn, sản phẩm truyền thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng cụ thể.	(1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	
64.	<b>BC03810</b>	Tạp chí	Những kiến thức cơ bản về Tạp chí; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm, phân loại Tạp chí; mô hình tổ chức thông tin cho Tạp chí; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Tạp chí; quản trị và kinh doanh sản phẩm Tạp chí. Cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Tạp chí; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Tạp chí.	3,0 (1,0:2,0)	
65.	<b>BC03736</b>	Quản trị website	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật Quản trị website. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng Quản trị website cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
66.	<b>BC03737</b>	Sản phẩm truyền thông chính sách	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về sản xuất sản phẩm truyền thông chính sách. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông chính sách cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
67.	<b>BC03738</b>	Sản phẩm truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về sản xuất sản phẩm truyền thông giáo dục, khoa học và công nghệ. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông giáo dục, khoa học và công nghệ cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
68.	<b>BC03739</b>	Sản phẩm truyền thông văn hóa - nghệ thuật	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về sản xuất sản phẩm truyền thông văn hóa - nghệ thuật. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông văn hóa - nghệ thuật cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
69.	<b>BC03740</b>	Sản phẩm truyền thông thể thao, giải trí	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về sản xuất sản phẩm truyền thông thể thao, giải trí. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông thể thao, giải trí cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																																	
		Kiến thức															Kỹ năng											Năng lực tự chủ							
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32		
1.	TM01012	2															2	2	2																
2.	KT01011	2															2	2	2																
3.	CN01002	2															2	2	2																
4.	LS01002	2															2	2	2																
5.	TH01001	2															2	2	2																
6.	NP01001		2														2	2	2																
7.	CT01001		2														2	2	2																
8.	XD01001		2														2	2	2																
9.	TG01004			2													2	2	2																
10.	XH 01001	2															2	2	2																
11.	QT 02552	2															2	2	2																







10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1	TM01012	Triết học Mác – Lênin	3.0		X								
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0					X					
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0		X								
4	LS01002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0				X						
5	TH01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0				X						
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3.0	X									
7	CT01001	Chính trị học	2.0				X						
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2.0					X					
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0				X						
10	XH 01001	Xã hội học đại cương	2.0	X									
11	QT 02552	Địa chính trị thế giới	2.0	X									
12	DC 01001	Tiếng Việt thực hành	2.0	X									
13	KT 01006	Kinh tế học đại cương	2.0	X									
14	TT 01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	X									
15	DC 01006	Ngôn ngữ học đại cương	2.0	X									
16	TG 01007	Tâm lý học xã hội	2.0	X									
17	QT01001	Quan hệ quốc tế	2.0	X									
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2.0	X									
19	DC 01005	Tin học ứng dụng	3.0	X									
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4.0	X									
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4.0		X								
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4.0			X							
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3.0				X						
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4.0	X									
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4.0		X								
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4.0			X							
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3.0				X						
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3.0		X								
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3.0		X								
30	QQ02101	Nhập môn hệ công chúng và quảng cáo	3.0		X								
31	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	3.0			X							

32	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3.0				X		
33	XH03107	Xã hội học truyền thông	3.0				X		
34	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3.0				X		
35	BC02125	Các loại hình báo chí	3.0				X		
36	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3.0				X		
37	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	3.0				X		
38	BC02701	Nhập môn Truyền thông đại chúng	3.0			X			
39	BC02615	Tìm hiểu nghệ thuật	3.0		X				
40	BC02616	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng	5.0				X		
41	BC02617	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	3.0				X		
42	BC02618	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0					X	
43	QQ02805	Sản xuất sản phẩm quảng cáo	3.0						X
44	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	3.0						X
45	BC02620	Thực tế chính trị - xã hội	2.0				X		
46	BC02605	Truyền thông chính sách	3.0						X
47	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	3.0						X
48	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	3.0						X
49	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	3.0						X
50	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đại chúng	3.0				X		
51	BC02622	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	3.0		X				
52	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3.0		X				
53	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3.0		X				
54	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	3.0		X				
55	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3.0		X				
56	BC03731	Sản phẩm truyền thông in ấn	3.0					X	
57	BC03703	Video âm nhạc (MV)	3.0					X	
58	BC03732	Sản phẩm truyền thông số	3.0					X	
59	BC03810	Tạp chí	3.0						X
60	BC03736	Quản trị website	3.0						X
61	BC03737	Sản phẩm truyền thông chính sách	3.0						X

62	BC03738	Sản phẩm truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	3.0							X
63	BC03739	Sản phẩm truyền thông văn hóa - nghệ thuật	3.0							X
64	BC03740	Sản phẩm truyền thông thể thao, giải trí	3.0							X
65	BC03733	Thực tập nghiệp vụ	4.0						X	
66	BC03734	Thực tập tốt nghiệp	4.0							X
67	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6.0							X
68	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3.0							X
69	BC03735	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0							X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

### \* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với sản phẩm truyền thông đại chúng cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng, phòng thực hành Báo chí trẻ... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Một số môn như Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông, Nhập môn truyền thông đại chúng...: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ Học phần Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là sản phẩm truyền thông đại chúng, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm truyền thông chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

### \* Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông đại chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sĩ, 04 Tiến sĩ, 04 Nghiên cứu sinh, 5 Thạc



sĩ Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành truyền thông đại chúng được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà truyền thông giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### *\* Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình**

- **Thời gian điều chỉnh:** 2 năm đánh giá chương trình 1 lần. 4 năm điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.

#### **- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:**

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

**- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:**

(1) Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

\*

Số 4980-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đại chúng, chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đại chúng, chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đại chúng, chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC  
  
Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4980-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : **Cử nhân Truyền thông đại chúng**  
Tên chương trình : **Truyền thông đại chúng ứng dụng**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Truyền thông đại chúng** Mã số: 7 32 01 05

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có kiến thức về các loại hình, kênh truyền thông đại chúng; có phẩm chất nghề nghiệp, có năng lực sáng tạo và có khả năng phát triển, ứng dụng các sản phẩm, kênh, loại hình truyền thông đại chúng ở các lĩnh vực tại các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng của Việt Nam và thế giới;

- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp phát triển, ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đại chúng.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

\* Kỹ năng cứng

- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đại chúng trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đại chúng: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đại chúng...

- Kỹ năng phát triển và ứng dụng truyền thông đại chúng: Kỹ năng ứng dụng, điều hành trong kinh doanh, có kế hoạch, giải pháp cho sản phẩm truyền thông đại chúng; Kỹ năng ứng dụng sản phẩm cho quảng bá thương hiệu, phát triển truyền thông chính trị, truyền thông doanh nghiệp...; Kỹ năng quản lý hình ảnh, quản trị thương hiệu tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân; Kỹ năng phát triển những sản phẩm, dòng sản phẩm mới của ngành công nghiệp truyền thông để khởi nghiệp, góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp truyền thông phát triển; Kỹ năng ứng dụng kiến thức để xây dựng mô hình truyền thông đại chúng mới; Kỹ năng đánh giá, kết nối, xây dựng, phát triển chiến dịch truyền thông và dự án truyền thông đại chúng.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

*1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

**1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- *Các doanh nghiệp truyền thông*: có thể làm ở tất cả các bộ phận sáng tạo nội dung, nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm truyền thông, phát triển sản phẩm, dự án truyền thông. Người được đào tạo ngành truyền thông đại chúng có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong ngành truyền thông.

- *Các cơ quan ứng dụng, cơ quan quản lý và tổ chức truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của doanh nghiệp truyền thông*: nghiên cứu và

phát triển, quản lý hình ảnh và thương hiệu, nhân viên quản lý các dự án truyền thông...

\* *Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

+ *Chuyên viên sáng tạo nội dung truyền thông*: copywriter, viết kịch bản truyền thông, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, thiết kế các loại hình sản phẩm truyền thông đại chúng như: gói nhận diện thương hiệu, các sản phẩm truyền thông nội bộ và quảng bá, video, quảng bá phim và sản phẩm hàng hoá, văn hoá, nghệ thuật, thời trang...

+ *Chuyên viên phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng*: nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các kênh truyền thông đại chúng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh và phát triển các dự án bản quyền format sản phẩm truyền thông đại chúng, kinh doanh marketing, quản lý hình ảnh; quản trị thương hiệu, quản trị danh tiếng, quản trị khủng hoảng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân; phụ trách dự án hợp tác, liên kết truyền thông...

#### **1.4. Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### **1.5. Trình độ Tin học**

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

### **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

#### **2.1. Căn cứ thực tiễn**

##### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

\* *Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ truyền thông, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông năm 2018.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Truyền thông doanh nghiệp, Đại học Hà Nội năm 2018.

\* *Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân Báo chí và Truyền thông đại chúng, đại học Korea, Hàn Quốc, năm 2018.

- Chương trình cử nhân Truyền thông, Đại học Deakin (Úc) năm 2018.

##### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

\* *Khảo sát nhu cầu xã hội*

\* Thời điểm khảo sát: năm 2017

\* Hình thức và đối tượng khảo sát:

+ Phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trên phạm vi cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành

phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh). Khảo sát được thực hiện với nhóm đối tượng làm việc liên quan đến lĩnh vực truyền thông, như: chuyên viên truyền thông, các nhà quản lý doanh nghiệp truyền thông, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực truyền thông, các nhân viên, nhà lãnh đạo trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

+ Phòng vấn sâu: chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 17 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo.

+ Tổ chức Hội thảo “*Nhu cầu và kinh nghiệm đào tạo Truyền thông đại chúng hiện nay*”.

- Kết quả khảo sát:

Kết quả khảo sát an-kết cho thấy rằng hầu hết các vị trí trong các doanh nghiệp truyền thông, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông đều rất cần các nhân lực có trình độ cao về Truyền thông đại chúng. Với 141 nhà tuyển dụng là doanh nghiệp truyền thông, 122 nhà tuyển dụng là đơn vị quảng cáo/phát hành/dịch vụ truyền thông, 16 đơn vị quản lý truyền thông và 9 đơn vị đào tạo, nghiên cứu truyền thông được khảo sát, kết quả cho thấy tỷ lệ cần các chuyên gia về chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đại chúng tại mỗi vị trí đều đạt mức trên 60%. Trong đó, vị trí cần tuyển là: chuyên viên sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng chiếm tỷ lệ 68,7% và chuyên viên phát triển ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng chiếm tỷ lệ 61,3%.

Kết quả phỏng vấn sâu và hội thảo cho chúng tôi những nhận định đồng nhất về sự cần thiết trong nhu cầu tuyển dụng, sự hợp lý về mục tiêu, thời lượng, cấu trúc, nội dung của chương trình đối với nguồn nhân lực chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng của các doanh nghiệp truyền thông, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

Tất cả kết quả khảo sát đều khẳng định việc đào tạo chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2. Căn cứ pháp lí**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *\* Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *\* Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng, bao gồm quản trị, xã hội học, truyền thông sáng tạo, tiếp thị tích hợp.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

**CĐR 7.** Xác định được các đặc điểm, chủ thể, khách thể, nguyên tắc của quản trị truyền thông.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng.

##### *\* Kiến thức ngành*



**CĐR 9.** Xác định được các đối tượng cơ bản của truyền thông đại chúng, bao gồm truyền thông in ấn, nghe nhìn, truyền thông số.

**CĐR 10.** Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn nghệ thuật, đồ họa, web ứng dụng trong thiết kế, sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng.

**CĐR 11.** Vận dụng được quy trình và phương pháp thiết kế, xây dựng nội dung thông điệp truyền thông, gói nhận diện thương hiệu.

**CĐR 12.** Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng theo từng lĩnh vực.

*\* Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Vận dụng được các quy trình, nguyên tắc phát triển, ứng dụng truyền thông đại chúng trong tổ chức sự kiện, công nghệ giải trí và biểu diễn, phim và thời trang.

**CĐR 15.** Vận dụng được các quy trình, nguyên tắc trong quản trị khủng hoảng truyền thông.

**CĐR 16.** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức các dự án phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng.

### **3.2. Về kỹ năng**

*\* Kỹ năng chung*

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*\* Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành*

**CĐR 22.** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình hoạt động tại các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông.

**CĐR 23.** Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông phù hợp với thị trường.

**CĐR 24.** Kỹ năng quản lý hình ảnh, quản trị thương hiệu tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

**CĐR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và phát triển, ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng.

**CĐR 26.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng.

**CĐR 27.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 28.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CĐR 29.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

**CĐR 30.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 31.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 32.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào chuyên ngành Sản phẩm Truyền thông đại chúng nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-

HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

### 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### 9. Nội dung chương trình

#### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
<i>Bắt buộc:</i>	25
<i>Tự chọn:</i>	3/12
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

## 9.2. Khung chương trình cụ thể

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương	2,0	

		Minh	pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	(1,5:0,5)	
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng	2,0 (1,5:0,5)	

		nhân văn	<p>cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.</p>		
<i>Tự chọn</i>					
10.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	<p>Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>QT02552</b>	Địa chính trị thế giới	<p>Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	<p>Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	<p>Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa	<p>Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam</p>	2,0	

		Việt Nam	trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	(1,5:0,5)	
15.	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>TG01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	<b>ĐC01004</b>	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính	3,0 (1,0:2,0)	

			(Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.		
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01023</b>	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	



24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiên trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
28.	BC02801	Lý thuyết truyền	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên	3,0	

		thông	cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	(1,5:1,5)	
29.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30.	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	

Tự chọn			6/18		
32.	<b>BC02104</b>	Quản trị báo chí - truyền thông	Học phân bao gồm những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông đối nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	<b>XH03107</b>	Xã hội học truyền thông	Học phân cung cấp những kiến thức về hệ thống các khái niệm (Xã hội học, truyền thông, các phương tiện truyền thông, công chúng, thông điệp...), đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các mô hình, lý thuyết truyền thông và xã hội học truyền thông, những nội dung nghiên cứu của xã hội học truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
34.	<b>BC02905</b>	Truyền thông sáng tạo	Trên cơ sở lý thuyết về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo, học phân này đề cập tới vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	<b>BC02125</b>	Các loại hình báo chí	Học phân giới thiệu cho sinh viên các loại hình báo chí (truyền thông và hiện đại), cách thức và phương pháp ứng dụng các loại hình báo chí như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử... trong thực tiễn; xu hướng phát triển của các loại hình báo chí; tổ chức và quản lý hoạt động của các loại hình báo chí...	3,0 (1,0:2,0)	
36.	<b>QQ02607</b>	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Học phân cung cấp kiến thức và kỹ năng xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần trang bị để vận dụng trong hoạt động truyền thông tiếp thị sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,0:2,0)	
37.	<b>QT03629</b>	Hệ thống thông tin	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về thông tin đối	3,0	

		tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	ngoại và truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế.	(1,5:1,5)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				28	
<b>Bắt buộc</b>				25	
38.	BC02701	Nhập môn Truyền thông đại chúng	Môn học này giới thiệu tổng quát với sinh viên về khái niệm, phân loại các kênh, các loại hình truyền thông đại chúng, vai trò, cơ chế tác động của truyền thông đại chúng với các nhóm công chúng và xã hội; yêu cầu về phẩm chất, năng lực của nhà truyền thông; những vấn đề, xu hướng phát triển truyền thông đại chúng, vấn đề pháp luật và đạo đức trong truyền thông đại chúng; vấn đề sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng; vấn đề phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng...	3,0 (1,0:2,0)	
39.	BC02615	Tìm hiểu nghệ thuật	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật; vận dụng kiến thức nghệ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5:1,5)	
40.	BC02616	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng như hệ thống khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, các yếu tố kỹ thuật, các phần mềm, các hình thức công nghệ trong sản xuất, phát triển, ứng dụng truyền thông đại chúng. Cụ thể như: quay phim, chụp ảnh, các phần mềm biên tập, dựng phim, công nghệ truyền thông số...	5,0 (2,0:3,0)	
41.	BC02617	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nội dung và các vấn đề cơ bản của sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đại chúng phục vụ các ngành truyền thông đại chúng trong thực tiễn. Sinh viên được thực hành phân tích, phản biện và sáng tạo nội	3,0 (1,0:2,0)	

			dung các sản phẩm truyền thông cụ thể.		
42.	BC02618	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng với 3 loại hình sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn, sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn, sản xuất sản phẩm truyền thông số.	3,0 (1,0:2,0)	
43.	QQ02805	Sản xuất quảng cáo	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các sản phẩm quảng cáo và các kỹ năng tổ chức sản xuất. Sinh viên được thực hành phân tích, phản biện và sản xuất các sản phẩm quảng cáo cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
44.	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thiết kế gói nhận diện thương hiệu và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên được thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và thiết kế gói nhận diện thương hiệu cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
45.	BC02620	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại thực địa.	2,0 (1,0:1,0)	
<i>Tư chọn</i>				3/12	
46.	BC02605	Truyền thông chính sách	Học phần bao gồm những nội dung và phương pháp cơ bản, hệ thống và khái quát về truyền thông chính sách, chủ yếu dựa trên thực tiễn Việt Nam. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng nhận diện, phân tích, phản biện chính sách, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông chính sách và phương pháp đánh giá truyền thông chính sách.	3,0 (1,0:2,0)	
47.	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về truyền thông doanh nghiệp, không chỉ là truyền thông bên trong doanh nghiệp mà còn là giữa doanh nghiệp với các nhân tố bên ngoài và giữa các doanh nghiệp với nhau. Các lý thuyết về truyền thông doanh nghiệp, truyền thông trong khủng hoảng cùng các ví dụ cũng được	3,0 (1,0:2,0)	

			giới thiệu và phân tích.		
48.	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	Những kiến thức cơ bản về truyền thông khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về truyền thông khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm truyền thông về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	3,0 (1,0:2,0)	
49.	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>11</b>	
<i>Bắt buộc</i>				8	
50.	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đại chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đại chúng. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.	5,0 (2,0:3,0)	
51.	BC02622	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông như khái niệm, đặc điểm, cơ chế hoạt động, mô hình hoạt động, các loại hình và phương thức hoạt động cụ thể của các doanh nghiệp truyền thông tại Việt Nam hiện nay.	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				3/12	
52.	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản quyền và sở hữu trí tuệ và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ được nghiên cứu trường hợp tiêu biểu, phân tích, đánh giá và đưa ra hệ thống giải pháp về vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ của các sản phẩm truyền thông đại chúng.	3,0 (1,0:2,0)	
53.	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	Học phần này giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Quy trình và các	3,0 (1,5:1,5)	

			điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính.		
54.	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về xây dựng thương hiệu và hình ảnh cũng như các phương thức, kỹ thuật liên quan. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Xây dựng thương hiệu và hình ảnh sau khi tốt nghiệp ngành học.	3,0 (1,5:1,5)	
55.	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	Học phân cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, kỹ năng quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, có tâm thế chủ động phòng ngừa khủng hoảng truyền thông và sẵn sàng xử lý khủng hoảng trong trường hợp khẩn cấp theo đúng nguyên tắc của quản trị truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>29</b>	
<i>Bắt buộc</i>				23	
56.	BC03750	Tổ chức và truyền thông sự kiện	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tổ chức và truyền thông sự kiện và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, tổ chức và truyền thông sự kiện cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
57.	BC03751	Công nghiệp giải trí và biểu diễn	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng trong lĩnh vực giải trí, nghệ thuật biểu diễn. Sinh viên được thực hành phân tích, đánh giá và tổ chức hoạt động truyền thông giải trí, nghệ thuật biểu diễn cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
58.	BC03752	Dự án phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dự án phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, xây dựng các dự án phát triển, ứng dụng sản phẩm truyền	3,0 (1,0:2,0)	

			thông đại chúng.		
59.	BC03733	Thực tập nghiệp vụ	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đại chúng trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đại chúng); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4,0 (0,5;3,5)	
60.	BC03734	Thực tập tốt nghiệp	Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đại chúng trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.	4,0 (0,5;3,5)	
61.	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.	6,0 (0,5; 5,5)	
<i>Học phân thay thế khóa luận</i>				6,0	
62.	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền	Học phân hệ thống cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam.	3,0 (1,0;2,0)	



		thông	Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.		
63.	BC03735	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm in ấn, sản phẩm nghe nhìn, sản phẩm truyền thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
64.	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về Kinh doanh sản phẩm truyền thông, khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức hoạt động. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện trên các bình diện khác nhau.	3,0 (1,0:2,0)	
65.	BC03707	Báo chí - truyền thông dữ liệu	Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề cơ bản của báo chí và truyền thông dữ liệu như khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm, hệ thống các loại hình báo chí – truyền thông dữ liệu mới; ứng dụng báo chí – truyền thông dữ liệu trong sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí – truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là các cơ quan báo chí và các doanh nghiệp truyền thông Việt Nam hiện nay.	3,0 (1,0:2,0)	
66.	BC03754	Quảng bá phim và sản phẩm thời trang	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quảng bá phim và sản phẩm thời trang và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, tổ chức quảng bá phim và sản phẩm thời trang cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
67.	BC03755	Chương trình, chiến dịch truyền thông chính sách	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về chương trình, chiến dịch truyền thông chính sách. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức chương trình, chiến dịch truyền thông chính sách cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
68.	BC03756	Chương trình,	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về chương	3,0	

		chiến dịch truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	trình, chiến dịch truyền thông giáo dục, khoa học và công nghệ. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức chương trình, chiến dịch truyền thông giáo dục, khoa học và công nghệ cụ thể.	(1,0:2,0)	
69.	BC03757	Chương trình, chiến dịch truyền thông văn hóa - nghệ thuật	Học phần bao gồm những lý thuyết và kỹ năng cơ bản về chương trình, chiến dịch truyền thông văn hóa - nghệ thuật. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng thiết kế và tổ chức chương trình, chiến dịch truyền thông văn hóa - nghệ thuật cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>Tổng</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Truyền thông đại chúng ứng dụng là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																																	
		Kiến thức																Kỹ năng											Năng lực tự chủ						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32		
1.	TM01012	2															2	2	2																
2.	KT01011	2															2	2	2																
3.	CN01002	2															2	2	2																
4.	LS01001	2															2	2	2																
5.	TH01002	2															2	2	2																
6.	NP01001		2														2	2	2																
7.	CT01001		2														2	2	2																
8.	XD01001		2														2	2	2																





63.	<b>BC03756</b>													2	2	2	2	2	2				2	2		1			1	1	1				
64.	<b>BC03757</b>													2	2	2	2	2	2				2	2		1			1	1	1				
65.	<b>BC03733</b>																						2	2	2	2			2	2	2	2	1		
66.	<b>BC03734</b>																						2	2	2	2			2	2	2	2	1		
67.	<b>BC04943</b>		2													2	2												1	1	1	2	1		
68.	<b>BC03704</b>																							2	2				1	1	1	1	1		
69.	<b>BC03735</b>																							2	2		2		1	1	1	1	2		

10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1	TM01012	Triết học Mác – Lênin	3.0		X								
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0					X					
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0		X								
4	LS01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0				X						
5	TH01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0				X						
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3.0	X									
7	CT01001	Chính trị học	2.0				X						
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2.0					X					
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0				X						
10	XH 01001	Xã hội học đại cương	2.0	X									
11	QT 02552	Địa chính trị thế giới	2.0	X									
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	2.0	X									
13	KT01006	Kinh tế học đại cương	2.0	X									
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	X									
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	2.0	X									
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	2.0	X									
17	QT01001	Quan hệ quốc tế	2.0	X									
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2.0	X									
19	ĐC 01005	Tin học ứng dụng	3.0	X									
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4.0	X									
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4.0		X								
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4.0			X							
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3.0				X						
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4.0	X									
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4.0		X								
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4.0			X							
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3.0				X						
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3.0		X								
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3.0		X								
30	QQ02101	Nhập môn hệ công chúng và quảng cáo	3.0		X								
31	BC02115	Công chúng báo chí – truyền	3.0			X							

		thông								
32	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3.0					X		
33	XH03107	Xã hội học truyền thông	3.0					X		
34	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3.0					X		
35	BC02125	Các loại hình báo chí	3.0					X		
36	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3.0					X		
37	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	3.0					X		
38	BC02701	Nhập môn Truyền thông đại chúng	3.0				X			
39	BC02615	Tìm hiểu nghệ thuật	3.0			X				
40	BC02616	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông đại chúng	5.0					X		
41	BC02617	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	3.0					X		
42	BC02618	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0						X	
43	QQ02805	Sản xuất sản phẩm quảng cáo	3.0							X
44	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	3.0							X
45	BC02620	Thực tế chính trị - xã hội	2.0					X		
46	BC02605	Truyền thông chính sách	3.0							X
47	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	3.0							X
48	BC02607	Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	3.0							X
49	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	3.0							X
50	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đại chúng	3.0					X		
51	BC02622	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	3.0			X				
52	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3.0			X				
53	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3.0			X				
54	QQ02641	Xây dựng thương hiệu và hình ảnh	3.0			X				
55	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3.0			X				
56	BC03750	Tổ chức và truyền thông sự kiện	3.0						X	
57	BC03751	Công nghiệp giải trí và biểu diễn	3.0						X	
58	BC03752	Dự án phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0						X	
59	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0							X
60	BC03707	Báo chí- truyền thông dữ liệu	3.0							X

61	<b>BC03754</b>	Quảng bá phim và sản phẩm thời trang	3.0							X	
62	<b>BC03755</b>	Chương trình, chiến dịch truyền thông chính sách	3.0							X	
63	<b>BC03756</b>	Chương trình, chiến dịch truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ	3.0							X	
64	<b>BC03757</b>	Chương trình, chiến dịch truyền thông văn hóa - nghệ thuật	3.0							X	
65	<b>BC03733</b>	Thực tập nghiệp vụ	4.0						X		
66	<b>BC03734</b>	Thực tập tốt nghiệp	4.0								X
67	<b>BC04943</b>	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6.0								X
68	<b>BC03704</b>	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3.0								X
69	<b>BC03735</b>	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0								X

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

\* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với truyền thông đại chúng ứng dụng cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic, phòng thực hành truyền thông đại chúng ứng dụng, phòng thực hành Báo chí trẻ... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Hầu hết các môn học thuộc nhóm cơ sở ngành, chuyên ngành đều cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ Một số môn như Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông, Nhập môn truyền thông đại chúng...: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ Học phần Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là truyền thông đại chúng ứng dụng, tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở các doanh nghiệp truyền thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế làm truyền thông chuyên nghiệp. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng



viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyên đi.

*\* Về đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông đại chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 04 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 5 Thạc sỹ Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành truyền thông đại chúng được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà truyền thông giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

*\* Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sỹ; 1982 luận văn thạc sỹ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

*10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình*

- *Thời gian điều chỉnh:* 2 năm đánh giá chương trình 1 lần. 4 năm điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:*

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4967-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông quốc tế

-----

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông quốc tế.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quan hệ quốc tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4967-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tên cơ sở đào tạo : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : Cử nhân Truyền thông quốc tế  
Tên chương trình đào tạo: **Truyền thông quốc tế** (*International Communication*)  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Truyền thông quốc tế**  
Mã số : **7320107**

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các hoạt động, kỹ năng nghiệp vụ về truyền thông quốc tế cũng như thực hiện các công việc ở cơ quan báo chí, đối ngoại và truyền thông quốc tế; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành truyền thông quốc tế
- Có kiến thức vững vàng về lý luận và thực tiễn truyền thông quốc tế của Việt Nam và thế giới.
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông quốc tế
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông quốc tế; thông tin đối ngoại, quản lý hoạt động đối ngoại.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

\* Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng tích hợp trong hoạt động nghiệp vụ truyền thông quốc tế
- Có kỹ năng tổ chức và thực hiện các hoạt động truyền thông quốc tế như xây dựng kế hoạch, thu thập xử lý thông tin, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ về truyền thông trong lao động truyền thông quốc tế như tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông quốc tế như báo chí truyền thông quốc tế, các ấn phẩm, tác phẩm...

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong thực hiện các nghiệp vụ truyền thông quốc tế
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân – người hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng.

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...;

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng;

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Các công việc truyền thông quốc tế tại các Bộ, Ban, ngành trung ương, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ;

- Cán bộ chức năng trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý thông tin báo chí;

- Phóng viên, biên tập viên quốc tế tại các cơ quan báo chí;

- Nghiên cứu về truyền thông, truyền thông quốc tế, thông tin đối ngoại tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo;

- Cán bộ thực hiện các chức trách đòi hỏi sự hiểu biết cơ bản, hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ truyền thông quốc tế, thông tin đối ngoại;

### *1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học cần đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu (tương đương 500 điểm TOEIC hoặc 510 điểm TOEFL hoặc 5.0 điểm IELTS).

### *1.5. Trình độ Tin học*

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

### *2.1. Căn cứ thực tiễn*

#### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

*Chương trình đào tạo trong nước:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Quan hệ quốc tế và ngành Truyền thông quốc tế Học viện Ngoại giao năm 2015

- Chương trình đào tạo đại học ngành Quan hệ quốc tế Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam năm 2017

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; 2018

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018

#### *Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình đào tạo đại học ngành Truyền thông toàn cầu của trường đại học The American University of Paris năm 2016

- Chương trình đào tạo đại học truyền thông toàn cầu của trường đại học Utah State University năm 2016

#### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

##### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Qua khảo sát thực tế nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế tại một số đơn vị trong cả nước vào tháng 7 năm 2018, chúng tôi đã sử dụng 305 phiếu khảo sát và nhiều cuộc phỏng vấn ở các mức nhu cầu tuyển dụng khác nhau. Kết quả cho thấy, 89% số người tham gia khảo sát và phỏng vấn cho biết chương trình học phù hợp với nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành quan hệ quốc tế, truyền thông quốc tế của cơ quan. 11% còn lại cho rằng cần phải bổ sung một số môn học như: tăng tín chỉ môn tiếng Anh, cần tăng cường các môn học kỹ năng, các môn thực tiễn, tăng tín chỉ thực tập nghề nghiệp.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

#### *2.2. Căn cứ pháp lý*

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ tuyển sinh, thu

hội quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học, quan hệ quốc tế, kinh tế, địa chính trị thế giới...

**CDR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CDR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm truyền thông trong lãnh đạo quản lý, truyền thông xã hội, bản quyền truyền thông quốc tế.

**CDR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CDR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ báo chí truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CDR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông quốc tế, đội ngũ thực hiện sản phẩm của từng loại hình truyền thông quốc tế

**CDR 9:** Phân tích được lý thuyết về đối ngoại công chúng, ngoại giao kinh tế và văn hóa

##### *Kiến thức ngành*

**CDR 10:** Khái quát hóa và vận dụng sáng tạo các lý thuyết về thông tin đối ngoại, nghiệp vụ đối ngoại, lý luận báo chí quốc tế

**CDR 11:** Vận dụng được các nghiệp vụ: phát ngôn đối ngoại, giao tiếp và đàm phán quốc tế, sản xuất các thể loại thông tấn báo chí đối ngoại phát ngôn đối ngoại, giao tiếp và đàm phán, các tác phẩm chính luận, các nghiệp vụ, kỹ năng: tổ chức hoạt động đối ngoại, ngoại giao và văn phòng đối ngoại, giao tiếp liên văn hóa

**CĐR 12:** Phân tích được cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách đối ngoại, quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước Việt Nam, lịch sử ngoại giao Việt Nam, lịch sử quan hệ quốc tế, các vấn đề toàn cầu, khu vực học

**CĐR 13:** Vận dụng được luật pháp quốc tế trong các tình huống thực tiễn của hoạt động nghề nghiệp truyền thông quốc tế

**CĐR 14:** Sử dụng thành thạo vốn kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động thực tiễn.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 15:** Xác định được đặc trưng và sử dụng các loại hình truyền thông quốc tế trong hoạt động truyền thông quốc tế.

**CĐR 16:** Phân tích được các nội dung cơ bản trong công chúng truyền thông quốc tế, quản lý báo chí đối ngoại Việt Nam

**CĐR 17:** Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo đối ngoại, nguyên tắc hoạt động của nhà báo đối ngoại.

**CĐR 18:** Vận dụng được hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc tế, nghiệp vụ ngoại giao và văn phòng đối ngoại trong thực tiễn nghề nghiệp

**CĐR 19:** Vận dụng được các quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông quốc tế

#### **3.2. Kỹ năng**

**CĐR 20:** Có kỹ năng phân tích có phản biện sự kiện quốc tế, thông tin và dữ liệu trong và ngoài nước: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 21:** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý những vấn đề truyền thông ở quy mô địa phương và vùng miền.

**CĐR 22:** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả, kỹ năng sử dụng tin học

**CĐR 23:** Có kỹ năng sáng tạo các sản phẩm truyền thông: tin bài đối ngoại; tác phẩm chính luận và sử dụng các kỹ thuật, phương tiện truyền thông quốc tế, kỹ thuật nghiệp vụ báo chí đối ngoại

**CĐR 24:** Có kỹ năng sáng tạo sản phẩm tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế

**CĐR 25:** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

#### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 26:** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.



**CĐR 27:** Có năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế.

**CĐR 28:** Có năng lực tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau của ngành đối ngoại và thông tin đối ngoại, báo chí – truyền thông

**CĐR 29:** Năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

**CĐR 30:** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

#### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

#### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

-Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày

18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6
- Tin học	3
- Ngoại ngữ ( <i>chọn một trong hai ngôn ngữ</i> )	15
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6
- Kiến thức ngành	28
<i>Bắt buộc:</i>	18
<i>Thực tế chính trị - xã hội:</i>	2
<i>Kiến tập nghề nghiệp:</i>	2
<i>Tự chọn:</i>	6
- Kiến thức bổ trợ	9
<i>Bắt buộc:</i>	6
<i>Tự chọn:</i>	3
- Kiến thức chuyên ngành	31
<i>Bắt buộc:</i>	15
<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	4
<i>Khóa luận/các học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>	6
<i>Tự chọn:</i>	6
<b>Tổng</b>	<b>130</b>

## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác- Lênin	Học phần giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học trong đời sống, những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, như: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức, hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người.	3,0 (2,0:1,0)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy tư bản, các loại hình tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền; quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, quan hệ phân phối, quan hệ kinh tế đối ngoại; nội dung, tác dụng của các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế hàng hóa và các vấn đề có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	2,0 (1,5:0,5)	
4.	LS01002	Lịch sử ĐCS Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	2,0 (1,5:0,5)	

<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>			<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>			<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)
<i>Tự chọn</i>			<b>6/20</b>	
10.	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và mang tính hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế trong đó có UN, ASEAN; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)

11.	QT02552	Địa chính trị thế giới đại cương	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa- chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa – chính trị Việt Nam; Địa-chính trị của biển và địa – chính trị biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; Các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	KT01006	Kinh tế học đại cương	Những kiến thức cơ bản, các nguyên tắc chủ yếu của kinh tế học, đồng thời áp dụng các quan điểm kinh tế vào các bài toán kinh doanh	2,0 (1,5:0,5)	
15.	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
16.	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Những kiến thức cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí – truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	TG01007	Tâm lý học xã hội	Những kiến thức cơ bản nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai; kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	

19.	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, người học nâng cao phong kiến thức về văn hoá thế giới trong hội nhập và phát triển để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
20.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu; cách sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (Chọn học Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
21.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Sử dụng các từ vựng, cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, dễ hiểu trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống theo các chủ đề trong các đơn vị bài học; Trình bày các nội dung thông tin đơn giản bằng tiếng Anh, tương đương cấp độ A2 khung châu Âu, hay bậc 3/6.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo hơn trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống; Trình bày các nội dung thông tin đơn giản và phức tạp hơn bằng tiếng Anh ở mức độ theo chương trình được thiết kế. Thông qua các bài học tiếng Anh, sinh viên nhận thức được vai trò vị trí của môn học phục vụ cho học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực đào tạo của mình.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo ở mức độ nhất định trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống quá khứ và đương đại; Trình bày các nội dung thông tin đơn giản và phức tạp hơn bằng tiếng Anh ở một mức cao hơn tiếng Anh 2; Khẳng định năng lực tự học, tự nghiên cứu tiếng Anh, bước đầu có thể áp dụng tra cứu để phục vụ cho công tác học tập chuyên ngành.	4,0 (2,0:2,0)	
24.	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo. Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan, có năng lực tự học, tự nghiên cứu tiếng Anh, bước đầu có thể áp dụng tra cứu để phục vụ cho công tác học tập chuyên	3,0 (1,5:1,5)	

			ngành.		
25.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
28.	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				12	
29.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và	3,0 (1,5:1,5)	

			truyền thông thay đổi hành vi.		
30.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
31.	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phân cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
32.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Môn học trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo và các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; làm rõ mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông. Người học sẽ được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3,0 (2,0:1,0)	
<b>Tự chọn</b>				6/18	
33.	QT02601	Đối ngoại công chúng	Môn học gồm những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đối ngoại công chúng và hoạt động đối ngoại đối ngoại công chúng như cơ sở của hoạt động đối ngoại công chúng; cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác đối ngoại công chúng của thế giới và Việt Nam; hoạt động đối ngoại công chúng qua các thời kỳ trước khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, thời kỳ đổi mới đất nước, phương hướng, giải pháp đẩy mạnh hoạt động đối ngoại công chúng và một số bài học kinh nghiệm.	3,0 (2,0:1,0)	
34.	QT02602	Ngoại giao kinh	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về ngoại giao kinh tế và văn hoá như khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và quan điểm của Đảng và	3,0 (2,0:1,0)	



		tế và văn hóa	Nhà nước Việt Nam về ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá; nguyên tắc thực hiện và nội dung cơ bản của ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá; công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế về cơ sở pháp lý và thực tiễn; một số kỹ năng và kinh nghiệm nhằm thực hiện nhiệm vụ ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá của Việt Nam.		
35.	QT02603	Khu vực học	Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về khu vực: Các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khu vực; Đối tượng, phạm vi nghiên cứu; Quan điểm tiếp cận quá trình phát triển của nghiên cứu khu vực; Phương pháp trong nghiên cứu khu vực; Các nguyên tắc trong nghiên cứu khu vực; Tiêu chí phân định khu vực; Các loại hình khu vực tương ứng; Vận dụng lý giải được đặc trưng khu vực cụ thể trên thế giới và Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
36.	QQ01004	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	Môn Truyền thông trong lãnh đạo quản lý nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông, lãnh đạo quản lý, về truyền thông đại chúng, vai trò và sức mạnh truyền thông đại chúng trong các cơ quan quản lý của hệ thống cấu trúc chính trị Việt Nam. Môn học này hướng đến việc giúp người học kiến thức liên ngành như: cách Quốc hội sử dụng truyền thông đại chúng trong định hướng dư luận xã hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, hay cách đóng góp của người dân vào quá trình cải thiện chất lượng chính phủ thông qua truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
37.	QT02604	Truyền thông xã hội và giao thoa văn hóa	Môn học gồm các nội dung cơ bản về sự đa dạng văn hóa trên thế giới và tác động của chúng đến hoạt động truyền thông hiện đại; các yếu tố tác động đến sự hình thành, phát triển của truyền thông xã hội; vai trò, đặc điểm và bản chất của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; các nguyên tắc ứng xử trên mạng xã hội; mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội; các kỹ năng sử dụng mạng xã hội của nhà báo; một số mạng xã hội cơ bản và cách thức, kỹ năng sử dụng trong truyền thông và quan hệ quốc tế hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
38.	QT02605	Bản quyền truyền thông quốc tế	Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về bản quyền truyền thông quốc tế; hoạt động bản quyền ở Việt Nam hiện nay; vai trò của bản quyền truyền thông với hoạt động sáng tạo báo chí và các giải pháp và kiến nghị để đảm bảo bản quyền trong truyền thông.	3,0 (2,0:1,0)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>28</b>	

<b>Bắt buộc</b>			22		
39.	<b>QT02606</b>	Cơ sở truyền thông quốc tế	Trang bị hệ thống khái niệm, các kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống truyền thông quốc tế. Nắm được các đặc điểm về các chủ thể, kênh, công chúng... trong hoạt động truyền thông quốc tế. Tìm hiểu thực trạng truyền thông quốc tế ở một số quốc gia, một số tổ chức quốc tế... trên thế giới.	3,0 (1,5:1,5)	
40.	<b>QT02607</b>	Thông tin đối ngoại Việt Nam	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về Thông tin đối ngoại Việt Nam như Quan điểm đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về Thông tin đối ngoại; Nội dung, đối tượng, Phương châm, lực lượng... làm công tác thông tin đối ngoại; Các đối tượng tác động của Thông tin đối ngoại Việt nam; Vai trò và cách thức sử dụng các loại hình báo chí, truyền thông trong thông tin đối ngoại... Hình thức học tập lý thuyết gắn với thực hành tổ chức hoạt động thông tin đối ngoại, tăng cường rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên.	3,0 (1,5:1,5)	
41.	<b>QT03611</b>	Lý luận báo chí quốc tế	Gồm những nội dung cơ bản và hệ thống về những khái niệm và cơ sở lý luận báo chí, hệ thống cơ bản về lý luận báo chí và truyền thông quốc tế; các nguyên tắc hoạt động báo chí, về các quy trình, phương tiện, hình thức hoạt động và chức năng báo chí, của truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
42.	<b>QT03612</b>	Thông tấn báo chí đối ngoại	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về cách viết các thể loại thông tấn báo chí (tin, phỏng vấn, bài thông tấn, phóng sự... đặc biệt là các tin, bài đối ngoại); những kỹ năng cơ bản và phương pháp làm tin, viết bài (phóng sự, phỏng vấn, điều tra v.v..) đặc biệt trong lĩnh vực thông tin đối ngoại.	3,0 (1,5:1,5)	
43.	<b>QT03613</b>	Chính luận báo chí đối ngoại	Môn học gồm những kiến thức cơ bản trong cách viết các thể loại thông tấn báo chí (tin, phỏng vấn, bài thông tấn, phóng sự... đặc biệt là các tin, bài đối ngoại). Giới thiệu cho sinh viên những kỹ năng cơ bản và phương pháp làm tin, viết bài (phóng sự, phỏng vấn, điều tra v.v..). Tạo cho sinh viên lối tư duy làm báo hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực thông tin đối ngoại. Thực hành sáng tạo tác phẩm thuộc các thể loại cơ bản: Tin tức, phỏng vấn, phóng sự. Tiếp cận và sáng tạo tác phẩm báo chí có yếu tố nước ngoài; những kiến thức cơ bản về nhóm thể loại chính luận báo chí; các kỹ năng sáng tạo tác phẩm chính luận và sử dụng kỹ năng trong hoạt động báo chí đối ngoại. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ ứng dụng các kỹ năng sáng tạo loại tác phẩm	3,0 (2,0:2,0)	

			chính luận, thực hành tổ chức sáng tạo tác phẩm bình luận, đàm luận, sử dụng studio sáng tạo tác phẩm chính luận báo chí đối ngoại. Rèn luyện tổ chức sản xuất một chương trình báo chí chính luận đối ngoại.		
44.	QT02611	Nghệ thuật phát ngôn đối ngoại	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về phát ngôn đối ngoại, khái niệm, chủ thể, tính chất, các hình thức của phát ngôn đối ngoại; cách thức chuẩn bị và xây dựng nội dung một bài phát ngôn đối ngoại; kỹ năng thực hiện phát ngôn đối ngoại: phát ngôn trong họp báo đối ngoại, phát ngôn và trả lời phỏng vấn các thể loại báo chí đối ngoại; xử lý tình huống trong phát ngôn đối ngoại	3,0 (2,0:2,0)	
45.	QT02612	Thực tế chính trị - xã hội	Học phần tổ chức cho sinh viên tiếp cận tình hình chính trị - xã hội và hoạt động của hệ thống chính trị ở trung ương và địa phương.	2,0 (0,5:1,5)	
46.	QT02613	Kiến tập nghề nghiệp	Môn học bao gồm việc liên hệ, làm công tác chuẩn bị các thủ tục giấy tờ và đến các cơ quan đơn vị làm việc chuyên môn trong lĩnh vực truyền thông quốc tế để tìm hiểu thực tế hoạt động nghề nghiệp.	2,0 (0,5:1,5)	
<b>Tự chọn</b>				6/18	
47.	QT02614	Giao tiếp và đàm phán quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản về giao tiếp và đàm phán quốc tế; khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc, hình thức của giao tiếp và đàm phán quốc tế; các kỹ năng của giao tiếp quốc tế: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hóa, các nghi thức giao tiếp, kỹ năng nói trong giao tiếp quốc tế; quy trình và kỹ năng đàm phán quốc tế.	3,0 (1,5:1,5)	
48.	QT02615	Lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại Việt Nam	Môn học bao gồm những kiến thức khái quát và cơ bản nhất về lịch sử ngoại giao Việt Nam từ thời kỳ dựng nước cho đến nay, đồng thời gồm những kiến thức hệ thống, chuyên sâu về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử (từ năm 1945 đến nay).	3,0 (1,5:1,5)	
49.	QT02551	Lịch sử quan hệ quốc tế	Bao gồm những nội dung cơ bản là: những diễn biến quan trọng trong lịch sử quan hệ quốc tế và quan hệ đối ngoại giữa các quốc gia, các dân tộc theo từng phân khúc lịch sử đặc biệt nhấn mạnh đến quan hệ quốc tế trên thế giới, khu vực giữa các nước lớn, có thực tiễn quan hệ quốc tế của Việt Nam	3,0 (1,5:1,5)	
50.	QT02616	Luật pháp	Môn học gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về luật pháp quốc tế và một số	3,0	

		quốc tế	lĩnh vực của tư pháp quốc tế: Lịch sử phát triển, khái niệm, nguyên tắc cơ bản, cấu trúc nguồn, mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia; Khái niệm, cấu trúc nguồn, chủ thể của tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật và vấn đề áp dụng luật nước ngoài; Những vấn đề pháp lý của luật pháp quốc tế như ngoại giao, lãnh sự, điều ước quốc tế, biên giới lãnh thổ, dân cư, luật hình sự quốc tế.	(1,5:1,5)	
51.	QT02617	Chính sách đối ngoại một số nước trên thế giới	Học phần gồm những tri thức cơ bản, hệ thống về chính sách đối ngoại một số nước trên thế giới và quan hệ của những nước đó với Việt Nam: cơ sở lý luận về chính sách đối ngoại, kiến thức về quá trình phát triển, nội dung chính sách đối ngoại của Hợp chủng quốc Hoa kỳ, Cộng hoà nhân dân Trung hoa, Liên bang Nga, Cộng hoà Pháp, Vương quốc Anh, Liên bang Đức, Nhật bản, Cộng hoà Ấn Độ và của các nước ASEAN, đặc điểm, triển vọng quan hệ giữa các nước nêu trên với Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
52.	QT02618	Những vấn đề toàn cầu	Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản và hệ thống trên ba phương diện chính: thực trạng, nguyên nhân và các giải pháp cho một số vấn đề toàn cầu như: chiến tranh - hòa bình, khủng bố và tội phạm quốc tế, ô nhiễm môi trường, dân số thế giới, dịch bệnh, đói nghèo.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>9</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>6</b>	
53.	QT02619	Tiếng Anh chuyên ngành (1)	Môn học gồm những nội dung cơ bản liên quan đến lý thuyết (nghe, nói, đọc, viết) về các chủ đề liên quan đến truyền thông quốc tế, bước đầu rèn các kỹ năng trên ở mức độ hiểu được nội dung, đồng thời môn học sẽ gồm hệ thống các bài tập bao hàm các nội dung chuyên ngành truyền thông quốc tế: như đọc hiểu, nghe hiểu, nói và viết những tin bài quốc tế	3,0 (1,5:1,5)	
54.	QT02620	Tiếng Anh chuyên ngành (2)	Môn học gồm các tri thức cơ bản về lý thuyết và thực hành tiếng Anh ở mức độ chuyên ngành hơn, các dạng bài tập với các thuật ngữ chuyên sâu về truyền thông quốc tế, hệ thống bài tập gồm đủ các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết về các vấn đề quốc tế thông qua các tác phẩm trên phương tiện truyền thông đại chúng.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>Tự chọn</b>				<b>3/9</b>	
55.	QT02621	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	Môn học gồm các nội dung chính liên quan đến việc học lý thuyết và rèn kỹ năng cơ bản của Tiếng Anh chuyên ngành 1 và 2, nhưng tất cả các kỹ năng được nâng cao để đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình tiếng Anh dành cho sinh viên ngành truyền thông quốc tế. Bước đầu sinh viên làm quen với kỹ năng dịch thuật Việt-	3,0 (1,5:1,5)	

			Anh và Anh-Việt.		
56.	QT02622	Tiếng Anh giao tiếp đối ngoại	Học phần gồm kỹ năng giao tiếp ứng dụng trong các công việc liên quan tới công tác đối ngoại và quan hệ quốc tế của các cơ quan, đoàn thể và tổ chức, rèn các kỹ năng đọc, viết các văn bản báo chí và tài liệu nghiên cứu về các chủ đề khác nhau và những kỹ năng giao tiếp nâng cao của nghiệp vụ đối ngoại như kỹ năng lựa chọn từ ngữ, kỹ năng đảo cấu trúc, kỹ năng xử lý danh từ riêng, kỹ năng giải nghĩa...	3,0 (1,5:1,5)	
57.	QT02623	Biên phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành	Môn học gồm các tri thức về những lý thuyết, nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng biên phiên dịch trong tiếng Anh ngành quan hệ quốc tế, thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, các bài tập rèn kỹ năng dịch Việt – Anh, Anh – Việt và từ vựng chuyên ngành ở mức độ cao – các bài báo phân tích chuyên sâu về chuyên ngành, nghe dịch các tin tức trên các đài quốc tế như CNN, BBC...	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>31</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>15</b>	
58.	QT03624	Các loại hình truyền thông quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về từng loại hình báo chí truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống báo chí truyền thông. Phân tích được quy trình sáng tạo tác phẩm của từng loại hình, (đề tài, phương pháp sáng tạo, các nhóm thể loại, một số phong cách nhà báo), xu hướng phát triển, nắm được các đặc điểm về công chúng, hoạt động tòa soạn, đội ngũ thực hiện tác phẩm của từng loại hình truyền thông quốc tế.	3,0 (1,5:1,5)	
59.	QT03625	Quản trị truyền thông quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về kỹ năng sáng tạo và quản trị sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực truyền thông nghe nhìn (điện ảnh, truyền hình, quảng cáo, v...v...). Năng lực quản trị kinh doanh sản phẩm truyền thông như nghiên cứu thị hiếu khán thính giả, lập kế hoạch truyền thông, marketing và triển khai hiệu quả kế hoạch. Kỹ năng giao tiếp, trình bày đa phương tiện, quản lý dự án, quản trị các nguồn lực.	3,0 (1,5:1,5)	
60.	QT03626	Lao động nhà báo quốc tế	Môn học gồm những tri thức cơ bản, có hệ thống về các thao tác nghề nghiệp của nhà báo đối ngoại, nắm vững vai trò, vị trí, công việc của một nhà báo đối ngoại, trên cơ sở đó góp phần nâng cao sự hiểu biết về quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, về công việc của nhà báo, nghề làm báo. Đặc biệt là làm báo đối ngoại góp phần sử dụng tốt	3,0 (1,5:1,5)	

			vai trò của báo chí trong hoạt động thông tin đối ngoại, phục vụ tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước về thông tin đối ngoại. Rèn luyện các kỹ năng sáng tạo tác phẩm, thông qua việc thực hành các phương pháp khai thác thu thập thông tin báo chí.		
61.	QT03627	Quản lý báo chí đối ngoại Việt Nam	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước Việt Nam về báo chí đối ngoại, chủ thể, nội dung, nguyên tắc quản lý báo chí đối ngoại, quản lý báo chí trên thế giới, những vấn đề đặt ra trong hoạt động quản lý báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay. Ứng dụng các nguyên tắc quản lý trong hoạt động báo chí đối ngoại để quản lý cơ quan báo chí đối ngoại, quản lý phóng viên thường trú.	3,0 (1,5:1,5)	
62.	QT03628	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế	Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản, có hệ thống về cách thức và quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế nhấn mạnh các kỹ năng nghề nghiệp về quá trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế, các tri thức về các khâu trong quy trình tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí, truyền thông quốc tế thuộc các loại hình khác nhau (tạp chí, báo, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình...), các kỹ năng về vai trò phóng viên, biên tập viên, tổ chức sản xuất...trong quá trình xuất bản sản phẩm.	3,0 (1,5:1,5)	
63.	QT03610	Thực tập tốt nghiệp	Môn học bao gồm việc liên hệ, làm công tác chuẩn bị các thủ tục giấy tờ và đến các cơ quan đơn vị làm việc chuyên môn trong lĩnh vực truyền thông quốc tế để vận dụng những kiến thức và kỹ năng được học vào thực tế nghề nghiệp.	4,0	
64.	QT04028	Khóa luận	Khóa luận tốt nghiệp là một bài tập lớn – một công trình nghiên cứu khoa học cá nhân của người học về một trong những nội dung cơ bản của ngành Truyền thông quốc tế	6,0	
<b>Học phân thay thế khóa luận</b>				6	
65.	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	Học phần gồm những tri thức cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và hoạt động thông tin đối ngoại, những nội dung cơ bản của đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về thông tin đối ngoại, các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thực hành truyền thông quốc tế, các lý thuyết truyền thông quốc tế gắn với thực tế hiện nay trên thế giới.	3,0 (1,5:1,5)	
66.	QT03630	Xây dựng hình ảnh	Môn học gồm các nội dung kiến thức cơ bản như khái niệm và đặc điểm về thương hiệu và hình ảnh quốc gia, của thị trường, công chúng truyền thông; khái niệm, cách	3,0 (1,5:1,5)	

		và thương hiệu quốc tế	thức định vị thương hiệu, thương hiệu quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh giữa các quốc gia hiện nay; vấn đề truyền thông thương hiệu và hình ảnh quốc gia trong quan hệ quốc tế; các kỹ năng xây dựng hình ảnh, thương hiệu quốc gia, kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.		
<b>Tự chọn</b>				6/18	
67.	QT03631	Tổ chức hoạt động đối ngoại	Môn học gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục tiêu, vai trò và các hình thức tổ chức hoạt động đối ngoại; quy trình tổ chức hoạt động đối ngoại; tổ chức tổ chức chuyến đi, tổ chức họp báo đối ngoại; tổ chức triển lãm, tuần lễ, ngày lễ văn hóa; những điển hình trong tổ chức hoạt động đối ngoại.	3,0 (1,5:1,5)	
68.	QT03632	Nghiệp vụ ngoại giao và văn phòng đối ngoại	Môn học bao gồm những nội dung cơ bản và hệ thống về ngoại giao, nghiệp vụ ngoại giao và nghiệp vụ hành chính tại các văn phòng đối ngoại như khái quát về ngoại giao, cơ cấu tổ chức ngành ngoại giao; ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; tiếp xúc và đàm phán ngoại giao; công văn, văn kiện ngoại giao và một số nghiệp vụ về lễ tân ngoại giao và hành chính.	3,0 (1,5:1,5)	
69.	QT03633	Kỹ thuật nghiệp vụ báo chí đối ngoại	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về cách thức sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong quá trình tác nghiệp của nhà báo, của cơ quan báo chí (đặc biệt đối với phóng viên thường trú, tác nghiệp ở nước ngoài); nắm vững nguyên tắc và sử dụng thành thạo các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí đối ngoại. Hình thức học tập lý thuyết gắn với thực hành, tăng cường rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên.	3,0 (1,5:1,5)	
70.	QT03634	Kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông	Bao gồm những nội dung cơ bản về sử dụng các loại hình truyền thông truyền thống như sách, báo, tuyên truyền pano áp phích và các loại hình truyền thông mới như mạng xã hội, internet... cách thức sử dụng các loại hình truyền thông hiện đang có những tác động, ảnh hưởng của phương tiện truyền thông mới như điện ảnh, phim tài liệu, sân khấu truyền hình... Sinh viên rèn các kỹ năng khai thác đặc trưng loại hình trong truyền thông quốc tế và thông tin đối ngoại Việt Nam, xây dựng các dự án đề xuất sử dụng các loại hình truyền thông hiện nay.	3,0 (1,5:1,5)	
71.	QT03635	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	Môn học gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về thông tin: Khái niệm, vai trò của thu thập, xử lý thông tin; Đối tượng, phương pháp, phạm vi môn học; Các phương pháp thu thập thông tin; Các kỹ năng xử lý thông tin; Phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong một số lĩnh vực cụ thể: Kỹ năng thu thập, xử lý thông	3,0 (1,5:1,5)	

		quốc tế	tin trong phân tích chính sách; Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin trong phân tích sự kiện; Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin trong phân tích vấn đề quan hệ quốc tế.		
72.	QT03636	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá	Những kiến thức cơ bản về văn hoá và bản sắc văn hoá; các mô hình tiếp xúc văn hoá và tiếp xúc ngôn ngữ; cộng sinh văn hoá và xung đột văn hoá; tính đa văn hoá và giao tiếp đa văn hoá ở Việt Nam; giao tiếp liên văn hoá trong thời đại toàn cầu hoá.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>Tổng toàn khóa</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																																					
		Kiến thức																			Kỹ năng					Năng lực tự chủ													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30								
1	TM01012	1																																1				1	
2	KT01011	1																																		1			1
3	CN01002	1																																			1		1
4	LS01002	1																																			1		1
5	TH01001	1																																			1		1
6	NP01001	1	1																																		1		1
7	CT01001	1	1																																		1		1
8	XĐ01001	1																																			1		1
9	TG01004	1		1																																	1		1
10	QT01001		1																																		1		1
11	QT02552		1																																		1		1
12	XH01001		1																																		1		1
13	ĐC01001		1																																		1		1
14	KT01006		1																																		1		1
15	TT01002		1																																		1		1
16	ĐC01006		2																																		1		1







10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Số tín chỉ	Loại học phần	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
1.	TM01012	3	BB	x								
2.	KT01011	2	BB	x								
3.	CN01002	2	BB		x							
4.	LS01002	2	BB			x						
5.	TH01001	2	BB		x							
6.	NP01001	3	BB				x					
7.	CT01001	2	BB	x								
8.	XD01001	2	BB						x			
9.	TG01004	2	BB				x					
10.	QT01001	2	TC		x							
11.	QT02552	2	TC		x							
12.	XH01001	2	TC		x							
13.	ĐC01001	2	TC		x							
14.	KT01006	2	TC		x							
15.	TT01002	2	TC		x							
16.	ĐC01006	2	TC		x							
17.	TG01007	2	TC		x							
18.	ĐC01004	2	TC		x							
19.	TT01001	2	TC		x							
20.	ĐC01005	3	BB				x					
21.	NN01015	4	BB	x								
22.	NN01016	4	BB		x							
23.	NN01017	4	BB			x						
24.	NN01023	3	BB				x					
25.	NN01019	4	BB	x								
26.	NN01020	4	BB		x							
27.	NN01021	4	BB			x						
28.	NN01024	3	BB				x					
29.	BC02801	3	BB			x						
30.	PY02306	3	BB					x				
31.	BC02115	3	BB				x					
32.	QQ02101	3	BB	x								
33.	QT02601	3	TC			x						
34.	QT02602	3	TC			x						
35.	QT02603	3	TC			x						
36.	QQ01004	3	TC			x						
37.	QT02604	3	TC			x						
38.	QT02605	3	TC			x						
39.	QT02606	3	BB	x								

40.	QT02607	3	BB		x							
41.	QT03611	3	BB				x					
42.	QT03612	3	BB						x			
43.	QT03613	3	BB							x		
44.	QT02611	3	BB						x			
45.	QT02612	2	BB			x						
46.	QT02613	3	BB						x			
47.	QT02614	3	TC					x				
48.	QT02615	3	TC					x				
49.	QT02551	3	TC					x				
50.	QT02616	3	TC					x				
51.	QT02617	3	TC					x				
52.	QT02618	3	TC					x				
53.	QT02619	3	BB					x				
54.	QT02620	3	BB						x			
55.	QT02621	3	TC							x		
56.	QT02622	3	TC							x		
57.	QT02623	3	TC							x		
58.	QT03624	3	BB					x				
59.	QT03625	3	BB						x			
60.	QT03626	3	BB					x				
61.	QT03627	3	BB							x		
62.	QT03628	3	BB							x		
63.	QT03610	3	BB								x	
64.	QT04028	6										x
65.	QT03629	3	BB									x
66.	QT03630	3	BB									x
67.	QT03631	3	TC							x		
68.	QT03632	3	TC							x		
69.	QT03633	3	TC							x		
70.	QT03634	3	TC							x		
71.	QT03635	3	TC							x		
72.	QT03636	3	TC							x		
	<b>TỔNG</b>	<b>130</b>			<b>17</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>9</b>

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

### + Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với ngành truyền thông quốc tế cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ *Môn Lao động nhà báo quốc tế, Thông tấn báo chí đối ngoại, Chính luận báo chí đối ngoại, Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại, Kỹ thuật nghiệp vụ báo chí đối ngoại*: cần các thiết bị như máy ảnh, máy quay phim, studio phát thanh và studio truyền hình và các thiết bị chuyên dụng...

+ *Môn Tổ chức hoạt động đối ngoại*: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện một chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ *Học phần Thực tập tốt nghiệp*: để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là đối ngoại và hợp tác quốc tế, có thể tổ chức cho sinh viên đi kiến tập ở nước ngoài. Thông qua các kỳ thực tập này, sinh viên sẽ được quan sát, có trải nghiệm thực tế về cách thức tổ chức một chuyến đi thăm và làm việc với các cơ quan ở nước ngoài (như Đại sứ quán, các cơ quan báo chí truyền thông nước sở tại, các văn phòng đại diện báo chí của Việt Nam ở nước ngoài, quốc hội, trường đại học có cùng chuyên ngành ở nước ngoài...). Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên khi tham dự chuyến đi.

#### + *Về đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 02 Tiến sỹ, 03 Nghiên cứu sinh, 4 Thạc sỹ Báo chí học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông quốc tế được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà báo giỏi, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền thông, quan hệ quốc tế và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### + *Về Thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học,

phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình**

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.



**Trương Ngọc Nam**

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quan hệ công chúng

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quan hệ công chúng;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quan hệ công chúng.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quan hệ công chúng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Trương Ngọc Nam**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày <sup>26</sup> tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : **Cử nhân Quan hệ công chúng**  
Tên chương trình : **Quan hệ công chúng chuyên nghiệp**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Quan hệ công chúng**  
Mã số : **7320108**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo đội ngũ chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành Quan hệ công chúng, khả năng thực hiện công tác Quan hệ công chúng trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về kiến thức:**

- Người học được trang bị kiến thức chung, cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng, người học được trang bị những kiến thức chuyên ngành như sau:

- Nắm vững bản chất của Quan hệ công chúng: Khái niệm, sự hình thành và phát triển của Quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam, vai trò của nó trong đời sống xã hội, các nguyên tắc hoạt động của Quan hệ công chúng;

- Hiểu rõ nhiệm vụ của cán bộ Quan hệ công chúng trong các tổ chức, cơ quan và công ty;

- Có tri thức vững vàng về các phương tiện truyền thông đại chúng và biết cách tận dụng các phương tiện này trong quá trình quan hệ công chúng.

**1.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng cứng:

+ Nắm vững kỹ năng xây dựng quan hệ giữa những cá nhân và tổ chức với các nhóm công chúng, mở rộng, duy trì và phát triển quan hệ với giới truyền thông; lập ra các kế hoạch truyền thông; xử lý thông tin trong khủng hoảng;



+ Có kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông như triển lãm, gây quỹ, tài trợ, họp báo;

+ Có kỹ năng viết và biên tập và xuất bản các thông cáo báo chí và các sản phẩm truyền thông khác dưới hình thức in ấn, phát thanh, truyền hình và qua mạng điện tử.

- Kỹ năng mềm:

+ Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

+ Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

+ Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

*1.2.3. Về phẩm chất chính trị, đạo đức:*

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Có đạo đức tác phong của người cán bộ cách mạng, ý thức kỷ luật tốt, tinh thần trách nhiệm cao, say mê nghề nghiệp và có mối quan hệ chặt chẽ gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

- Được đào tạo cơ bản, hệ thống về Quan hệ công chúng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Có tri thức khoa học, đặc biệt là tri thức chuyên sâu về Quan hệ công chúng, đồng thời am hiểu rộng các khoa học có liên quan, đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ theo mục tiêu tổng quát đã nêu.

*1.3. Vị trí công tác sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Làm việc tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

- Làm truyền thông, PR, Marketing cho tất cả các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.

- Có năng lực nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy và hoạt động thực tiễn.

- Có khả năng tham gia vào hoạt động tư tưởng của Đảng và các nhiệm vụ chính trị - xã hội của Đảng và Nhà nước.

*1.4. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh B2 khung châu Âu (tương đương 600 điểm TOEIC hoặc 550 điểm TOEFL hoặc 5.5 điểm IELTS).

*1.5. Trình độ Tin học*

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

**2. Căn cứ xây dựng chương trình**

**2.1. Căn cứ thực tiễn**

*2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

- Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2017

- Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, PR và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2016

### 2.1.2. Kết quả khảo sát

#### \* Khảo sát nhu cầu xã hội

Hình thức khảo sát bằng phiếu điều tra và phỏng vấn vào tháng 6/2017 với đối tượng khảo sát gồm: (1) Đơn vị sử dụng lao động (05): Các đơn vị tuyển dụng có sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng của Khoa QHCC và QC bao gồm 4 doanh nghiệp và 1 cơ quan nhà nước. (2) Chuyên gia (trên 20): Các giám đốc truyền thông của các tập đoàn đầu ngành, các học giả, nhà khoa học nghiên cứu truyền thông nói chung và chuyên ngành Quan hệ công chúng nói riêng, các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực Quan hệ công chúng (3) Cựu sinh viên, người học (trên 30): thuộc 7 khoá học, đảm nhiệm các công việc liên quan đến chuyên ngành Quan hệ công chúng của tại các doanh nghiệp và các cơ quan truyền thông.

Kết quả khảo sát liên quan đến nhu cầu nhân lực đào tạo như sau: (1) Kết quả khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng chương trình cử nhân Quan hệ công chúng, đa số ý kiến các chuyên gia cho rằng chương trình đã trang bị những kiến thức tổng quát về quan hệ công chúng cho người học. Tuy nhiên cần bổ sung khối kiến thức hỗ trợ về marketing, thương hiệu và chú trọng các môn học mang tính thực hành cao. (2) Theo ý kiến của các chuyên gia trong ngành nhìn chung chương trình đào tạo chương trình cử nhân chuyên ngành Quan hệ công chúng đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của thị trường lao động. Tuy nhiên, để cập nhật kịp thời với thực tiễn Khoa cần xem xét và điều chỉnh một số vấn đề cụ thể như: tăng cường khối kiến thức giảng dạy về marketing, quản trị kinh doanh, sáng tạo nội dung, các môn thực hành, nghiên cứu các xu hướng phát triển công nghệ... (3) Hầu hết các sinh viên tốt nghiệp ra trường đều làm việc toàn thời gian. Có 92% sinh viên ra trường hiện đang làm việc, 8% lựa chọn học tiếp. Trong số các sinh viên ra trường làm việc thì có tới 61% sinh viên làm việc trong công ty tư nhân liên quan tới ngành Quan hệ công chúng, 15% sinh viên ra trường làm trong công ty nhà nước về lĩnh vực truyền thông, 13% sinh viên ra trường làm tại công ty liên doanh nước ngoài và 11% sinh viên đang làm việc tự do tại các công ty liên quan đến truyền thông.

\* Khảo sát chất lượng đào tạo với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

### 2.2. Các căn cứ pháp lý

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CDR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CDR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông, bao gồm lịch sử, văn hóa, tâm lý và mạng xã hội.

**CDR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CĐR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng.

*Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận quan hệ công chúng, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực truyền thông.

**CĐR 10.** Xác định được các công việc, yêu cầu trong lao động, nguyên tắc hoạt động của người làm quan hệ công chúng chuyên nghiệp.

**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình truyền thông trong tổ chức: quan hệ công chúng, quảng cáo, marketing, tuyên truyền, dân vận.

**CĐR 12.** Hiểu và có khả năng phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh như chính trị xã hội, văn hóa bản địa... đối với các sản phẩm và chiến dịch quan hệ công chúng.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo, thực hành quan hệ công chúng theo từng lĩnh vực.

*Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Xây dựng, vận hành được các chiến lược quan hệ công chúng đa dạng, phù hợp, hiệu quả, đồng thời biết cách đánh giá hiệu quả của các chiến lược để đưa ra được những điều chỉnh phù hợp.

**CĐR 15.** Nắm vững và áp dụng được nhuần nhuyễn những bước trong quá trình xây dựng kế hoạch quan hệ công chúng. Đồng thời xây dựng được hệ thống thu thập và phân tích thông tin chuyên nghiệp.

**CĐR 16.** Phân tích và vận dụng phù hợp, sáng tạo các phương tiện truyền thông, đặc biệt liên tục cập nhật những tiến bộ trong công nghệ và những thay đổi về xu hướng truyền thông để đưa ra những chiến lược quan hệ công chúng phù hợp.

**3.2. Về kỹ năng**

*Kỹ năng chung*

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ cơ thể và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Quan hệ công chúng*

**CĐR 22.** Kỹ năng thu thập, thẩm định, chọn lọc, phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau, phân tích nội dung văn bản; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn truyền thông – quan hệ công chúng.

**CĐR 23.** Kỹ năng phân tích và sáng tạo các chiến lược quan hệ công chúng phù hợp với từng thể loại và đối tượng, bao gồm: nghiên cứu công chúng, sáng tạo thông điệp, lựa chọn phương tiện và cách thức truyền thông hiệu quả.

**CĐR 24.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án quan hệ công chúng.

**CĐR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và thiết kế các sản phẩm quan hệ công chúng.

**CĐR 26.** Kỹ năng tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động quan hệ công chúng trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp.

**CĐR 27.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả truyền thông khi thực hiện các hoạt động, kế hoạch quan hệ công chúng.

**CĐR 28.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan hệ công chúng - truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CĐR 30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành quan hệ công chúng - truyền thông.

**CĐR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

#### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành quan hệ công chúng nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

#### **9. Nội dung chương trình**

##### **9.1. Cấu trúc chương trình**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	6
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30

			dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
<b>6</b>	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
<b>7</b>	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
<b>8</b>	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>9</b>	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				<b>6/18</b>	
<b>10</b>	<b>XH01001</b>	Xã hội học	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ	<b>2,0</b>	

		đại cương	môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	(1,5;0,5)	
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	2,0 (1,5;0,5)	
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5;0,5)	
13	KT01006	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5;0,5)	
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5;0,5)	
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5;0,5)	
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu	2,0 (1,5;0,5)	



			quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.		
17	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
18	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
1.3. Tin học				3,0	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)				15/30	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp(Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ	4,0 (2,0:2,0)	

			vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiên trung cấp và trung cấp.		
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện... Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiên trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	

27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				12	
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3,0 (1,5:1,5)	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông; khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:2,5)	
31	QQ02101	Quan hệ	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công	3,0	

		công chúng và quảng cáo	chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	(1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32	QQ02601	Các phương tiện truyền thông	Trang bị những kiến thức căn bản về báo chí học như: nhà báo, tác phẩm báo chí, đặc trưng loại hình phương tiện (truyền hình – phát thanh, báo in, báo mạng), cơ chế tác động báo chí, vài hướng nghiên cứu về công chúng. Môn học hướng đến việc giúp người học tự đưa ra quan điểm cá nhân trước bất kỳ sự việc, hiện tượng, vấn đề nào nảy sinh trong cuộc sống, và sắp xếp, trình bày nó một cách logic, có sức thuyết phục. Kết hợp với các yếu tố về phương pháp tư duy sáng tạo tác phẩm báo chí, đặc trưng của từng loại hình phương tiện người học có thể rèn luyện kỹ năng tự sáng tạo tác phẩm của riêng mình.	3,0 (2,0:1,0)	
33	QQ02504	Truyền thông mạng xã hội	Trang bị các kiến thức và kỹ năng truyền thông trên mạng xã hội bao gồm những hiểu biết về mạng xã hội, các thể loại mạng xã hội, công chúng trên mạng xã hội, hành vi tiếp nhận truyền thông của công chúng trên mạng xã hội, đặc tính truyền thông trên mạng xã hội, các cách thức, chiến lược, nội dung truyền thông thực hiện trên mạng xã hội, những vấn đề về xu hướng truyền thông trên mạng XH như truyền thông kể chuyện, viral, truyền thông tương tác. Các vấn đề khủng hoảng truyền thông trên mạng xã hội, cách thức xử lý. Các vấn đề đạo đức của người làm truyền thông. Các năng lực, kỹ năng xử lý thông tin trên mạng xã hội, năng lực, kỹ năng phát hiện tin giả, năng lực chọn lọc thông tin, các năng lực về an toàn và an ninh mạng cho người sử dụng.	3,0 (2,0:1,0)	
34	QQ02602	Kinh tế truyền thông	Trang bị những kiến thức về những hoạt động kinh tế đặc thù trong lĩnh vực báo chí, truyền thông; tầm quan trọng của kinh tế truyền thông trong thời kỳ công nghệ thông tin đang diễn ra trên thế giới cũng như ở Việt Nam; cung cấp khung lý thuyết để đi sâu phân tích thực tế kinh tế ở trong mỗi lĩnh vực truyền thông cụ thể; Giúp sinh	3,0 (2,0:1,0)	

			viên hiểu biết về các hệ thống sở hữu, tài chính, quy định và phát triển chương trình truyền thông trên thế giới; có tư duy tích cực và có kỹ năng đánh giá đúng đắn các vấn đề quan trọng hiện nay trong lĩnh vực kinh tế truyền thông.		
35	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về sự vận hành và các quy luật của kinh tế thị trường, khái quát cách tiếp cận về văn hóa, các loại hình đạo đức, nắm vững kiến thức chuyên ngành về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (VHDN). Trên cơ sở nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của lý luận về đạo đức kinh doanh và VHDN, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nghiên cứu đặc thù của việc xây dựng và phát triển VHDN tại Việt Nam, trong các cơ quan báo chí – truyền thông và kinh doanh truyền thông. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR, QC và VHDN.	3,0 (2,0:1,0)	
36	QQ02604	Tác động quảng cáo trong xã hội	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về mối quan hệ giữa quảng cáo và các vấn đề xã hội, tác động của quảng cáo đối với sự phát triển của đời sống văn hóa, xã hội. Môn học cũng rèn luyện cho học viên những kỹ năng phân tích, đánh giá các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của quảng cáo đối với xã hội để từ đó người học nhận diện được vai trò của quảng cáo trong xã hội và trở thành những nhà thực hành nghề có đạo đức và trách nhiệm.	3,0 (2,0:1,0)	
37	QQ02605	Quan hệ báo chí	Trang bị kiến thức đặc thù về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR và báo chí; cũng các nguyên tắc cần thiết trong quan hệ báo chí. Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay và mối quan hệ qua lại giữa báo chí và PR. Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học được trang bị những kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ với báo chí của một người làm PR, truyền thông tại Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>26</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>20</b>	
38	QQ03459	Nhập môn quan hệ công chúng	Trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động	3,0 (1,5:1,5)	

			quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, những kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.		
39	QQ02453	Nhập môn Marketing	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết Marketing, những quy trình nghiên cứu trong marketing, lý thuyết về thương hiệu, chiến lược, 4P trong marketing và định vị thương hiệu. Trên cơ sở đó, người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn kinh doanh trên thương trường, biết cách lập một chiến lược marketing căn bản.	3,0 (2,0:1,0)	
40	QQ02456	Ngôn ngữ truyền thông	Trang bị những kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ truyền thông đại chúng nhằm vận dụng đúng đặc trưng ngôn ngữ của từng loại hình, phương tiện truyền thông là báo in, báo ảnh, báo phát thanh, truyền hình, báo điện tử, ngôn ngữ quảng cáo. Trên cơ sở đó, người học rèn luyện kỹ năng xác định hành vi ngôn ngữ đúng đắn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh, thể loại báo chí và đối tượng truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
41	QQ03477	Hành vi khách hàng	Trang bị những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng, quy trình ra quyết định mua, tâm lý học ảnh hưởng đến quyết định mua và lựa chọn thương hiệu/sản phẩm, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, khả năng nghiên cứu hành vi khách hàng để phục vụ cho việc ra các quyết định marketing. Trên cơ sở đó, người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn kinh doanh trên thương trường.	3,0 (1,5:1,5)	39
42	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Trang bị kiến thức cơ bản về mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp; truyền thông tiếp thị tích hợp (những khái niệm, quy trình trong một chiến dịch IMC, các case studies...) bước đầu có thể vận dụng trong hoạt động PR, Quảng cáo, Marketing phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế xã hội và yêu cầu của nghề nghiệp. Trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá trong việc ứng dụng và tích hợp các công cụ truyền thông và marketing.	3,0 (1,5:1,5)	
43	QQ02608	Thực tế	Học phần nhằm giúp sinh viên thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực	2,0 (0,5:1,5)	

		chính trị - xã hội	tiên trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của hoạt động quan hệ công chúng		
44	QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp	Trang bị kỹ năng trải nghiệm công việc và học hỏi thêm những điều mới chưa được học trên lớp: trải nghiệm văn hóa làm việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, phát hiện điểm mạnh điểm yếu của bản thân, xây dựng các mối quan hệ...	3,0 (0,5:2,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
45	QQ02609	Truyền thông nội bộ	Trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, mô hình tổ chức bộ máy quản trị của các doanh nghiệp, công ty, các tổ chức, cơ quan nhà nước; tìm hiểu các hoạt động truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động truyền thông nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực truyền thông nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.	3,0 (1,5:1,5)	
46	QQ03472	Viết lời quảng cáo	Trang bị những kiến thức về khái niệm, mục đích, vai trò và các yêu cầu cơ bản của viết lời quảng cáo (copywriting); hiểu được những nguyên tắc của viết lời quảng cáo, nắm rõ quy trình và kế hoạch viết quảng cáo và biết cách so sánh các dạng sản phẩm viết quảng cáo. Rèn luyện các kỹ năng về viết lời quảng cáo, lập kế hoạch và so sánh để hoàn thiện sản phẩm.	3,0 (1,0:2,0)	
47	QQ02454	Nhập môn quảng cáo	Trang bị kiến thức chung về quảng cáo, cơ sở lý thuyết cho các hoạt động quảng cáo bao gồm khái niệm, loại hình và chiến lược quảng cáo, quy trình lập kế hoạch quảng cáo, cách tổ chức hoạt động quảng cáo, quy trình sáng tạo và sản xuất sản phẩm quảng cáo. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng về nghiên cứu, lập kế hoạch, tìm kiếm thông tin và thực hành lập chiến lược quảng cáo cơ bản.	3,0 (1,5:1,5)	
48	QQ02610	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, các vấn đề về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tầm chủ đề của môn học bao gồm mối quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội, tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhóm công chúng cùng những vấn đề phát sinh có liên quan, cơ sở lý thuyết về đạo đức doanh nghiệp, đạo đức	3,0 (1,5:1,5)	

			kinh doanh trong quản lý và lãnh đạo, cơ sở lý thuyết về trách nhiệm xã hội, mối quan hệ giữa môi trường và doanh nghiệp, các vấn đề của toàn cầu hóa và trách nhiệm của doanh nghiệp. Trang bị kỹ năng thực hành tìm hiểu và nghiên cứu các nhóm công chúng, so sánh sự khác biệt giữa việc xây dựng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với các nhóm này.		
49	QQ02611	Quan hệ công chúng ứng dụng	Trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, hoạt động của các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước và chính phủ, các cơ quan phi chính phủ phi lợi nhuận, tìm hiểu các hoạt động quan hệ công chúng (QHCC) trong 3 lĩnh vực này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết và kỹ năng về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức ba lĩnh vực: doanh nghiệp, chính phủ và phi chính phủ, nắm được hoạt động quan hệ công chúng của từng lĩnh vực này, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng từng lĩnh vực như: QHCC trong doanh nghiệp, QHCC trong các cơ quan chính phủ, QHCC trong các cơ quan phi chính phủ.	3,0 (1,5:1,5)	
50	QQ02612	Lập kế hoạch quan hệ công chúng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Lập kế hoạch quan hệ công chúng. Qua môn học, học viên được nghiên cứu các chiến lược quan hệ công chúng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Học viên cũng được thực hành các kỹ năng lập, thực hiện và đánh giá những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>12</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
51	QQ02613	Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn	Trang bị những kiến thức căn bản về phát ngôn trước công chúng, giúp người học rèn luyện sự tự tin, các bước cơ bản để xây dựng 1 bài diễn thuyết, khả năng tduy logic và ứng biến khéo léo, nhanh nhạy, phù hợp trong phát ngôn trước công chúng. Bên cạnh đó, cung cấp cho người học phương pháp chuẩn bị trước khi làm việc với giới truyền thông, kĩ năng ứng xử trước truyền thông và công chúng, kĩ năng diễn thuyết hiệu quả (sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ), kĩ năng quản lý khủng hoảng và đưa ra chiến lược xử lí khủng hoảng trực tiếp.	3,0 (1,5:1,5)	
52	QQ02614	Các	Trang bị kiến thức chuyên ngành quan hệ công chúng theo các chuyên	3,0 (1,5:1,5)	



		chuyên đề quan hệ công chúng	đề riêng biệt, mở rộng các kiến thức, tiếp cận các xu hướng mới xuất hiện trong ngành truyền thông, marketing và quan hệ công chúng. Sinh viên rèn luyện các kỹ năng khi gặp gỡ, giao lưu với những người thực hành nghề và góp phần giúp người học định hướng con đường nghề nghiệp trong các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành quan hệ công chúng.		
53	QQ02615	PR doanh nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản giúp phân biệt hoạt động PR doanh nghiệp với hoạt động PR của các tổ chức nhà nước, các tổ chức phi chính phủ; trang bị các kiến thức về vai trò, chức năng, các loại hình, mô hình và các hoạt động của PR doanh nghiệp. Trang bị các kiến thức về bối cảnh thị trường, sự vận hành, các quy luật của kinh tế thị trường, thực trạng và xu hướng của hoạt động PR doanh nghiệp, các kiến thức về ngành nghề, các kỹ năng, nguyên tắc và đạo đức hành nghề của nhân viên PR doanh nghiệp.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				3/9	
54	QQ03476	Chiến lược Marketing	Trang bị những kiến thức cơ bản về Chiến lược marketing: hoạch định chiến lược marketing trong các tổ chức. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả. Môn học giúp sinh viên có được khung cơ bản về quá trình quản trị hoạt động marketing và có khả năng vận dụng kiến thức đó để có kỹ năng xây dựng được một Bản Kế hoạch Chiến lược Marketing cho một tổ chức.	3,0 (1,5:1,5)	
55	QQ02616	Marketing kỹ thuật số	Trang bị những kiến thức cơ bản về những ứng dụng marketing mới trong môi trường công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển. Trong đó, môn học tập trung nghiên cứu về công nghệ và lịch sử mạng Internet, phân tích hành vi người tiêu dùng ( nội địa và quốc tế) trên mạng, mô hình kinh doanh, quảng cáo và truyền thông, thiết kế trang web, định giá, nghiên cứu marketing sử dụng mạng Internet; những công việc cụ thể của người làm marketing kỹ thuật số và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
56	QQ03478	Sản xuất quảng cáo	Trang bị những nguyên tắc và phong cách sản xuất các sản phẩm quảng cáo; tầm quan trọng của truyền thông hình ảnh, nghệ thuật âm	3,0 (1,0:2,0)	

			thanh và màu sắc trong quảng cáo. Sinh viên sẽ được ứng dụng những kiến thức về thiết kế, trình bày và quá trình lao động quảng cáo sáng tạo để rèn luyện kỹ năng sản xuất ra các sản phẩm quảng cáo trên phát thanh, truyền hình, Internet và các loại hình quảng cáo phong phú, đa dạng khác.		
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>30</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>17</b>	
57	QQ02617	Nghiên cứu và đánh giá quan hệ công chúng	Học phân nhằm phát triển tư duy, khả năng phân tích, đánh giá trong việc ứng dụng và tích hợp các công cụ nhằm nghiên cứu và đánh giá quan hệ công chúng. Thông qua học phần, sinh viên có thể xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp.	3,0 (1,5;1,5)	
58	QQ02618	Chiến dịch quảng bá	Trang bị những kiến thức về quy trình nghiên cứu, lập kế hoạch, cũng như phân tích đánh giá một chiến lược quảng cáo, quan hệ công chúng. Từ việc xây dựng triển khai các dự án sáng tạo, cho đến đây mạnh chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội, người học dần dần sẽ tiếp thu được kỹ năng từ nghiên cứu cho đến lên ý tưởng sáng tạo và sẽ hiểu được tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho quảng cáo và quan hệ công chúng.	3,0 (1,0;2,0)	
59	QQ02619	Viết cho PR	Trang bị những kiến thức, kỹ năng thực hành trong việc sử dụng báo chí như là một công cụ cơ bản của người hoạt động quan hệ công chúng. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng viết thông cáo báo chí, viết tin bài, khả năng sắp xếp và chuẩn bị các cuộc trả lời phỏng vấn, khả năng sản xuất các bộ tài thông tin, các tài liệu thông tin như ấn phẩm, băng hình giới thiệu, tờ rơi...nhằm phục vụ công việc truyền thông của cơ quan, tổ chức, cá nhân...	4,0 (1,5;2,5)	
60	QQ02620	Sản xuất video clips	Trang bị những kiến thức về phóng sự truyền hình: sự khác biệt giữa tin truyền hình và phóng sự truyền hình, cách thức xây dựng kịch bản phóng sự truyền hình chi tiết, cách thức đặt câu hỏi phỏng vấn nhân vật để hoàn thành ý tưởng. Môn học này hướng đến việc giúp người học có kỹ năng phát hiện vấn đề và biết cách và sắp xếp, trình bày một sản xuất video clip, trong đó có các clip tin tức và phóng sự một cách	4,0 (1,5;2,5)	

			logic, có sức thuyết phục với tính khách quan cao.		
61	QQ03466	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (1,0;2,0)	
62	QQ03481	Thực tập cuối khóa	Trang bị lý thuyết: Củng cố tất cả những kiến thức lý thuyết đã học trong chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng và Quảng cáo, có cơ hội áp dụng những lý thuyết đã học trên lớp vào thực tế công việc. Rèn luyện thực hành: Sinh viên có cơ hội trải nghiệm công việc và học hỏi thêm những điều mới chưa được học trên lớp.	4,0 (0,5;3,5)	
63	QQ04024	Khóa luận/ Sản phẩm tốt nghiệp/ Dự án tốt nghiệp	Hướng dẫn và định hướng cách nghiên cứu, đánh giá, phân tích và trình bày để có được kỹ năng hoàn thiện sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp tốt.	6,0 (0,5;5,5)	
<i>Học phân thay thế khoá luận/Sản phẩm tốt nghiệp</i>				6	
64	QQ03482	Quản trị thương hiệu	Trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả.	3,0 (1,0;2,0)	
65	QQ03465	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản lý vấn đề và quản lý khủng hoảng. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức về các vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội đang ảnh hưởng tới tổ chức, các lý thuyết về quản lý vấn đề và khủng hoảng, các quy trình xử lý khủng hoảng và phục hồi sau khủng hoảng.	3,0 (1,0;2,0)	







53	QQ02615						2	2		2	2		2				2		2		1		2		2	2			2			2	2				
54	QQ03476						2			1	1						2	2	1				2				2			2			2	2			
55	QQ02616						2	2			2						2				2					2							2	2			
56	QQ03478						2	2	2		2	2	2	2			2	2	2		2		2									2		2	2		
57	QQ02617				2	1			2	1			2		2	1	1	2					2	2						2			2		2		
58	QQ02618				2		1	2	2		2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	2			
59	QQ02619						2	2			1				2		2		2	1		2								2	2			2	1		
60	QQ02620						2		2			2			2	2					2						2				2	2		2	2		
61	QQ03466								2			2	1	2	2	2	2	2	2		2	1	2	2	1	2	2			2	2	2	2	2			
62	QQ03481								2			2					2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
63	QQ04024				2	2	2		2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
64	QQ03482						2		1	1	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	2						2			2		2	2	
65	QQ03465						2		1	1	2	2	1	2	1	2	2				2										2			2	2		
66	QQ03482						2		2			2			2	2					2									2		2	2		2	2	
67	QQ03465						2			1	1					2	2	1				2									2			2		2	2
68	QQ03482				2	2			2	2							2	1	1	1	1	1	2								1	2			2	2	

10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Học phần	Số TC	Phân bổ theo học kỳ							
			HK 1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
1.	TM01012	3		x						
2.	KT01011	2		x						
3.	CN01002	2	x							
4.	LS01001	2				x				
5.	TH01001	2	x							
6.	NP01001	3					x			
7.	CT01001	2	x							
8.	XD01001	2							x	
9.	TG01004	2	x							
10.	XH01001	2			x					
11.	QT02552	2				x				
12.	ĐC01001	2			x					
13.	KT01006	2						x		
14.	TT01002	2					x			
15.	ĐC01006	2				x				
16.	TG01007	2	x							
17.	QT01001	2			x					
18.	ĐC01004	2				x				
19.	ĐC01005	3			x					
20.	NN01015	4	x							
21.	NN01016	4		x						
22.	NN01017	4				x				
23.	NN01023	3						x		
24.	NN01019	4	x							
25.	NN01020	4		x						
26.	NN01021	4				x				
27.	NN01024	3						x		
28.	BC02801	3	x							
29.	PT02306	3		x						
30.	BC02115	3			x					



31.	QQ02101	3			x					
32.	QQ02601	3				x				
33.	QQ02504	3				x				
34.	QQ02602	3				x				
35.	QQ02603	3				x				
36.	QQ02604	3				x				
37.	QQ02605	3				x				
38.	QQ03459	3				x				
39.	QQ02453	3				x				
40.	QQ02456	3				x				
41.	QQ03477	3				x				
42.	QQ02607	3				x				
43.	QQ02608	2				x				
44.	QQ03480	3					x			
45.	QQ02609	3					x			
46.	QQ03472	3					x			
47.	QQ02454	3					x			
48.	QQ02610	3					x			
49.	QQ02611	3					x			
50.	QQ02612	3					x			
51.	QQ02613	3						x		
52.	QQ02614	3						x		
53.	QQ02615	3						x		
54.	QQ03476	3						x		
55.	QQ02616	3						x		
56.	QQ03478	3						x		
57.	QQ02617	3							x	
58.	QQ02618	3							x	
59.	QQ02619	4							x	
60.	QQ02620	4							x	
61.	QQ03466	3								x
62.	QQ03481	4								x
63.	QQ04024	6								x

64.	QQ03482	3								X
65.	QQ03465	3								X
66.	QQ03482	3							X	
67.	QQ03465	3							X	
68.	QQ03482	3							X	

### **10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình:**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m<sup>2</sup> và diện tích sử dụng là 57.310 m<sup>2</sup>.

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 – 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 - 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web được đưa lên mạng Internet và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có hệ thống mạng internet wifi và các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành PR, quảng cáo, truyền thông – marketing gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:**

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:*

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- *Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Ngọc Nam**

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

\*  
Số 4972-QĐ/HVBC TT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quảng cáo

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quảng cáo;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quảng cáo.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quan hệ công chúng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4972-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:

Tên văn bằng : **Cử nhân Quảng cáo**

Tên chương trình: **Quảng cáo - Marketing**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Quảng cáo**

Mã số : **7320110**

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành Quảng cáo, khả năng thực hiện công tác Quảng cáo và quản lý Quảng cáo trong các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội và doanh nghiệp; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức:

- Người học được trang bị kiến thức chung, cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, về ngôn ngữ, văn hóa, đất nước, con người Việt Nam và thế giới. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Quảng cáo - marketing, người học được trang bị những kiến thức chuyên ngành như sau:

- Nắm vững bản chất của quảng cáo và marketing: Khái niệm, sự hình thành và phát triển của quảng cáo-marketing trên thế giới và tại Việt Nam, vai trò của nó trong đời sống xã hội, các nguyên tắc hoạt động của quảng cáo- marketing;

- Hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của cán bộ quảng cáo và marketing trong doanh nghiệp; lập kế hoạch và triển khai kế hoạch quảng bá sản phẩm tới đông đảo khách hàng, thay đổi nhận thức và hành vi của khách hàng, nhằm đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp;

- Có tri thức vững vàng về các phương tiện truyền thông đại chúng, biết cách tận dụng các phương tiện này để quảng cáo và hoạch định chiến lược marketing, có tri thức cơ bản về quản trị tài chính và nhân lực trong hoạt động marketing, quảng cáo và phân tích nhu cầu thị trường.

##### 1.2.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng cứng:

+ Có các kỹ năng nghiên cứu ở mức độ cơ sở trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

+ Có khả năng lập kế hoạch marketing, thực hiện các ý tưởng quảng bá sản phẩm bằng cách viết quảng cáo trên báo in, báo điện tử, sản xuất chương trình quảng cáo phát thanh, truyền hình và trên các loại hình truyền thông đa phương tiện để đưa sản phẩm quảng cáo tới khách hàng.

- Kỹ năng mềm:

+ Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

+ Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;

+ Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

**1.2.3. Về phẩm chất chính trị, đạo đức:**

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Có đạo đức tác phong của người cán bộ cách mạng, ý thức kỷ luật tốt, tinh thần trách nhiệm cao, say mê nghề nghiệp và có mối quan hệ chặt chẽ gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

- Được đào tạo cơ bản, hệ thống về Quảng cáo trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Có tri thức khoa học, đặc biệt là tri thức chuyên sâu về Quảng cáo, đồng thời am hiểu rộng các khoa học có liên quan, đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ theo mục tiêu tổng quát đã nêu.

**1.3. Vị trí công tác sau tốt nghiệp**

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Làm việc tại các công ty quảng cáo, truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

- Làm quảng cáo, truyền thông, PR, Marketing cho tất cả các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.

**1.4. Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu (tương đương 600 điểm TOEIC hoặc 550 điểm TOEFL hoặc 5.5 điểm IELTS).

**1.5. Trình độ Tin học**

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

**2. Căn cứ xây dựng chương trình**

**2.1. Căn cứ thực tiễn**

**2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo**

- Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2017

- Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, PR và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2016

### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

#### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Hình thức khảo sát bằng phiếu điều tra và phỏng vấn vào tháng 6/2017 với đối tượng khảo sát gồm: (1) Đơn vị sử dụng lao động (05): Các đơn vị tuyển dụng có sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành Quảng cáo của Khoa QHCC và QC bao gồm 4 doanh nghiệp và 1 cơ quan nhà nước. (2) Chuyên gia (trên 20): Các giám đốc truyền thông của các tập đoàn đầu ngành, các học giả, nhà khoa học nghiên cứu truyền thông nói chung và chuyên ngành quảng cáo nói riêng, các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực quảng cáo. (3) Cựu sinh viên, người học (trên 30): thuộc 7 khoá học, đảm nhiệm các công việc liên quan đến chuyên ngành quảng cáo của tại các doanh nghiệp và các cơ quan truyền thông.

Kết quả khảo sát liên quan đến nhu cầu nhân lực như sau: (1) Kết quả khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng chương trình cử nhân Quảng cáo, đa số ý kiến các chuyên gia cho rằng chương trình đã trang bị những kiến thức tổng quát về quảng cáo cho người học. Tuy nhiên cần bổ sung khối kiến thức hỗ trợ về marketing, thương hiệu và chú trọng các môn học mang tính thực hành cao. (2) Theo ý kiến của các chuyên gia trong ngành nhìn chung chương trình đào tạo chương trình cử nhân chuyên ngành Quảng cáo đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của thị trường lao động. Tuy nhiên, để cập nhật kịp thời với thực tiễn Khoa cần xem xét và điều chỉnh một số vấn đề cụ thể như: tăng cường khối kiến thức giảng dạy về marketing, quản trị kinh doanh, sáng tạo nội dung, các môn thực hành, nghiên cứu các xu hướng phát triển công nghệ... (3) Hầu hết các sinh viên tốt nghiệp ra trường đều làm việc toàn thời gian: 67.3%, làm việc bán thời gian là 12.7%. Tuy nhiên vẫn có 10.9% lựa chọn học tiếp hoặc không làm việc. Có tới 53% sinh viên ra trường làm việc trong công ty liên quan tới quảng cáo và 34% sinh viên ra trường làm các công việc không liên quan tới quảng cáo. Chỉ có 13% sinh viên ra trường làm công việc trong các công ty chuyên quảng cáo.

*\* Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

### **2.2. Các căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các

trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CĐR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CĐR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

**CĐR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CĐR 4.** Phân tích được các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam.

**CĐR 5.** Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông, bao gồm lịch sử, văn hóa, tâm lý và mạng xã hội.

**CĐR 6.** Vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

**CĐR 7.** Xác định được đặc điểm ngôn ngữ truyền thông, bao gồm ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh.

**CĐR 8.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng.

##### *Kiến thức ngành*

**CĐR 9.** Phân tích được cơ sở lý luận quảng cáo, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực truyền thông.

**CĐR 10.** Xác định được các công việc, yêu cầu trong lao động, nguyên tắc hoạt động của người làm quảng cáo chuyên nghiệp.



**CĐR 11.** Phân biệt được các loại hình truyền thông trong tổ chức: quan hệ công chúng, quảng cáo, marketing, tuyên truyền, dân vận.

**CĐR 12.** Hiểu và có khả năng phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh như chính trị xã hội, văn hóa bản địa... đối với các sản phẩm và chiến dịch quảng cáo.

**CĐR 13.** Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo, thực hành quảng cáo theo từng lĩnh vực.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

**CĐR 14.** Xây dựng, vận hành được các chiến lược quảng cáo đa dạng, phù hợp, hiệu quả, đồng thời biết cách đánh giá hiệu quả của các chiến lược để đưa ra được những điều chỉnh phù hợp.

**CĐR 15.** Nắm vững và áp dụng được nhuần nhuyễn những bước trong quá trình xây dựng kế hoạch quảng cáo. Đồng thời xây dựng được hệ thống thu thập và phân tích thông tin chuyên nghiệp.

**CĐR 16.** Phân tích và vận dụng phù hợp, sáng tạo các phương tiện truyền thông, đặc biệt liên tục cập nhật những tiến bộ trong công nghệ và những thay đổi về xu hướng truyền thông để đưa ra những chiến lược quảng cáo phù hợp.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### *Kỹ năng chung*

**CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phân biệt thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ cơ thể và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### *Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Quảng cáo*

**CĐR 22.** Kỹ năng thu thập, thẩm định, chọn lọc, phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau, phân tích nội dung văn bản; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn truyền thông – quảng cáo.

**CĐR 23.** Kỹ năng phân tích và sáng tạo các chiến lược quảng cáo phù hợp với từng thể loại và đối tượng, bao gồm: nghiên cứu công chúng, sáng tạo thông điệp, lựa chọn phương tiện và cách thức truyền thông hiệu quả.

**CĐR 24.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án quảng cáo.

**CĐR 25.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và thiết kế các sản phẩm quảng cáo.

**CĐR 26.** Kỹ năng tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động quảng cáo – truyền thông trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp.

**CĐR 27.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả truyền thông khi thực hiện các hoạt động, kế hoạch quảng cáo.

**CĐR 28.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quảng cáo - truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CĐR 30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành quảng cáo - truyền thông.

**CĐR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh)

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Quảng cáo nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

-Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-

HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

### 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### 9. Nội dung chương trình

#### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	6
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc</i>	12
<i>Tự chọn</i>	6
- Kiến thức ngành	26
<i>Bắt buộc</i>	17
Kiến tập	3
<i>Tự chọn</i>	6/12
- Kiến thức bổ trợ	12
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	3/9
- Kiến thức chuyên ngành	30
<i>Bắt buộc</i>	17
Thực tập nghề nghiệp	4
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn</i>	3/9

## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>44</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1	TM01012	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác - Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...	2,0 (1,5:0,5)	
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	2,0 (1,5:0,5)	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	2,0 (1,5:0,5)	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	

6	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01012 CN01002
7	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định	2,0 (1,5:0,5)	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
10	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị	2,0 (1,5:0,5)	

			các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.		
12	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
13	<b>KT01006</b>	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách. Đưa ra những công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp; trang bị những hiểu biết về vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách kinh tế chủ yếu như: chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
15	<b>ĐC01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
16	<b>TG01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
17	<b>QT01001</b>	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ	2,0 (1,5:0,5)	

			chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.		
18	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>15/30</b>	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp(Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23	NN01023	Tiếng Anh	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ,	3,0	

		học phần 4	kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	(1,5:1,5)	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>86</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				12	
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng;	3,0 (1,5:1,5)	



			chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.		
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	3,0 (1,5:1,5)	
30	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
31	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo và các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; làm rõ mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông. Người học được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR, quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
32	QQ02601	Các phương tiện truyền thông	Trang bị những kiến thức căn bản về báo chí học như: nhà báo, tác phẩm báo chí, đặc trưng loại hình phương tiện (truyền hình – phát thanh, báo in, báo mạng), cơ chế tác động báo chí, vài hướng nghiên cứu về công chúng. Môn học này hướng đến việc giúp người học tự đưa ra quan điểm cá nhân trước bất kỳ sự việc, hiện tượng, vấn đề nào nảy sinh trong cuộc sống, và sắp xếp, trình bày	3,0 (2,0:1,0)	

			nó một cách logic, có sức thuyết phục. Kết hợp với các yếu tố về phương pháp tư duy sáng tạo tác phẩm báo chí, đặc trưng của từng loại hình phương tiện người học có thể rèn luyện kỹ năng tự sáng tạo tác phẩm của riêng mình.		
33	QQ02456	Ngôn ngữ truyền thông	Trang bị những kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ truyền thông đại chúng nhằm vận dụng đúng đặc trưng ngôn ngữ của từng loại hình, phương tiện truyền thông là báo in, báo ảnh, báo phát thanh, truyền hình, báo điện tử, ngôn ngữ quảng cáo. Trên cơ sở đó, người học có kỹ năng xác định hành vi ngôn ngữ đúng đắn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh, thể loại báo chí và đối tượng truyền thông.	3,0 (2,0:1,0)	
34	QQ02602	Kinh tế truyền thông	Trang bị những kiến thức về những hoạt động kinh tế đặc thù trong lĩnh vực báo chí, truyền thông. Môn học này cũng sẽ giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của kinh tế truyền thông trong thời kỳ công nghệ thông tin đang diễn ra trên thế giới cũng như ở Việt Nam và sẽ cung cấp cho người học những khung lý thuyết để đi sâu phân tích thực tế kinh tế ở trong mỗi lĩnh vực truyền thông cụ thể; Giúp sinh viên hiểu biết về các hệ thống sở hữu, tài chính, quy định và phát triển chương trình truyền thông trên thế giới; có tư duy tích cực và có kỹ năng đánh giá đúng đắn các vấn đề quan trọng hiện nay trong lĩnh vực kinh tế truyền thông.	3,0 (2,0:1,0)	
35	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về sự vận hành và các quy luật của kinh tế thị trường, khái quát cách tiếp cận về văn hóa, các loại hình đạo đức, nắm vững kiến thức chuyên ngành về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (VHDN). Trên cơ sở nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của lý luận về đạo đức kinh doanh và VHDN, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nghiên cứu đặc thù của việc xây dựng và phát triển VHDN tại Việt Nam, trong các cơ quan báo chí – truyền thông và kinh doanh truyền thông. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR, QC và VHDN.	3,0 (2,0:1,0)	
36	QQ02801	Báo chí và dư luận xã hội	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về báo chí và dư luận xã hội. Cụ thể, môn học giúp sinh viên có được: khái niệm công cụ về báo chí và dư luận xã hội; Hiểu được vị trí, vai trò, và đồng thời có kỹ năng cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí và ảnh hưởng của nó đến cộng đồng – xã hội...	3,0 (2,0:1,0)	
37	QQ02609	Truyền thông nội bộ	Trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, mô hình tổ chức bộ máy quản trị của các doanh nghiệp, công ty, các tổ chức, cơ quan nhà nước; tìm hiểu	3,0 (2,0:1,0)	

			các hoạt động truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động quan hệ công chúng nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.		
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>26</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>20</b>	
38	<b>QQ02454</b>	Nhập môn quảng cáo	Trang bị kiến thức chung về quảng cáo, cơ sở lý thuyết cho các hoạt động quảng cáo bao gồm khái niệm, quá trình hình thành và phát triển quảng cáo, các loại hình và chiến lược quảng cáo, công chúng và các phương tiện quảng cáo, quy trình lập kế hoạch quảng cáo, cách tổ chức hoạt động quảng cáo, quy trình sáng tạo và sản xuất sản phẩm quảng cáo. Có kỹ năng nghiên cứu và xây dựng một chiến lược quảng cáo cơ bản.	3,0 (1,5:1,5)	
39	<b>QQ02453</b>	Nhập môn Marketing	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết Marketing, những quy trình nghiên cứu trong marketing, lý thuyết về thương hiệu, chiến lược, 4P trong marketing và định vị thương hiệu. Trên cơ sở đó, người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn kinh doanh trên thương trường, biết cách lập một chiến lược marketing căn bản.	3,0 (2,0:1,0)	
40	<b>QQ03459</b>	Nhập môn quan hệ công chúng	Trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, những kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	3,0 (1,5:1,5)	
41	<b>QQ03477</b>	Hành vi khách hàng	Trang bị những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng, quy trình ra quyết định mua, tâm lý học ảnh hưởng đến quyết định mua và lựa chọn thương hiệu/sản phẩm, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, khả năng nghiên cứu hành vi khách hàng để phục vụ cho việc ra các quyết định marketing. Trên cơ sở đó, người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực	3,0 (1,5:1,5)	

			tiền kinh doanh trên thương trường.		
42	QQ03506	Nghiên cứu Quảng cáo - Marketing	Trang bị những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cốt lõi về quy trình, các phương pháp và công cụ hỗ trợ nghiên cứu quảng cáo, marketing. Quy trình thực hiện dự án nghiên cứu bao gồm: phát hiện vấn đề và xác định mục tiêu nghiên cứu; lập kế hoạch nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu bao gồm thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, nghiên cứu định tính, định lượng, phân tích nội dung, lập sơ đồ nhận thức, phương pháp Q, các phương pháp phân tích giải thích dữ liệu. Học phân cũng đề cập đến các khả năng ứng dụng nghiên cứu quảng cáo, marketing trong thực tiễn.	3,0 (1,5:1,5)	
43	QQ02802	Thực tế chính trị - xã hội	Học phân nhằm giúp sinh viên thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của hoạt động quảng cáo	2,0 (0,5:1,5)	
44	QQ03516	Kiến tập nghề nghịệp	Trang bị kỹ năng trải nghiệm công việc và học hỏi thêm những điều mới chưa được học trên lớp: trải nghiệm văn hóa làm việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, phát hiện điểm mạnh điểm yếu của bản thân, xây dựng các mối quan hệ...	3,0 (0,5:2,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
45	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Trang bị kiến thức cơ bản về mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/y tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp; truyền thông tiếp thị tích hợp (những khái niệm, quy trình trong một chiến dịch IMC, các case studies...) bước đầu có thể vận dụng trong hoạt động PR, Quảng cáo, Marketing phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế xã hội và yêu cầu của nghề nghiệp. Trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá trong việc ứng dụng và tích hợp các công cụ truyền thông và marketing.	3,0 (1,5:1,5)	
46	QQ02619	Viết cho PR	Trang bị những kiến thức, kỹ năng thực hành trong việc sử dụng báo chí như là một công cụ cơ bản của người hoạt động quan hệ công chúng. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng viết thông cáo báo chí, viết tin bài, khả năng sắp xếp và chuẩn bị các cuộc trả lời phỏng vấn, khả năng sản xuất các bộ tài thông tin, các tài liệu thông tin như ấn phẩm, băng hình giới thiệu, tờ rơi... nhằm phục vụ công việc truyền thông của cơ quan, tổ chức, cá nhân...	3,0 (1,0:2,0)	

47	QQ03508	Các chuyên đề quảng cáo	Trang bị những kiến thức về 10 nội dung chính gồm: tính sáng tạo trong quảng cáo, phát triển ý tưởng quảng cáo, marketing nội dung (content marketing), yếu tố hình ảnh và âm nhạc trong quảng cáo truyền hình, thẩm mỹ thiết kế trong quảng cáo in ấn, quảng cáo trên mạng xã hội, quảng cáo trên nền tảng di động, quảng cáo sắp đặt (product placement), quảng cáo lan truyền (viral advertising), tối đa hóa công cụ tìm kiếm (SEO) và các dạng quảng cáo từ khóa.	3,0 (1,5:1,5)	
48	QQ03509	Chiến lược quảng cáo	Trang bị những kiến thức cơ bản về xây dựng và triển khai chiến lược quảng cáo như: các yếu tố cơ bản của một chiến lược quảng cáo và những loại hình chiến lược quảng cáo thường gặp, vai trò của nghiên cứu trong việc lập kế hoạch, những vấn đề cần đặt ra trong quá trình nghiên cứu và các mô hình phân tích, mối quan hệ giữa chiến lược và các kế hoạch quảng cáo. Môn học cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng, phương pháp xây dựng mục tiêu, thông điệp, ý tưởng, lựa chọn kênh truyền thông và phương thức thực hiện hoạt động quảng cáo, cách thức đánh giá, thẩm định mức độ thành công của một chiến dịch/kế hoạch quảng cáo và những lưu ý trong xây dựng chiến lược quảng cáo.	3,0 (1,5:1,5)	
49	QQ02612	Lập kế hoạch quan hệ công chúng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Lập kế hoạch quan hệ công chúng. Qua môn học, học viên được nghiên cứu các chiến lược quan hệ công chúng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Học viên cũng được thực hành các kỹ năng lập, thực hiện và đánh giá những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược.	3,0 (1,5:1,5)	
50	QQ02610	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, các vấn đề về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Từng chủ đề của môn học bao gồm mối quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội, tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhóm công chúng cùng những vấn đề phát sinh có liên quan, cơ sở lý thuyết về đạo đức doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh trong quản lý và lãnh đạo, cơ sở lý thuyết về trách nhiệm xã hội, mối quan hệ giữa môi trường và doanh nghiệp, các vấn đề của toàn cầu hóa và trách nhiệm của doanh nghiệp. Trang bị kỹ năng thực hành tìm hiểu và nghiên cứu các nhóm công chúng, so sánh sự khác biệt giữa việc xây dựng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với các nhóm này.	3,0 (1,5:1,5)	

<b>2.3. Kiến thức bổ trợ (nếu có)</b>				<b>12</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
51	<b>QQ02613</b>	Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn	Trang bị những kiến thức căn bản về kỹ năng giao tiếp – đàm phán; trọng tâm là hình thành các kỹ năng giao tiếp đàm phán, ứng xử hàng ngày trong công việc cũng như trong cuộc sống thông qua việc rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống giao tiếp hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
52	<b>QQ02504</b>	Truyền thông mạng xã hội	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về truyền thông và các phương tiện truyền thông mới, đặc biệt là các phương tiện trên Internet – mạng xã hội. Bên cạnh đó, cập nhật những xu hướng sử dụng phương tiện truyền thông mới hiện nay, những nguyên tắc, kinh nghiệm và bài học để người học rèn luyện kỹ năng truyền thông mạng xã hội một cách hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
53	<b>QQ02604</b>	Tác động quảng cáo trong xã hội	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về mối quan hệ giữa quảng cáo và các vấn đề xã hội, tác động của quảng cáo đối với sự phát triển của đời sống văn hóa, xã hội. Môn học cũng rèn luyện cho học viên những kỹ năng phân tích, đánh giá các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của quảng cáo đối với xã hội để từ đó người học nhận diện được vai trò của quảng cáo trong xã hội và trở thành những nhà thực hành nghề có đạo đức và trách nhiệm.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>Tự chọn</b>				<b>3/9</b>	
54	<b>QQ03465</b>	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản lý vấn đề và quản lý khủng hoảng. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức về các vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội đang ảnh hưởng tới tổ chức, các lý thuyết về quản lý vấn đề và khủng hoảng, các quy trình xử lý khủng hoảng và phục hồi sau khủng hoảng.	3,0 (1,5:1,5)	
55	<b>QQ02605</b>	Quan hệ báo chí	Trang bị kiến thức đặc thù về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR và báo chí; cũng các nguyên tắc cần thiết trong quan hệ báo chí. Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay và mối quan hệ qua lại giữa báo chí và PR. Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học được trang bị những kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ với báo chí của một người làm PR, truyền thông tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
56	<b>QQ02615</b>	PR doanh	Trang bị kiến thức cơ bản giúp phân biệt hoạt động PR doanh nghiệp với hoạt	3,0	

		ngiệp	động PR của các tổ chức nhà nước, các tổ chức phi chính phủ; trang bị các kiến thức về vai trò, chức năng, các loại hình, mô hình và các hoạt động của PR doanh nghiệp. Trang bị các kiến thức về bối cảnh thị trường, sự vận hành, các quy luật của kinh tế thị trường, thực trạng và xu hướng của hoạt động PR doanh nghiệp, các kiến thức về ngành nghề, các kỹ năng, nguyên tắc và đạo đức hành nghề của nhân viên PR doanh nghiệp.	(1,5:1,5)	
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>30</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>17</b>	
57	QQ03472	Viết lời quảng cáo	Trang bị những kiến thức về khái niệm, mục đích, vai trò và các yêu cầu cơ bản của viết lời quảng cáo (copywriting); hiểu được những nguyên tắc của viết lời quảng cáo, nắm rõ quy trình và kế hoạch viết quảng cáo và biết cách so sánh các dạng sản phẩm viết quảng cáo. Rèn luyện các kỹ năng về viết lời quảng cáo, lập kế hoạch và so sánh để hoàn thiện sản phẩm.	3,0 (1,0:2,0)	
58	QQ03505	Thiết kế quảng cáo	Trang bị kiến thức về hệ thống lý thuyết và kỹ năng thiết kế, trình bày các sản phẩm in và mạng điện tử. Từ đó, người học được rèn luyện khả năng sắp xếp, thiết kế, trình bày để vận dụng vào việc tổ chức xuất bản các sản phẩm truyền thông, phục vụ cho quá trình quảng cáo.	3,0 (0,5:2,5)	
59	QQ02804	Dự án Marketing	Trang bị kiến thức cơ bản về Chiến lược marketing: hoạch định chiến lược marketing trong các tổ chức. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả. Môn học giúp sinh viên có được khung cơ bản về quá trình quản trị hoạt động marketing và có khả năng vận dụng kiến thức đó để xây dựng được một Dự án Marketing cho một tổ chức.	4,0 (1,5:2,5)	
60	QQ02805	Sản xuất quảng cáo	Trang bị những kiến thức, kỹ năng về nguyên tắc và phong cách sản xuất các sản phẩm quảng cáo. Môn học sẽ trang bị những kiến thức về tầm quan trọng của truyền thông hình ảnh, nghệ thuật âm thanh và màu sắc trong quảng cáo. Sinh viên sẽ được ứng dụng những kiến thức về thiết kế, trình bày và quá trình lao động quảng cáo sáng tạo để sản xuất ra các sản phẩm quảng cáo trên phát thanh, truyền hình, Internet và các loại hình quảng cáo phong phú, đa dạng khác.	4,0 (1,5:2,5)	
61	QQ02616	Marketing	Trang bị những kiến thức cơ bản về những ứng dụng marketing mới trong môi	3,0	

		kỹ thuật số	trường công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển. Trong đó, môn học tập trung nghiên cứu về công nghệ và lịch sử mạng Internet, phân tích hành vi người tiêu dùng (nội địa và quốc tế) trên mạng, mô hình kinh doanh, quảng cáo và truyền thông, thiết kế trang web, định giá, nghiên cứu marketing sử dụng mạng Internet; những công việc cụ thể của người làm marketing kỹ thuật số và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả.	(1,5:1,5)	
62	QQ03517	Thực tập cuối khóa	Trang bị lý thuyết: Củng cố tất cả những kiến thức lý thuyết đã học trong chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng và Quảng cáo, có cơ hội áp dụng những lý thuyết đã học trên lớp vào thực tế công việc. Rèn luyện thực hành: Sinh viên có cơ hội trải nghiệm công việc và học hỏi thêm những điều mới chưa được học trên lớp.	4,0 (0,5:3,5)	
63	QQ04025	Khóa luận/ Sản phẩm tốt nghiệp / Dự án tốt nghiệp	Hướng dẫn và định hướng cách nghiên cứu, đánh giá, phân tích và trình bày để có được kỹ năng hoàn thiện sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp tốt.	6,0 (0,5:5,5)	
<i>Học phần thay thế khoá luận/Sản phẩm tốt nghiệp</i>				6	
64	QQ03482	Quản trị thương hiệu	Trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả.	3,0 (1,0:2,0)	
65	QQ03466	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (1,0:2,0)	
Tự chọn				3/9	



66	QQ03465	Quản lý bán hàng và quan hệ khách hàng	Trang bị những kiến thức cơ bản về quản lý bán hàng và mối quan hệ khách hàng. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người phụ trách bán hàng và xây dựng mối quan hệ với khách hàng và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả. Môn học giúp sinh viên có được khung cơ bản về quá trình bán hàng và các chiến lược quản trị mối quan hệ với khách hàng và có khả năng vận dụng kiến thức đó để xây dựng được một quy trình bán hàng và quản trị mối quan hệ khách hàng phù hợp với doanh nghiệp mình.	3,0 (1,5:1,5)	
67	QQ02609	Truyền thông nội bộ	Trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, mô hình tổ chức bộ máy quản trị của các doanh nghiệp, công ty, các tổ chức, cơ quan nhà nước; tìm hiểu các hoạt động truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động truyền thông nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực truyền thông nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.	3,0 (1,5:1,5)	
68	QQ02618	Chiến dịch quảng bá	Trang bị những kiến thức về quy trình nghiên cứu, lập kế hoạch, cũng như phân tích đánh giá một chiến lược quảng cáo, quan hệ công chúng. Từ việc xây dựng triển khai các dự án sáng tạo, cho đến đẩy mạnh chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội, người học dần dần sẽ tiếp thu được kỹ năng từ nghiên cứu cho đến lên ý tưởng sáng tạo và sẽ hiểu được tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho quảng cáo và quan hệ công chúng.	3,0 (1,0:2,0)	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																																					
		Kiến thức																Kỹ năng										Năng lực tự chủ											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33					
1	TM01012	2																2	2	2																			
2	KT01011	2																2	2	2																			
3	CN01002	2																2	2	2																			
4	LS01001	2																2	2	2																			





53	QQ02604					2		2							2		1	2	1								2		2		2		
54	QQ03465		2		2				2	2	2				2	2		1	2							2	2	2	2	2	2		
55	QQ02605					2					2				2				1							2			2	2	2		
56	QQ02615						2	2		2	2				2		2		1		2		2	2			2			2	2		
57	QQ03472						2	2		2					2		2	1	1								1	2			2		
58	QQ03505							2		2				2	2				2							2		2	2		2	2	
59	QQ02804			2		1	2	2		2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	2	
60	QQ02805							2		2					2	2			2							2		2	2		2	2	
61	QQ02616						2	2			2								2						2					2		2	2
62	QQ03517								2						2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
63	QQ04025			2	2	2		2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
64	QQ03482							2		1	1	2	2	2	2	2	2			2	2	2						2			2	2	
65	QQ03466								2			2	1	2	2	2	2	2		2	1	2	2	1	2	2		2	2	2	2	2	
66	QQ03465							2		1	1	2	2	1	2	1	2	2			2						2			2		2	
67	QQ02609						2			2	2	2	2	2			2	2	1	1	1					2			2			2	2
68	QQ02618			2		1	2	2		2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	1	2	

10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Học phần	Số TC	Phân bổ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
69.	TM01012	3		x						
70.	KT01011	2		x						
71.	CN01002	2	x							
72.	LS01001	2				x				
73.	TH01001	2	x							
74.	NP01001	3					x			
75.	CT01001	2	x							
76.	XD01001	2							x	
77.	TG01004	2	x							
78.	XH 01001	2			x					
79.	QT 02552	2				x				
80.	ĐC 01001	2			x					
81.	KT 01006	2						x		
82.	TT 01002	2					x			
83.	ĐC 01006	2				x				
84.	TG 01007	2	x							
85.	QT01001	2			x					
86.	ĐC01004	2				x				
87.	ĐC01005	3		x						
88.	NN01015	4	x							
89.	NN01016	4		x						
90.	NN01017	4				x				
91.	NN01023	3						x		
92.	NN01019	4	x							
93.	NN01020	4		x						
94.	NN01021	4				x				
95.	NN01024	3						x		
96.	BC02801	3	x							
97.	PT02306	3		x						
98.	BC02115	3			x					
99.	QQ02101	3			x					

100.	QQ02601	3				x				
101.	QQ02456	3				x				
102.	QQ02602	3				x				
103.	QQ02603	3				x				
104.	QQ02801	3				x				
105.	QQ02609	3				x				
106.	QQ02454	3				x				
107.	QQ02453	3				x				
108.	QQ03459	3				x				
109.	QQ03477	3				x				
110.	QQ03506	3				x				
111.	QQ02802	2				x				
112.	QQ03516	3					x			
113.	QQ02607	3					x			
114.	QQ02619	3					x			
115.	QQ03508	3					x			
116.	QQ03509	3						x		
117.	QQ02612	3						x		
118.	QQ02610	3						x		
119.	QQ02613	3						x		
120.	QQ02504	3						x		
121.	QQ02604	3						x		
122.	QQ03465	3						x		
123.	QQ02605	3						x		
124.	QQ02615	3						x		
125.	QQ03472	3							x	
126.	QQ03505	3							x	
127.	QQ02804	4							x	
128.	QQ02805	4							x	
129.	QQ02616	3								x
130.	QQ03517	4								x
131.	QQ04025	6								x
132.	QQ03482	3								x
133.	QQ03466	3								x
134.	QQ03465	3							x	
135.	QQ02609	3							x	
136.	QQ02618	3							x	

### **10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình:**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m<sup>2</sup> và diện tích sử dụng là 57.310 m<sup>2</sup>.

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 – 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 – 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web được đưa lên mạng Internet và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có hệ thống mạng internet wifi và các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành PR, quảng cáo, truyền thông – marketing gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình:**

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành truyền thông; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong Khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa học Khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Bộ môn thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng Khoa học của Khoa thông qua.



**Trương Ngọc Nam**





Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

\*  
Số 4968-QĐ/HVBCTT-ĐT

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Xuất bản

-----  
- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Xuất bản;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Xuất bản.

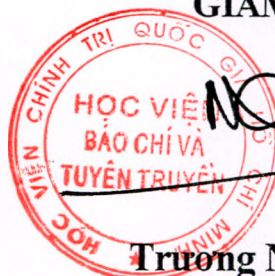
**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2018 - 2019.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Xuất bản và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



Trương Ngọc Nam

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 4968-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : Học viện Báo chí và Tuyên truyền  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : Cử nhân Xuất bản  
Tên chương trình : Biên tập xuất bản  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành đào tạo : Xuất bản Mã số : 7 320 401

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo biên tập viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; nắm vững kiến thức về lý luận chính trị, lý thuyết và kỹ năng nghiệp vụ biên tập xuất bản; có khả năng tổ chức sản xuất sản phẩm thuộc các loại hình xuất bản phẩm khác nhau trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ. Ngoài ra, người đào tạo ngành biên tập xuất bản có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học liên quan đến lĩnh vực xuất bản.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

Người học ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản được trang bị kiến thức:

- Kiến thức nền tảng về khoa học Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam;

- Kiến thức chung, cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, từ đó vận dụng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp xuất bản nói chung, biên tập xuất bản nói riêng;

- Kiến thức nền tảng cơ sở ngành truyền thông. Cụ thể như: lý thuyết truyền thông; đạo đức và luật pháp truyền thông; công chúng truyền thông; quan hệ công chúng và quảng cáo. Từ những kiến thức cơ sở ngành này, người học ngành xuất bản có thể vận dụng để hoạt động nghề nghiệp chuyên nghiệp;

- Kiến thức hệ thống về lý luận ngành xuất bản nói chung, lý thuyết và kỹ năng chuyên ngành biên tập xuất bản nói riêng. Cụ thể như: cơ sở lý luận xuất bản; lịch sử xuất bản; các nội dung khác về lý thuyết và kỹ năng trực tiếp liên quan đến chuyên môn biên

tập xuất bản... Từ những kiến thức và kỹ năng chuyên môn cụ thể, chuyên sâu, người học vận dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp biên tập xuất bản chuyên nghiệp;

- Kiến thức về tin học và ngoại ngữ để ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Biên tập xuất bản;

- Với các kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ biên tập xuất bản cũng như khả năng làm chủ kỹ thuật - công nghệ và ngoại ngữ, người học ở trình độ đại học ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất đáp ứng nhu cầu việc làm trong thực tiễn và tiếp tục học tập, phát triển cao hơn ở bậc đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ngành Xuất bản trong và ngoài nước.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- *Kỹ năng cứng:*

Người học ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản nắm vững:

+ Lý thuyết và vận dụng thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ cụ thể về biên tập xuất bản như: xây dựng kế hoạch đề tài xuất bản phẩm; tổ chức bản thảo các xuất bản phẩm; biên tập nội dung, hình thức và kỹ thuật các xuất bản phẩm; thiết kế, trình bày, minh họa sách và các xuất bản phẩm; tiếp thị - kinh doanh xuất bản phẩm;

+ Lý thuyết và vận dụng thành thạo kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông xuất bản như: lập kế hoạch truyền thông, tổ chức các chiến dịch truyền thông; tổ chức sự kiện và quan hệ với báo chí, quảng bá các sự kiện liên quan đến xuất bản; xây dựng và quảng bá thương hiệu, phát hành và kinh doanh sản phẩm; xử lý các khủng hoảng trong hoạt động xuất bản;

+ Lý thuyết và thuần thục các kỹ năng sử dụng phần mềm tin học và kỹ thuật - công nghệ mới trong hoạt động nghề nghiệp biên tập xuất bản như: soạn thảo văn bản, xử lý ảnh, thiết kế đồ họa, biên tập xuất bản phẩm, quản lý dữ liệu lớn, quản trị tổ chức sản xuất sản phẩm xuất bản bằng mạng nội bộ hoặc internet, kinh doanh xuất bản phẩm trên internet...;

+ Có khả năng kết hợp thuần thục kỹ năng nghiệp vụ biên tập xuất bản với trình độ ngoại ngữ để làm việc với các đối tác quốc tế liên quan đến lĩnh vực xuất bản trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu và rộng hiện nay.

- *Kỹ năng mềm:*

+ Tự tin trong ứng xử - giao tiếp xã hội hoặc tự tin trong thuyết trình, thảo luận nhóm;

+ Quan sát, thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích và xử lý các tình huống khác nhau trong hoạt động xuất bản;

### 1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí

Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức tác phong của người cán bộ cách mạng, ý thức kỷ luật tốt, tinh thần trách nhiệm cao, say mê nghề nghiệp và có mối quan hệ chặt chẽ gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp; trung thực, thẳng thắn, yêu nghề, khiêm tốn, giản dị; sẵn sàng đương đầu khó khăn, thử thách.

- Có ý thức đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy trình xuất bản, các quy định quản lý nhà nước về xuất bản. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, độc lập, chủ động.

**- Vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Người được đào tạo ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản có khả năng đảm nhiệm các vị trí, việc làm sau đây:

- Biên tập viên các nhà xuất bản, các báo - tạp chí, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông;

- Chuyên viên kinh doanh xuất bản phẩm các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông;

- Chuyên viên marketing (bộ phận marketing) các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông;

- Chuyên viên thị trường (bộ phận thị trường) các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông;

- Chuyên viên tổ chức sự kiện, truyền thông xuất bản tại các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông;

- Chuyên viên khai thác bản quyền và tạo nguồn (bộ phận bản quyền, tổ chức bản thảo) các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông;

- Chuyên viên nghiên cứu, chuyên viên quản lý tại các đơn vị sự nghiệp nhà nước liên quan đến ngành Xuất bản như Vụ Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các tỉnh; Cục Xuất bản - In - Phát hành; Phòng, ban Quản lý xuất bản thuộc Ủy ban nhân dân, Sở Thông tin - Truyền thông các tỉnh, thành phố trên cả nước.

**- Trình độ ngoại ngữ**

Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu (tương đương 500 điểm TOEIC hoặc 450 điểm TOEFL hoặc 4.5 điểm IELTS theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

**- Trình độ tin học**

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động biên tập xuất bản.

**2. Căn cứ xây dựng chương trình**

**2.1. Căn cứ thực tiễn**

**2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo**

tác nghiệp liên quan đến truyền thông nói chung, hoạt động xuất bản nói riêng;

+ **CĐR 7.** Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông và phương pháp nghiên cứu công chúng truyền thông, vận dụng trong lĩnh vực xuất bản;

+ **CĐR 8.** Phân tích được các điều kiện ra đời và sự phát triển của hoạt động xuất bản, những yếu tố tác động đến sự phát triển của hoạt động xuất bản.

+ **CĐR 9.** Vận dụng được đặc trưng phong cách các loại văn bản để nhận diện các loại văn bản bản thảo khác nhau trong hoạt động biên tập, từ đó có được kiến thức về nguyên tắc và phương pháp biên tập phù hợp và hiệu quả đối với từng loại văn bản cụ thể, vận dụng trong lĩnh vực xuất bản.

- *Kiến thức ngành*

+ **CĐR 10.** Phân tích được các vấn đề trong lý luận và thực tiễn xuất bản; xác định được các công việc, yêu cầu và các tri thức kỹ năng trong biên tập bản thảo: biên tập nội dung, biên tập hình thức, biên tập kỹ thuật;

+ **CĐR 11.** Hiểu và có khả năng xử lý những tình huống trong pháp luật và quản lý xuất bản cũng như việc thực hiện nhiệm vụ và chức trách của người biên tập xuất bản...;

+ **CĐR 12.** Hiểu và áp dụng những tri thức cơ bản về hoạt động quản trị kinh doanh trong ngành xuất bản, áp dụng những tri thức vào hoạt động thực tiễn về quản trị trong quá trình sản xuất kinh doanh xuất bản phẩm ở các nhà xuất bản, các đơn vị xuất bản hiện nay;

+ **CĐR 13.** Xây dựng, vận hành được các kế hoạch quan hệ công chúng và quảng cáo xuất bản đa dạng, phù hợp, hiệu quả, đồng thời biết cách đánh giá hiệu quả của kế hoạch để đưa ra được những điều chỉnh phù hợp.

- *Kiến thức chuyên ngành*

+ **CĐR 14.** Nắm vững và áp dụng được nhuần nhuyễn tri thức, quy trình biên tập các loại sách chuyên ngành; kỹ năng giao tiếp và đàm phán với tác giả, đối tác xuất bản;

+ **CĐR 15.** Nắm vững quá trình bán hàng và các chiến lược quản trị mối quan hệ khách hàng phù hợp với doanh nghiệp xuất bản; xác định được nhu cầu của thị trường xuất bản;

+ **CĐR 16.** Phân tích và vận dụng phù hợp, sáng tạo kiến thức về các vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội đang ảnh hưởng tới tổ chức, các lý thuyết về quản lý truyền thông và khủng hoảng truyền thông xuất bản, các quy trình xử lý khủng hoảng và phục hồi sau khủng hoảng.

### **3.2. Kỹ năng**

- *Kỹ năng chung*

+ **CĐR 17.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận;

+ **CĐR 18.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề;

+ **CĐR 19.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả;

+ **CĐR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT;

+ **CĐR 21.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

- *Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Xuất bản*

+ **CĐR 22.** Kỹ năng thu thập thông tin, xử lý thông tin xác định đề tài, tổ chức cộng tác viên, xây dựng phương án tổ chức bản thảo và thực hiện tổ chức bản thảo của các loại hình xuất bản phẩm;

+ **CĐR 23.** Kỹ năng giao dịch bản quyền, soạn thảo, ký kết hợp đồng xuất bản;

+ **CĐR 24.** Kỹ năng thẩm định bản thảo, biên tập thành thạo bản thảo, gia công chỉnh lý bản thảo, hoàn thiện bản thảo các loại sách chuyên ngành (sách truyền thống, sách điện tử) và tạp chí; thành kỹ năng đọc sửa bài (morast) thành thạo, nắm vững các phương pháp đọc sửa bài;

+ **CĐR 25.** Kỹ năng thiết kế trình bày minh họa sách: lựa chọn khổ sách, trao đổi ý tưởng thiết kế bìa với họa sĩ, biên tập maket trang in;

+ **CĐR 26.** Kỹ năng cơ bản sử dụng các phương tiện kỹ thuật, công nghệ (máy in, máy scan, photocopy...) trong hoạt động xuất bản, thể hiện khả năng thích nghi trong môi trường hoạt động nghề nghiệp kỹ thuật số; Kỹ năng kiểm tra bản in thử, đọc sách in thử;

+ **CĐR 27.** Kỹ năng nghiên cứu thị trường, tổ chức tiêu thụ xuất bản phẩm: xác định thị trường trọng điểm, xây dựng chiến lược sản phẩm; tổ chức kênh phân phối, lựa chọn hình thức tiêu thụ xuất bản phẩm;

+ **CĐR 28.** Kỹ năng truyền thông xuất bản: xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông xuất bản, quan hệ với giới truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông.

### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ **CĐR 29.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;

+ **CĐR 30.** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Xuất bản;

+ **CĐR 31.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ **CĐR 32.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm;

+ **CĐR 33.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá

hiệu quả công việc.

#### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

#### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế... đều có thể dự thi vào ngành Xuất bản nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên: có kết quả xếp loại học lực trong từng năm THPT từ 6.0 trở lên; hạnh kiểm từng năm THPT xếp loại Khá trở lên;
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

#### **9. Nội dung chương trình**

**9.1 Tổng số tín chỉ phải tích lũy:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) trong đó:

<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>41</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	15 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
- Toán và khoa học tự nhiên	3 tín chỉ
- Ngoại ngữ	12 tín chỉ
- Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành	28 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>25 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>3 tín chỉ</i>
- Kiến thức bổ trợ	12 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành	30 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>15 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
- Thực tập, khoá luận tốt nghiệp/học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	10 tín chỉ



9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Học phần tiên quyết
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>41</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	TM01012	Triết học Mác-Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác - Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	2,0 (1,5:0,5)	
4.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về ĐCSVN; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	LS01002	Lịch sử Đảng	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo	2,0	

		Cộng sản Việt Nam	của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	(1,5:0,5)	
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>9</b>	
6.	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
7.	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>Tự chọn</b>				<b>6/20</b>	
10.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ	2,0	

			thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	(1,5:0,5)	
11.	<b>XH 01001</b>	Xã hội học đại cương	Môn học trang bị kiến thức cơ bản về: đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,0:1,0)	
12.	<b>QT 02552</b>	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; địa - chính trị Việt Nam; địa - chính trị của biển và địa - chính trị Biển Đông.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>ĐC 01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>KT 01004</b>	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách. Đưa ra những công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp. Đồng thời trang bị những hiểu biết nhất định về vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách kinh tế chủ yếu như: chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá. Từ đó tạo điều kiện cho người học vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
15.	<b>TT 01002</b>	Cơ sở văn hoá	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các	2,0	

		Việt Nam	mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	(1,5:0,5)	
16.	<b>ĐC 01006</b>	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>TG 01007</b>	Tâm lý học xã hội	Trang bị các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	2,0 (1,5:0,5)	
18.	<b>TT01001</b>	Lịch sử văn minh thế giới	Trang bị những kiến thức cơ bản về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử, thương hiệu cũng như các con đường chủ yếu để xây dựng hình ảnh, thương hiệu. Những thông tin về kinh nghiệm, bài học tiêu biểu xây dựng hình ảnh, thương hiệu của một số quốc gia trên thế giới.	2,0 (1,5:0,5)	
19.	<b>ĐC01004</b>	Lý luận văn học	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận văn học như: tác phẩm văn học (thành tố cấu thành, loại thể), tác giả văn học, quá trình sáng tạo, tiếp nhận văn học, thi pháp, phong cách...	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
20.	<b>ĐC 01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>12/24</b>	
21.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	

22.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần giúp ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện... Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng nghe- nói -đọc -viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
24.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>89</b>	

<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>12</b>	
27.	<b>BC02801</b>	Lý thuyết truyền thông	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông; hiểu được bản chất xã hội của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông, các lý thuyết truyền thông cơ bản, chu trình truyền thông, các phương tiện truyền thông và có thể thành thiết lập kế hoạch truyền thông, cũng như các kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá, giám sát.	3,0 (2,0:1,0)	
28.	<b>PT02306</b>	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	Học phân trang bị những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông để người học hiểu biết thêm, tham khảo và vận dụng nhất định trong điều kiện báo chí truyền thông Việt Nam đổi mới và hội nhập; những kiến thức cụ thể liên quan đến đạo đức và luật pháp trong lĩnh vực xuất bản.	3,0 (2,0:1,0)	
29.	<b>BC02115</b>	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phân cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; hoạt động tiếp nhận của công chúng; phương pháp tiếp cận công chúng; chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
30.	<b>QQ02101</b>	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Học phân trang bị hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo và các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; làm rõ mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo; những kiến thức cụ thể liên quan đến quan hệ công chúng và quảng cáo trong lĩnh vực xuất bản.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				<b>6/18</b>	
31.	<b>XB02802</b>	Lịch sử xuất	Học phân trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về lịch sử xuất bản nói	3,0	

		bản sách	chung, lịch sử xuất bản sách và hoạt động xuất bản trên thế giới và ở Việt Nam.	(1,5:1,5)	
32.	<b>XB02801</b>	Phong cách học văn bản	Học phân trang bị cho sinh viên những tri thức về văn bản và đặc trưng phong cách các loại văn bản để nhận diện các loại văn bản bản thảo khác nhau trong hoạt động biên tập, từ đó có được kiến thức về nguyên tắc và phương pháp biên tập phù hợp và hiệu quả đối với từng loại văn bản cụ thể.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	<b>XB02804</b>	Các phương tiện truyền thông trong hoạt động xuất bản	Học phân trang bị những kiến thức căn bản về các phương tiện truyền thông trong hoạt động xuất bản: truyền hình, phát thanh, báo in, báo mạng điện tử; cơ chế tác động của những phương tiện này lên hoạt động xuất bản. Giúp người học tự đưa ra quan điểm cá nhân trước bất kỳ sự việc, hiện tượng, vấn đề nào nảy sinh trong cuộc sống, và sắp xếp, trình bày nó một cách logic, có sức thuyết phục. Kết hợp với các yếu tố về phương pháp tư duy sáng tạo tác phẩm báo chí, đặc trưng của từng loại hình phương tiện người học có thể rèn luyện kỹ năng tự sáng tạo tác phẩm của riêng mình để truyền thông các sản phẩm, hoạt động của đơn vị xuất bản.	3,0 (1,5:1,5)	
34.	<b>QQ02504</b>	Truyền thông mạng xã hội	Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về truyền thông mạng xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông mạng xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, đặc điểm và vai trò của truyền thông mạng xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông mạng xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội.	3,0 (2,0:1,0)	
35.	<b>XB02805</b>	Mạng xã hội trong hoạt động xuất bản	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản về mạng xã hội, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội ứng dụng trong hoạt động của các đơn vị xuất bản.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.2 Kiến thức ngành</b>				<b>28</b>	
<i>Bắt buộc</i>				25	
36.	<b>XB02701</b>	Cơ sở lý luận XB	Học phân trang bị những tri thức lý luận cơ bản về hoạt động xuất bản: các khái niệm, các quan niệm về xuất bản, tính chất; mục tiêu, vai trò và chức năng của xuất bản; các bộ phận cấu thành trong xuất bản; quy trình xuất bản; các quan hệ tác động qua lại giữa xuất bản với các lĩnh vực khác như chính trị,	3,0 (1,5:1,5)	

			kinh tế, văn hoá; các nguồn lực tham gia vào hoạt động xuất bản; xuất bản phẩm và thị trường xuất bản phẩm ở Việt Nam hiện nay.		
37.	<b>XB02806</b>	Tổ chức bản thảo	Học phần trang bị những tri thức và kỹ năng cơ bản về công tác tổ chức bản thảo các loại sách trong hoạt động xuất bản: kỹ năng lập kế hoạch xuất bản, kỹ năng tổ chức, bồi dưỡng cộng tác viên.	3,0 (1,5:1,5)	
38.	<b>XB02807</b>	Biên tập bản thảo	Học phần trang bị những tri thức chung về công tác biên tập bản thảo trong hoạt động xuất bản: khái niệm, vai trò, nội dung và quy trình biên tập bản thảo trong hoạt động xuất bản; những nội dung thẩm định bản thảo: tính chính trị, tính khoa học, tính nghệ thuật.	3,0 (1,5:1,5)	
39.	<b>XB02808</b>	Trình bày và minh họa xuất bản phẩm	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về trình bày minh họa sách như: lập đề cương thiết kế sách, thiết kế khổ sách, trình bày bìa sách, thiết kế kỹ - mỹ thuật sách; các kỹ năng biên tập kỹ - mỹ thuật sách.	4,0 (2,0:2,0)	
40.	<b>XB02809</b>	Quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động xuất bản	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về: hệ thống sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan trong xuất bản; tình hình thực thi pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan trên các mặt: soạn thảo ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành; các hoạt động triển khai thực hiện; hoạt động tự bảo vệ quyền và đăng ký; hoạt động thực thi; hợp tác quốc tế.	3,0 (1,5:1,5)	
41.	<b>XB03722</b>	Quản lý nhà nước về xuất bản	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về mô hình tổ chức hoạt động của một nhà xuất bản, đơn vị sản xuất xuất bản phẩm, trong đó mô tả rõ các bộ phận, chức danh chuyên môn, quy trình tổ chức sản xuất, kinh doanh xuất bản phẩm...	3,0 (1,5:1,5)	
42.	<b>XB02811</b>	Thực tế chính trị - xã hội	Học phần giúp sinh viên thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: cơ cấu tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị các cấp, đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...; vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của biên tập viên trong hoạt động biên tập - xuất bản.	2,0 (0,5:1,5)	
43.	<b>XB03732</b>	Kiến tập nghề nghiệp (năm thứ ba)	Học phần giúp sinh viên tìm hiểu đơn vị xuất bản và quy trình hoạt động của đơn vị xuất bản nơi đến kiến tập; Tham gia các khâu công tác biên tập: công tác kế hoạch đề tài, công tác cộng tác viên, biên tập bản thảo, trình bày in ấn,	3,0(0,5:2,5)	



			truyền thông - phát hành sách.		
<i>Tự chọn (1/3 học phần)</i>				3/9	
44.	<b>XB02803</b>	Soạn thảo và biên tập văn bản hành chính	Học phân trang bị những tri thức cơ bản về soạn thảo và biên tập văn bản hành chính: văn phong, cách trình bày và kỹ thuật trong quy trình thực hiện soạn thảo và biên tập văn bản hành chính thông thường: công văn, thông báo, báo cáo và các văn bản pháp luật khác theo đúng quy định.	3,0 (1,5:1,5)	
45.	<b>XB02815</b>	Biên tập sách thiếu nhi	Học phân trang bị những tri thức cơ bản về sách thiếu nhi: đặc điểm, vai trò sách thiếu nhi; quy trình biên tập sách thiếu nhi; đồng thời rèn luyện các kỹ năng biên tập, xuất bản sách thiếu nhi ở các thể loại.	3,0 (1,5:1,5)	
46.	<b>XB02817</b>	Marketing xuất bản	Học phân cung cấp những tri thức cơ bản về hoạt động marketing trong ngành xuất bản, đồng thời rèn luyện các kỹ năng tư duy và hoạt động thực tiễn về marketing trong quá trình sản xuất kinh doanh xuất bản phẩm ở các nhà xuất bản, các đơn vị xuất bản hiện nay.	3,0 (1,5:1,5)	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>				<b>12</b>	
<i>Bắt buộc</i>				6	
47.	<b>XB02812</b>	Biên tập ngôn ngữ văn bản	Học phân trang bị những hiểu biết về ngôn ngữ học lý thuyết và tiếng Việt hiện đại: đặc điểm loại hình, đặc điểm ngữ âm, các phương thức cấu tạo từ, phương thức ngữ pháp; đoạn ngữ, câu và văn bản..., kỹ năng xử lý những hiện tượng ngôn ngữ văn bản ở mọi cấp độ dựa vào những chuẩn mực ngôn ngữ đã có trong tiếng Việt.	3,0 (1,5:1,5)	
48.	<b>XB03717</b>	Quản trị kinh doanh xuất bản	Học phân trang bị những tri thức cơ bản về hoạt động quản trị kinh doanh trong ngành xuất bản, đồng thời rèn luyện các kỹ năng tư duy và hoạt động thực tiễn về quản trị trong quá trình sản xuất kinh doanh xuất bản phẩm ở các nhà xuất bản, các đơn vị xuất bản hiện nay.	3,0 (1,5:1,5)	
<i>Tự chọn (chọn 2/6 học phần)</i>				6/18	
49.	<b>XB02814</b>	Xuất bản tạp chí, tập san	Học phân trang bị những tri thức lý luận chung về xuất bản tạp chí, tập san; đặc điểm biên tập; nội dung quy trình và các kỹ năng thực hành biên tập tạp chí, tập san. Cung cấp thêm kỹ năng mềm để khi ra trường sinh viên có thể	3,0 (1,5:1,5)	

			đề dàng chuyển đổi nghề nghiệp chuyên ngành.		
50.	<b>XB02816</b>	Kinh doanh xuất bản phẩm	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản về kinh doanh xuất bản phẩm, thị trường xuất bản phẩm và các nghiệp vụ cơ bản của phát hành sách hiện nay; qua đó, rèn luyện kỹ năng quan sát, nhạy bén phát hiện những vấn đề về kinh doanh xuất bản phẩm hiện nay.	3,0 (1,5:1,5)	
51.	<b>XB02818</b>	Kỹ năng viết cho truyền thông xuất bản	Học phân trang bị những tri thức và kỹ năng thực hành trong việc sử dụng báo chí, mạng xã hội như là một công cụ cơ bản của người hoạt động quan hệ công chúng trong lĩnh vực xuất bản. Người học sẽ có khả năng viết Lời nói đầu, Lời giới thiệu sách; viết thông cáo báo chí, viết tin bài; khả năng sắp xếp và chuẩn bị các cuộc trả lời phỏng vấn, khả năng sản xuất các bộ túi thông tin, các tài liệu thông tin như ấn phẩm, băng hình giới thiệu, tờ rơi...nhằm phục vụ công việc truyền thông của các đơn vị xuất bản.	3,0 (1,0:2,0)	
52.	<b>XB02819</b>	Tổ chức sự kiện xuất bản	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện xuất bản và tổ chức sự kiện xuất bản, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện xuất bản chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện xuất bản và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (1,0:2,0)	
53.	<b>XB02820</b>	Đồ họa xuất bản	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế thông tin đồ họa. Lĩnh hội được những xu thế, đặc trưng cơ bản của việc thiết kế đồ họa trên các xuất bản phẩm. Rèn luyện kỹ năng để xây dựng, thiết kế các sản phẩm thông tin đồ họa phục vụ xuất bản phẩm và sản phẩm truyền thông khác.	3,0 (1,0:2,0)	
54.	<b>XB02821</b>	Sản xuất video clip cho xuất bản phẩm	Học phân trang bị hướng cách phát hiện vấn đề và biết cách và sắp xếp, trình bày một sản xuất video clip, trong đó có các clip tin tức và phóng sự một cách logic, có sức thuyết phục với tính khách quan cao.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>30</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>15</b>	
55.	<b>XB03718</b>	Biên tập sách chính trị - pháp	Học phân trang bị những tri thức lý thuyết chuyên ngành về sách chính trị - pháp luật và biên tập loại sách này. Xây dựng và rèn luyện kỹ năng vận dụng	3,0 (1,5:1,5)	

		và xử lý khủng hoảng trong xuất bản	truyền thông và quản lý khủng hoảng truyền thông xuất bản. Cụ thể, kiến thức về các vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội đang ảnh hưởng tới tổ chức, các lý thuyết về quản lý truyền thông và khủng hoảng truyền thông xuất bản, các quy trình xử lý khủng hoảng và phục hồi sau khủng hoảng.		
69.	<b>XB02809</b>	Giao tiếp đàm phán và phát ngôn trong hoạt động xuất bản	Học phân trang bị những kiến thức căn bản về phát ngôn trước công chúng; giúp người học rèn luyện sự tự tin, các bước cơ bản để xây dựng 1 bài diễn thuyết, khả năng tư duy logic và ứng biến khéo léo, nhanh nhạy, phù hợp trong phát ngôn trước công chúng; phương pháp chuẩn bị trước khi làm việc với giới truyền thông, kỹ năng ứng xử trước truyền thông và công chúng, kỹ năng diễn thuyết hiệu quả (sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ), kỹ năng quản lý khủng hoảng và đưa ra chiến lược xử lý khủng hoảng trực tiếp.	3,0 (1,5:1,5)	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																	
		Kiến thức															Kỹ năng												Năng lực tự chủ						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
1	<b>TM01012</b>	2															2	2	2																
2	<b>KT01011</b>	2															2	2	2																
3	<b>CN01002</b>	2															2	2	2																
4	<b>TH01001</b>	2															2	2	2																
5	<b>LS01002</b>	2															2	2	2																
6	<b>NP01001</b>		2														2	2	2																
7	<b>CT01001</b>		2														2	2	2																
8	<b>XD01001</b>		2														2	2	2																
9	<b>TG01004</b>			2													2	2	2																
10	<b>QT01001</b>	2															2	2	2																
11	<b>XH01001</b>	2															2	2	2																
12	<b>QT 02552</b>	2															2	2	2																







## 10. Hướng dẫn thực hiện

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Học phần	Số TC	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1.	Triết học Mác- Lênin	3		X						
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		X						
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				X				
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	X							
6.	Pháp luật đại cương	3					X			
7.	Chính trị học	2	X							
8.	Xây dựng Đảng	2							X	
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	X							
10.	Quan hệ quốc tế đại cương	2								
11.	Xã hội học đại cương	2			X					
12.	Địa chính trị thế giới	2				X				
13.	Tiếng Việt thực hành	2			X					
14.	Kinh tế học đại cương	2						X		
15.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					X			
16.	Ngôn ngữ học đại cương	2				X				
17.	Tâm lý học xã hội	2	X							
18.	Lý luận văn học	2				X				
19.	Lịch sử văn minh thế giới	2			X					
20.	Tin học ứng dụng	3		X						
21.	Tiếng Anh/Tiếng Trung học phần 1	4	X							
22.	Tiếng Anh/Tiếng Trung học phần 2	4		X						
23.	Tiếng Anh/Tiếng Trung học phần 3	4			X					
24.	Lý thuyết truyền thông	3		X						
25.	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3				X				
26.	Công chúng báo chí - truyền thông	3	X							
27.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3		X						
28.	Lịch sử xuất bản sách	3		X						
29.	Phong cách học văn bản	3			X					

30.	Các phương tiện truyền thông trong hoạt động xuất bản	3				X				
31.	Truyền thông mạng xã hội	3				X				
32.	Mạng xã hội trong hoạt động xuất bản	3				X				
33.	Cơ sở lý luận xuất bản	3				X				
34.	Tổ chức bản thảo	3				X				
35.	Biên tập bản thảo	3				X				
36.	Trình bày và minh họa xuất bản phẩm	4				X				
37.	Quyền tác giả, quyền liên quan trong lĩnh vực xuất bản	3					X			
38.	Quản lý nhà nước về xuất bản	3					X			
39.	Thực tế chính trị - xã hội	2					X			
40.	Kiến tập nghề nghiệp (năm thứ ba)	3					X			
41.	Soạn thảo và biên tập văn bản hành chính									
42.	Biên tập sách thiếu nhi									
43.	Marketing xuất bản									
44.	Biên tập ngôn ngữ văn bản	3						X		
45.	Quản trị kinh doanh xuất bản	3						X		
46.	Xuất bản tạp chí, tập san	3		X				X		
47.	Kinh doanh xuất bản phẩm	3						X		
48.	Kỹ năng viết cho truyền thông xuất bản	3						X		
49.	Tổ chức sự kiện xuất bản	3						X		
50.	Đồ họa xuất bản	3						X		
51.	Sản xuất video clips trong xuất bản	3						X		
52.	Biên tập sách chính trị - pháp luật	3					X			
53.	Biên tập sách giáo dục	3					X			
54.	Biên tập sách khoa học - kỹ thuật và công nghệ	3					X			
55.	Biên tập sách văn học	3					X			
56.	Biên tập sách điện tử	3					X			
57.	Thực tập tốt nghiệp (năm thứ tư)	3								X
58.	Khóa luận tốt nghiệp	6								X
59.	Những vấn đề nhạy cảm trong công tác biên tập hiện nay	3								X



60.	Xã hội hóa và thương mại hóa trong hoạt động xuất bản	3								X
61.	Biên tập sách dịch	3						X		
62.	Biên tập sách tra cứu - chỉ dẫn	3						X		
63.	Bán hàng và quan hệ khách hàng xuất bản phẩm	3						X		
64.	Nghiên cứu nhu cầu và thị trường XBP	3						X		
65.	Truyền thông và xử lý khủng hoảng trong hoạt động xuất bản	3						X		
66.	Giao tiếp đàm phán và phát ngôn trong hoạt động xuất bản	3						X		

## 10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

### - Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Xuất bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sĩ, 02 Tiến sĩ, 01 Nghiên cứu sinh, 03 Thạc sĩ được đào tạo các chuyên ngành Xuất bản, Báo chí, Lịch sử, Ngôn ngữ... cùng một số lượng đông đảo các tiến sĩ và thạc sĩ đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Xuất bản được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, thành thạo công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở trong nước và nước ngoài. Tham gia giảng dạy chương trình này còn có những chuyên gia trong lĩnh vực xuất bản, truyền thông và giảng viên mời đến từ các trường đại học khác, các đối tác nước ngoài của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### - Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đặc thù

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m<sup>2</sup> và diện tích sử dụng là 57.310 m<sup>2</sup>.

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 - 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng

các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang thông tin điện tử và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo. Khoa Xuất bản có 1 phòng thực hành Xuất bản có hệ thống mạng internet wifi và các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành Xuất bản tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

### **10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình**

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Trương Ngọc Nam**